

LỜI NÓI ĐẦU

Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức là cơ quan ngôn luận chính thức của Trường Đại học Hồng Đức, có Mã số chuẩn quốc tế ISSN 1859 - 2759, hoạt động theo Giấy phép số 14/BTTTT-GPHĐBC ngày 01/01/2009, và Giấy phép số 125/GP-BTTTT cấp lại ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức là nơi phản ánh hoạt động giáo dục, đào tạo; Công bố các tác phẩm, công trình nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên, học viên, các nhà khoa học trong và ngoài trường; Tuyên truyền phổ biến các chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác giáo dục, đào tạo; Giới thiệu, trao đổi các kết quả nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

Hội đồng biên tập rất mong nhận được sự cộng tác nhiệt tình của đông đảo cán bộ giảng viên, cán bộ nghiên cứu, các nhà khoa học trong và ngoài trường để Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức mang đến độc giả những kết quả, thông tin có giá trị khoa học và hữu ích.

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TẠP CHÍ KHOA HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
SỐ 38 (4 - 2018)

MỤC LỤC

1	<i>Nguyễn Mạnh An</i> <i>Ngô Chí Thành</i>	Vai trò các bên liên quan trong xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật công trình xây dựng và ngành Công nghệ thông tin, Trường Đại học Hồng Đức	5
2	<i>Nguyễn Thị Lan Anh</i>	Giáo dục lối sống cho sinh viên Việt Nam trước tác động của xu thế toàn cầu hóa	13
3	<i>Lê Thị Anh</i>	Quán triệt nghị quyết đại hội XII về xây dựng Đảng và bộ máy Nhà nước vào giảng dạy trong môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	20
4	<i>Trịnh Tố Anh</i>	Đổi mới phương pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên Trường Đại học Hồng Đức hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	28
5	<i>Nguyễn Thị Bé</i>	Tích hợp rèn luyện năng lực giao tiếp cho sinh viên thông qua việc dạy học học phần Ngữ dụng học	39
6	<i>Đào Thị Hà</i> <i>Đoàn Dũng Sĩ</i>	Một số cách làm đồ chơi từ vật liệu tái chế cho trẻ mầm non	46
7	<i>Lê Văn Hào</i> <i>Lê Thị Hồng Hà</i> <i>Trịnh Thị Anh Loan</i>	Tìm kiếm video bài giảng dạng slide dựa vào nội dung	54
8	<i>Nguyễn Hữu Hậu</i> <i>Trần Trung Tình</i>	Bồi dưỡng năng lực đánh giá kết quả học tập môn Toán cho sinh viên sư phạm	63

9	<i>Nguyễn Hữu Học</i>	Dạy và học phương trình vi phân với sự trợ giúp của phần mềm toán học Maple	74
10	<i>Vũ Thị Lan</i>	Giáo dục lối sống văn hóa cho sinh viên Trường Đại học Hồng Đức hiện nay theo quan điểm Hồ Chí Minh - Thực trạng và giải pháp	83
11	<i>Nguyễn Thị Ngọc</i>	Sử dụng phương pháp biến phân RITZ trong các bài tập cơ học lượng tử cho sinh viên chuyên ngành Vật lý của Trường Đại học Hồng Đức	93
12	<i>Mai Thị Quý</i>	Xác định hệ giá trị cân định hướng cho sinh viên trong điều kiện hiện nay	101
13	<i>Nguyễn Thị Tâm</i>	Vận dụng quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN tại văn kiện đại hội XII vào giảng dạy học phần tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước	111
14	<i>Trần Thị Cẩm Vân</i>	Biện pháp tổ chức trò chơi dân gian nhằm phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thông qua hoạt động khám phá môi trường xung quanh	118
15	<i>Nguyễn Thị Vân</i>	Giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ qua di tích lịch sử - cách mạng ở Thanh Hóa	125

VAI TRÒ CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Nguyễn Mạnh An¹, Ngô Chí Thành²

TÓM TẮT

Các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo nói chung và trong xây dựng chương trình đào tạo ở trường đại học nói riêng. Một trong những điểm mới trong xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo ở Trường Đại học Hồng Đức trong những năm qua là có sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong đào tạo. Bài báo phân tích vai trò của các bên liên quan trong xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật công trình xây dựng và ngành Công nghệ thông tin, Trường Đại học Hồng Đức. Trên cơ sở đó, làm kinh nghiệm để nhân rộng mô hình xây dựng chương trình đối với các ngành khác trong Nhà trường và trong các cơ sở đào tạo.

Từ khóa: *Các bên liên quan, chương trình đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo là nội dung được các nhà nghiên cứu và các trường đại học trên thế giới luôn quan tâm chú trọng. Tyler (1949) đã nghiên cứu về cấu trúc của chương trình đào tạo, trong đó nêu rõ: Chương trình đào tạo về cấu trúc phải có 4 phần cơ bản, bao gồm mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, phương pháp hay quy trình đào tạo, và các đánh giá kết quả đào tạo. Tác giả cũng nhấn mạnh, một trong những điểm quan trọng trong xây dựng chương trình đào tạo đó là việc xây dựng chương trình phải được xác định trên căn cứ nhu cầu của người sử dụng lao động. Để xây dựng được các chương trình đào tạo và các khóa học đáp ứng được đòi hỏi của thị trường lao động, thì chìa khóa quan trọng là xây dựng và phát triển chương trình đào tạo phải dựa trên năng lực chuẩn đầu ra. Đây chính là con đường quan trọng để rút ngắn khoảng cách giữa “thế giới học tập” và “thế giới việc làm”. Mạng lưới các trường đại học Asean đã nhấn mạnh đến công tác xây dựng năng lực chuẩn đầu ra từ cấp quốc gia đến cấp quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc định hình giá trị và văn hóa chất lượng của nhà trường (Asean University Network, 2011). Để xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực chuẩn đầu ra, một trong yếu tố quan trọng là phải có sự tham gia giữa các bên liên quan trong quá trình đào tạo, từ các cơ quan quản lý nhà nước cho đến các khách hàng của cơ sở đào tạo như các nhà sử dụng lao động; Vai

¹ Hiệu trưởng, Trường Đại học Hồng Đức

² Trưởng phòng Quản lý Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hồng Đức

trò của các bên liên quan trong giáo dục đại học được thể hiện đa dạng, phong phú tùy từng bối cảnh, giai đoạn và điều kiện cụ thể.

Trong những năm qua, Trường Đại học Hồng Đức thường xuyên áp dụng nhiều phương pháp, biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo; Một trong những giải pháp quan trọng đó là tập trung xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng đáp ứng yêu cầu xã hội; Các chương trình đào tạo của Nhà trường nói chung và chương trình đào tạo các ngành Kỹ thuật công trình xây dựng và ngành Công nghệ thông tin nói riêng được xây dựng dựa trên tiếp cận các phương pháp tiên tiến trên thế giới, trong đó đặc biệt có sự tham gia của các bên liên quan trong đào tạo. Xuất phát từ lý luận và thực tiễn trên, bài báo phân tích vai trò của các bên liên quan trong xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật công trình và ngành Công nghệ thông tin, Trường Đại học Hồng Đức.

2. TỔNG QUAN LÝ LUẬN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

2.1. Cơ sở lý luận về các bên liên quan trong giáo dục đại học

Các bên liên quan là khái niệm được sử dụng khá rộng rãi trong các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp, trong giáo dục và đào tạo; Một cách khái quát, các bên liên quan bao gồm các đơn vị, nhóm người hay cá nhân ở bên trong hoặc bên ngoài của một tổ chức có ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu, sứ mệnh của tổ chức thông qua hành động hay quyết định của họ. Nghiên cứu của Nguyễn Văn Đường (2014) đã tổng hợp các bên liên quan trong giáo dục đại học gồm những nhóm sau:

Bảng 1. Các bên liên quan đối với cơ sở giáo dục đại học

Các bên liên quan	Thành phần, đại diện
Cơ quan quản lý Nhà nước	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành, địa phương quản lý trực tiếp và các bộ ngành liên quan;
Quản lý Nhà trường	Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng, và cán bộ quản lý khác;
Người làm công/ làm thuê	Giảng viên, nhân viên quản lý, nhân viên phục vụ của Nhà trường;
Khách hàng	Sinh viên, cha mẹ sinh viên, các đối tác phục vụ Nhà trường, các nhà sử dụng lao động;
Nhà tài trợ, đầu tư	Nhà tài trợ, đầu tư: các tổ chức, cá nhân;
Cộng đồng	Các trường đại học lân cận, các trường có chung nhóm ngành đào tạo, các hiệp hội nghề nghiệp.
Các tổ chức, cơ quan khác (không quản lý)	Các tổ chức kiểm định độc lập, các hiệp hội nghề nghiệp;
Nhà trung gian về tài chính	Ngân hàng; Quản lý các quỹ; Các nhà phân tích chính sách;
Các liên doanh	Liên minh các trường; tập đoàn giáo dục.

Nguồn: Nguyễn Văn Đường (2014)

Như vậy, có thể thấy các bên liên quan có thể chia thành các nhóm bên trong trường đại học, các nhóm bên ngoài trường đại học; và các nhóm liên quan cả bên trong và bên ngoài trường; Nếu như các nhóm liên quan bên trong là nhân tố quyết định danh tiếng, uy tín, chất lượng, hiệu quả hoạt động, mục tiêu, sứ mệnh của nhà trường thì các nhóm bên ngoài tác động tạo điều kiện thuận lợi phát triển (hoặc ngược lại) tới sự hoạt động của nhà trường.

Nghiên cứu về các bên liên quan trong giáo dục đào tạo, Catharina Bjoquist (2009), Kinjan Ahir (2010), và Ivana Maric (2013), phân tích sâu sắc ảnh hưởng của các bên liên quan trong giáo dục đại học, trong đó nhấn mạnh đến tác động của các bên liên quan trong việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo. Tác giả Thân Thị Thu (2014) nhấn mạnh, các trường đào tạo tại thành phố Hồ Chí Minh cần xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp để thường xuyên cập nhật kiến thức, điều chỉnh chương trình đào tạo, bổ sung giáo trình, tài liệu giảng dạy cho phù hợp. Nghiên cứu còn chỉ rõ, gắn kết với doanh nghiệp xác định chuẩn đầu ra trong đào tạo một yếu tố quan trọng không thể thiếu trong xây dựng chương trình đào tạo phù hợp với đòi hỏi của thị trường lao động.

2.2. Kinh nghiệm xây dựng chương trình đào tạo có sự tham gia của các bên liên quan

Kinh nghiệm trong nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo dựa trên tiếp cận vai trò của các bên liên quan được thể hiện ở kinh nghiệm của một số dự án nghiên cứu, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo đại học ở Việt Nam. Với mục tiêu hướng đến một hệ thống Giáo dục Đại học có định hướng nghề nghiệp, đáp ứng nhanh chóng và tích cực với những đòi hỏi thay đổi, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai dự án phát triển giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp (Professional Oriented Higher Education - POHE) do chính phủ Hà Lan tài trợ. Dự án đã xây dựng và triển khai thành công 10 chương trình đào tạo thực hiện thí điểm ở 8 trường đại học Việt Nam. Các chương trình đào tạo đều được xây dựng dựa trên cơ sở bộ hồ sơ năng lực chuẩn đầu ra được xây dựng. Tại diễn đàn các bên liên quan trong giáo dục đại học Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với dự án POHE tổ chức tại Hà Nội đã chỉ rõ vai trò của các bên liên quan trong đào tạo theo định hướng nói chung và xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực chuẩn đầu ra nói riêng. Trong đó nhấn mạnh sự gắn kết giữa chương trình đào tạo của nhà trường với nhu cầu thực tiễn, cũng như vai trò của nhà trường và doanh nghiệp trong thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.

Nếu như chương trình POHE là tập trung xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp, thì ở dự án ACCCU (Supporting the intergration in Agricultural Curriculum of Climate Change concerns at Universities of Agriculture: Ha Noi University of Agriculture, Hong Duc University and Hue University of Agriculture and Forestry) lại tập trung nghiên cứu tích hợp và phát triển chương trình đào tạo nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Mặc dù POHE và ACCCU đều nghiên cứu, xây dựng và phát triển chương trình theo các mục tiêu cụ thể khác nhau, nhưng điểm chung của hai tiếp cận này là việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo bậc đại học đều phải dựa trên năng lực chuẩn đầu ra để gắn kết đào tạo với đòi hỏi của thị trường lao động.

2.3. Vai trò các bên liên quan trong xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật công trình xây dựng và ngành Công nghệ thông tin, Trường Đại học Hồng Đức

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của các bên liên quan đối với các cơ sở giáo dục đại học, Trường Đại học Hồng Đức xác định xây dựng chương trình phải có sự tham gia chặt chẽ của các bên liên quan; chuẩn đầu ra của chương trình được xây dựng dựa trên nhu cầu của các bên liên quan, gồm các nhà khoa học, chuyên gia giáo dục, các cán bộ giảng dạy, đại diện các cơ quan tổ chức sử dụng sản phẩm đào tạo và các cựu sinh viên thuộc ngành đào tạo. Đây chính là căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo gắn với thực tiễn sinh động của thị trường lao động (nhất là yêu cầu đặc thù về nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh và ở các địa phương lân cận) và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của đất nước. Các bên liên quan Nhà trường đã kết hợp trong xây dựng chương trình đào tạo đối với ngành Kỹ thuật công trình xây dựng và ngành Công nghệ thông tin gồm các thành phần sau:

Bảng 2. Các bên liên quan trong xây dựng chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật công trình xây dựng và ngành Công nghệ thông tin

Các bên liên quan	Thành phần, đại diện
Cơ quan quản lý Nhà nước	Bộ Giáo dục và Đào tạo; UBND tỉnh Thanh Hóa; Các sở ngành liên quan;
Quản lý Nhà trường	Hiệu trưởng, các phó Hiệu trưởng, và trưởng các phòng ban liên quan; Trưởng các khoa Kỹ thuật công nghệ, Công nghệ thông tin và truyền thông;
Người làm công/ làm thuê	Giảng viên, nhân viên quản lý, nhân viên phục vụ của Nhà trường;
Khách hàng	Sinh viên, Cựu sinh viên ngành Kỹ thuật công trình xây dựng, ngành Công nghệ thông tin; các cơ quan, đơn vị sử dụng lao động; các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công trình xây dựng và lĩnh vực công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh (Sở Xây dựng Thanh Hóa; Sở Văn hóa Thông tin và Truyền thông; Viện thiết kế Thanh Hóa; Nhà máy Thủy điện sông Mực; VNPT Thanh Hóa; Công ty TNHH Minh Lộ và các doanh nghiệp khác);
Các nhà đầu tư	Các tổ chức tài chính; Một số các doanh nghiệp trên địa bàn;
Cộng đồng	Các trường đại học lân cận, các trường có chung nhóm ngành đào tạo, các hiệp hội nghề nghiệp.
Các tổ chức, cơ quan (không quản lý)	Tổ chức đánh giá ngoài Chất lượng giáo dục Trường Đại học Hồng Đức theo Tiêu chuẩn Kiểm định chất lượng giáo dục trường Đại học

Các liên doanh	Hiệp hội các trường Đại học; Các trường đại học trong nước và quốc tế: Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Thủy lợi Hà Nội; Đại học Jaramalaya, Thái Lan; Đại học VUB, Bỉ; Đại học Soongsil, Hàn Quốc; Đại học Công nghệ Nanyang, Singapore; Đại học khoa học và công nghệ Đà Nẵng; Học viện Công nghệ Châu Á; Đại học Wollongong, Úc
----------------	---

Sự tham gia của các bên liên quan tập trung vào các nội dung sau:

Thứ nhất, xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và xây dựng bộ hồ sơ năng lực chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Công trình và ngành Công nghệ thông tin tại Trường Đại học Hồng Đức. Trong đó, tập trung xây dựng các chuẩn đầu ra đối với năng lực chung (gồm: năng lực chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm, nghiên cứu khoa học) và chuẩn đầu ra đối với năng lực cụ thể (gồm: năng lực chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, thái độ cần đạt của Kỹ sư công trình xây dựng và Kỹ sư Công nghệ thông tin).

Thứ hai, xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng khung chương trình đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra đối với ngành Kỹ thuật công trình và ngành Công nghệ thông tin.

Thứ ba, đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật công trình và ngành Công nghệ thông tin của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện định hướng xây dựng khung chương trình.

Thứ tư, thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo khung chương trình đã xác định.

Các bên liên quan sẽ có vai trò cụ thể như sau:

Các cơ quan quản lý Nhà nước

Trường Đại học Hồng Đức chịu sự quản lý chuyên môn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chương trình đào tạo Nhà trường xây dựng và ban hành phải tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó, tuân thủ quy định về khung chương trình đào tạo, số tín chỉ bắt buộc, số học phần bắt buộc theo quy định. Trên cơ sở quy định khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường sẽ nghiên cứu để xây dựng chương trình đào tạo với các môn học đáp ứng chuẩn đầu ra theo yêu cầu.

Các bộ phận, cán bộ quản lý Nhà trường

Chương trình đào tạo được xây dựng cũng có sự tham gia của các bên liên quan là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Nhà trường. Chương trình đào tạo một mặt đáp ứng được yêu cầu chuẩn đầu ra, mặt khác phải phù hợp với điều kiện thực hiện của Nhà trường và đảm bảo yêu cầu phát triển chiến lược. Chính vì vậy, tham khảo ý kiến của cán bộ lãnh đạo, quản lý của Nhà trường trong xây dựng chương trình đào tạo là hết sức quan trọng.

Người làm công/ làm thuê

Đội ngũ giảng viên, nhân viên là những người thực hiện trực tiếp đánh giá thực trạng chương trình đào tạo cũ và cũng là những người tham gia trực tiếp trong việc xây dựng

chương trình đào tạo mới. Chính vì vậy, trong xây dựng chương trình đào tạo đòi hỏi phải có sự tham gia chặt chẽ của của đội ngũ giảng viên và nhân viên Nhà trường.

Khách hàng, sinh viên, các đối tác phục vụ nhà trường, các nhà sử dụng lao động

Đây là các bên liên quan đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng chương trình đào tạo; Kết quả đào tạo về kỹ năng, thái độ, phải phù hợp với yêu cầu đa dạng của Doanh nghiệp. Nhà trường thông qua quá trình đào tạo cung cấp nhân lực cho Doanh nghiệp, ngược lại, Doanh nghiệp phản hồi lại Nhà trường các đòi hỏi về chất lượng cũng như sự thay đổi trong từng giai đoạn phát triển. Chính vì vậy, việc sử dụng thông tin từ doanh nghiệp phục vụ cho xây dựng chương trình đào tạo, từ đó cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng đối với ngành Kỹ thuật công trình và ngành Công nghệ thông tin, đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động là vấn đề quan trọng.

Nhà tài trợ, đầu tư (các tổ chức, cá nhân): Để thực hiện được chương trình đào tạo một cách hiệu quả, đòi hỏi phải có sự tham gia của các nhà tài trợ, đầu tư (các tổ chức, cá nhân). Đây là điều kiện hết sức quan trọng để thực hiện chương trình đào tạo, nhất là đối với các chương trình tiên tiến, chương trình hiện đại, đòi hỏi cơ sở vật chất quy mô, đầu tư tốn kém về mặt kinh phí. Các nhà đầu tư có thể hỗ trợ thiết bị thí nghiệm, thực hành thực tập, hỗ trợ xây dựng thư viện phục vụ học tập của chương trình đào tạo.

Cộng đồng (Các trường đại học lân cận, các trường có chung nhóm ngành đào tạo, các hiệp hội nghề nghiệp): Trong xu thế hiện nay, có sự cạnh tranh gay gắt trong đào tạo. Đòi hỏi tạo mối liên kết chặt chẽ giữa các trường đại học lân cận, các trường có chung nhóm ngành đào tạo. Tạo điều kiện để phát huy được thế mạnh trong đào tạo của các trường. Để tiến hành xây dựng chương trình đào tạo đối với 02 ngành trên, Trường Đại học Hồng Đức cũng tham khảo, so sánh đối với các chương trình đào tạo của các Trường Đại học trong và ngoài nước, để xây dựng chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu xã hội.

3. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn cho thấy đối với Trường Đại học Hồng Đức, các bên liên quan đã đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo nói chung và đối với 02 ngành Kỹ thuật công trình xây dựng và Công nghệ thông tin nói riêng.

Thông qua việc phát huy vai trò của các bên liên quan, Nhà trường đã xây dựng được chương trình đào tạo khoa học, đúng quy định và có mục tiêu, nội dung được xây dựng theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ, hình thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người; được cụ thể hóa trong từng học phần, khối lượng kiến thức.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Báo cáo tổng hợp Hợp tác trường Đại học và Doanh nghiệp trong đào tạo đại học định hướng nghề nghiệp tại Việt Nam*, Dự án phát triển giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp ứng dụng ở Việt Nam.

- [2] Nguyễn Văn Đường (2014), *Các bên liên quan và vai trò trong giáo dục đại học định hướng nghề nghiệp ứng dụng, Diễn đàn các bên liên quan trong giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng tại Việt Nam*, Hà Nội, tháng 12 năm 2014.
- [3] Nguyễn Văn Kim (2014), *Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo về các ngành khoa học xã hội và nhân văn trong giáo dục đại học ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, Hội đồng Lý luận Trung ương, tháng 1/2014.
- [4] Nghị quyết Chính phủ số 44/ NQ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2014, Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29 - NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương khóa XI, Cổng thông tin điện tử chính phủ <http://www.chinhphu.vn/>.
- [5] Quyết định số 37/ 2013/ QĐ - TTg ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, Về việc điều chỉnh mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020, Cổng thông tin điện tử chính phủ <http://www.chinhphu.vn/>.
- [6] Thân Thị Thư (2014), *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo - Giáo dục đại học góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thành phố Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, Hội đồng Lý luận Trung ương, tháng 1/2014.
- [7] Nguyễn Minh Thuyết (2014), *Giáo dục đại học trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI, Hội đồng Lý luận Trung ương, tháng 1/2014.
- [8] Asean University Network (2011), *Asean University Network Quality - Assurance: Guide to AUN actual Quality Assessment at Programme Level*, Asean University Network, Thai Lan.
- [9] Catharina Bjorkquist (2009), *Stakeholder Influence in Higher Education*, Karlstad University Studies 2009:47, ISSN 1403-8099.
- [10] Ivana Maric (2013), *Stakeholder analysis of Higher Education Institution*, Interdisciplinary Description of Complex Systems 11(2), 217-226, 2013
- [11] Kinjan Ahir (2010), *The Role of Internal and External Stakeholders in Higher Education Affairs in India*.
- [12] Leyton - Brown, D, (2004), *Demystifying Quality Assurance*, Conference on Higher Education in Canada, Kinston, Ontario.
- [13] Lynn Meek, Ulrich Teichler, Kearney (2009), *Higher Education, Research and Innovation: changing Dynamics, Report on Unesco forum on Higher Education*, Research and Knowledge 2001 - 2009, International Centre for Higher Education Research Kassel, Druckerstatt 17, D- 34109 Kassel, Germany.

- [14] Tyler, R.W. (1949), *Basic Principles of Curriculum and Instruction*, University of Chicago Press.
- [15] Wellington, Jerry (1994), *How far should the Post-16 curriculum be determined by the needs of employers?*, *The Curriculum Journal*, Vol.5, No. 3, pp. 307-321.

**THE ROLE OF THE STAKEHOLDERS IN BUILDING CURRICULUM
FOR THE FIELD OF CONSTRUCTION ENGINEERING
AND INFORMATION TECHNOLOGY
AT HONG DUC UNIVERSITY**

Nguyen Manh An, Ngo Chi Thanh

ABSTRACT

Stakeholders play an important role in the training process in general and in the development of curriculum in universities in particular. In recent years, Hong Duc university is focusing on building curriculum, in which, stakeholders are considers as crucial role in the education process of the university. This article analyzes the role of stakeholders in the development of the curriculum for the field of Construction Engineering and Information Technology, Hong Duc university. This discussion will bring experience to build curriculum for other fields in the university and in other institutions.

Keywords: *Stakeholders, curriculum, Hong Duc university.*

GIÁO DỤC LỐI SỐNG CHO SINH VIÊN VIỆT NAM TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

Nguyễn Thị Lan Anh¹

TÓM TẮT

Toàn cầu hóa ngày càng tác động mạnh mẽ, sâu sắc đến văn hóa, lối sống người Việt Nam nói chung, sinh viên nói riêng. Sự tác động đó diễn ra trên cả hai phương diện tích cực và tiêu cực. Giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên trước tác động của xu thế toàn cầu hóa là một quá trình lâu dài và phức tạp, đòi hỏi phải có những giải pháp toàn diện, từ chủ thể giáo dục, đối tượng giáo dục và toàn xã hội. Chỉ có như vậy, việc giáo dục mới thực sự hiệu quả, giúp sinh viên trở thành những người tiếp nối xuất sắc những truyền thống vẻ vang của dân tộc, là lực lượng hùng mạnh, tiên phong trong sự nghiệp đổi mới của đất nước, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ khóa: *Giáo dục lối sống, toàn cầu hóa, sinh viên.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Toàn cầu hóa là một xu thế tất yếu, khách quan của lịch sử. Quá trình toàn cầu hóa đang tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức gay gắt cho toàn nhân loại. Dưới góc độ văn hóa, toàn cầu hóa đã tạo ra cơ hội để giao lưu, hội nhập, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại, thúc đẩy và hình thành nền kinh tế tri thức, góp phần hình thành lối sống văn minh, hiện đại. Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng mang lại nguy cơ đồng nhất các giá trị, phá vỡ các giá trị truyền thống dân tộc, sự lệ thuộc văn hóa.

Hiện nay, toàn cầu hóa đã tác động mạnh mẽ tới lối sống, tạo ra những chuyển biến tích cực, mặt khác cũng phá vỡ nhiều hình thức và nội dung trong lối sống truyền thống Việt Nam nói chung, sinh viên nói riêng. Vì vậy, việc giáo dục, định hướng các giá trị nhân văn cho sinh viên là hết sức cần thiết.

2. NỘI DUNG

2.1. Tác động của xu thế toàn cầu hóa đến lối sống của sinh viên Việt Nam hiện nay

2.1.1. Tác động tích cực

Toàn cầu hóa đã và đang tạo điều kiện cho sinh viên tiếp xúc với nhiều giá trị văn hóa từ nhiều nền văn hóa khác nhau. Với ưu thế của tuổi trẻ, có tri thức, nhạy cảm, nhanh thích nghi với sự thay đổi của xã hội, sinh viên dễ tiếp thu cái mới, các giá trị đạo đức, lối sống tốt đẹp của các dân tộc khác để bổ sung và không ngừng hoàn thiện nhân cách, lối sống của mình. Toàn cầu hóa còn tạo điều kiện cho sự truyền bá nhanh chóng và chuyển giao những

¹ Giảng viên khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, nhờ đó, sinh viên có thể tiếp cận, cập nhật thông tin, tri thức không lồ của nhân loại. Ngoài những phẩm chất đạo đức truyền thống, nhiều nét mới trong các chuẩn mực đạo đức, lối sống mới được hình thành. Nhiều sinh viên luôn đầy ắp các ý tưởng độc đáo, thú vị và họ tận dụng mọi cơ hội để biến các ý tưởng ấy thành hiện thực. Không chỉ chờ đợi cơ hội đến, họ còn tự mình tạo ra cơ hội. Đã có nhiều sinh viên nhận được bằng phát minh, sáng chế; không ít trong số những phát minh ấy được áp dụng, được biến thành những sản phẩm hữu ích trong thực tiễn. Trong học tập, sinh viên tự mình đọc sách, nghiên cứu, lấy thông tin, tài liệu từ nhiều nguồn. Phần lớn sinh viên đều có khả năng thích nghi cao với mọi môi trường sinh sống và học tập, phát huy tinh thần học tập ở mọi nơi, mọi lúc. Sự năng động của sinh viên còn được thể hiện ở việc tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Bằng sự năng động, sinh viên luôn tự cập nhật thông tin, kiến thức, làm mới mình, phù hợp với sự thay đổi và phát triển của xã hội. Nhìn chung, sinh viên hiện nay có đạo đức cách mạng, có lối sống trong sáng, giản dị, lành mạnh, biết vươn tới các giá trị chân, thiện, mỹ; sống có hoài bão, có lý tưởng, có niềm tin ở tương lai tươi sáng của dân tộc; dám đấu tranh để bảo vệ cái đúng, bảo vệ lẽ phải, bảo vệ sự công bằng, lên án cái xấu, cái ác. Những tấm gương cao đẹp hy sinh thân mình vì Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân luôn được tuổi trẻ ngưỡng mộ, học tập và làm theo. Điều đó cho thấy, sinh viên ngày nay vẫn ý thức rõ trách nhiệm trước Tổ quốc và nhân dân, mong muốn được đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.1.2. Tác động tiêu cực

Mặt trái của xu thế toàn cầu hóa cùng với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng đã và đang tác động tiêu cực đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của sinh viên Việt Nam. Có thể thấy lối sống của sinh viên hiện đang biến đổi theo chiều hướng phức tạp. Những biểu hiện văn hóa lệch lạc, lối sống thiếu lành mạnh, những hiện tượng tha hóa, sai lệch chuẩn mực giá trị, đạo đức, xa rời thuần phong mỹ tục của dân tộc... đã và đang xuất hiện trong đời sống của sinh viên. Vấn nạn bạo lực học đường có xu hướng gia tăng; tình trạng sống thử, quan hệ tình dục trước hôn nhân ngày càng phổ biến; sự vi phạm pháp luật ngày càng nghiêm trọng (phát tán văn hóa phẩm đồi trụy, gây án nơi học đường, nghiện hút, lô đề, cờ bạc, đua xe...). Đó là biểu hiện của lối sống lạnh lùng, vô cảm, thiếu hụt những đam mê và khát vọng, vốn là tài sản quý báu của tuổi trẻ. Một bộ phận sinh viên có thái độ thờ ơ, không quan tâm đến các vấn đề chính trị - xã hội của đất nước, thậm chí quay lưng lại với quá khứ, phủ nhận thành quả cách mạng của các thế hệ đi trước, có thái độ đòi hỏi hơn là sự hy sinh, ước muốn hưởng thụ nhiều hơn là đóng góp, ít chú ý đến nghĩa vụ và trách nhiệm công dân. Tại Đại hội lần thứ IX Hội Sinh viên Việt Nam (nhiệm kỳ 2013 - 2018) Ban Chấp hành Trung ương Hội nhận định: *“Một số sinh viên còn thờ ơ về chính trị, sống thực dụng, chạy theo những trào lưu, xu thế lệch lạc, mắc vào các tệ nạn xã hội, thậm chí vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, không ít sinh viên chưa xác định rõ mục tiêu, động cơ học tập đúng đắn, dẫn đến thiếu ý chí phấn đấu, rèn luyện, kỹ năng mềm chưa tốt, ảnh hưởng đến năng lực làm việc khi ra trường”* [1; tr.4].

Theo báo cáo do Bộ Giáo dục và Bộ Công an công bố tại Hội thảo *Công tác bảo đảm an ninh, trật tự trường học và công tác học sinh, sinh viên năm học 2014-2015* do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức ngày 5.8.2014, tình trạng học sinh, sinh viên phạm pháp tiếp tục gia tăng cả về tính chất và mức độ nghiêm trọng. Báo cáo cũng đưa ra con số thống kê (chưa đầy đủ) từ năm 2009 đến nay, học sinh, sinh viên liên quan đến trên 8.000 vụ hình sự, trong đó các hành vi gây rối trật tự công cộng có 935 vụ, tội phạm ma túy có 357 vụ, giết người có 37 vụ, trên 6.000 vụ trộm, cướp tài sản. Bạo lực học đường tuy đã được kiềm chế nhưng vẫn xảy ra tại nhiều địa phương. Tình trạng học sinh, sinh viên bỏ học, bỏ nhà sống lang thang, tụ tập thành băng nhóm gây rối trật tự công cộng, phạm pháp diễn biến phức tạp. Theo báo cáo sơ bộ của công an 63 tỉnh, thành phố trên cả nước, từ năm 2010 đến nay, có trên 7.700 học sinh, sinh viên tham gia đánh nhau, bị xử lý kỷ luật [3].

Từ thực trạng trên cho thấy, trong giai đoạn hiện nay, việc giáo dục và nâng cao văn hóa lối sống cho sinh viên là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng.

2.2. Một số giải pháp giáo dục và nâng cao văn hóa lối sống cho sinh viên trước tác động của xu thế toàn cầu hóa

Thường xuyên chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh cho sinh viên

Đây là giải pháp cơ bản nhằm xây dựng, hình thành nhân cách con người mới xã hội chủ nghĩa cho sinh viên. Trước hết, cần quan tâm giáo dục những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận đúng đắn để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Giáo dục cho sinh viên nhận thức đúng các giá trị chân, thiện, mỹ, những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Nhà trường, gia đình, các tổ chức, đoàn thể, đặc biệt Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên phải thường xuyên quan tâm tới việc bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên những tình cảm cao đẹp về tình yêu quê hương, đất nước, lý tưởng sống, những giá trị đạo đức tốt đẹp, lối sống lành mạnh. Bên cạnh đó, các chủ thể giáo dục cần tăng cường hơn nữa các phong trào hành động cách mạng cho sinh viên mà tiêu biểu là phong trào: *Sinh viên năm tốt*; chương trình *Triệu chữ ký, triệu hành động vì môi trường*, *Sinh viên Việt Nam với biển, đảo quê hương*, *Sinh viên với văn hóa giao thông*... Thông qua các phong trào, các cuộc thi, các cuộc vận động này mà tình cảm, niềm tin, lý tưởng đạo đức của sinh viên sẽ được củng cố và nâng cao; lối sống lành mạnh sẽ được phát huy, nguyên lý giáo dục *học đi đôi với hành* sẽ được thực hiện.

Kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống cho sinh viên

Sự kết hợp chặt chẽ giữa ba môi trường giáo dục trên, một mặt, đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức, định hướng hoạt động giáo dục theo một mục đích, tác động tổ hợp tạo sức mạnh kích thích, thúc đẩy quá trình phát triển lối sống văn hóa của sinh viên; mặt khác, tránh

sự tách rời, vô hiệu hóa lẫn nhau gây cho các em tâm trạng nghi ngờ, hoang mang, dao động trong việc lựa chọn, định hướng các giá trị tốt đẹp trong cuộc sống.

Gia đình chính là môi trường hình thành nhân cách. Chính vì thế, công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên phải được bắt đầu ngay từ lúc bé và thường xuyên duy trì những thói quen tốt, nền nếp tốt; đồng thời, cha mẹ cần có sự giáo dục, định hướng, quản lý và kiểm soát kịp thời để hướng con mình sống theo những giá trị, chuẩn mực đạo đức, tránh lối sống buông thả, thực dụng, hư hỏng.

Cùng với gia đình, nhà trường có vai trò không thể thiếu, là chủ thể trong giáo dục đạo đức cho sinh viên. Trong nhà trường phải luôn duy trì kỷ cương, nề nếp dạy và học. Mỗi thầy cô giáo phải là tấm gương đạo đức cho sinh viên noi theo; ngoài việc truyền đạt tri thức khoa học còn phải định hướng và kịp thời uốn nắn hành vi, thái độ của sinh viên, tạo cho họ có điều kiện thuận lợi nhất để rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống, tiếp thu một cách có chọn lọc những giá trị văn hóa mới. Sự gần gũi giữa các thầy cô và sinh viên cũng là cơ sở để công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên đạt hiệu quả. Nhà trường cần cụ thể hóa các chính sách, chương trình giáo dục phù hợp với nguyện vọng của sinh viên, đồng thời tạo cảm hứng, khích lệ họ trong việc học tập cũng như cố gắng phấn đấu trở thành người tốt.

Môi trường xã hội cũng là một yếu tố cần thiết trong giáo dục đạo đức cho sinh viên. Xã hội cần tạo ra sức mạnh dư luận theo chiều hướng tích cực để sinh viên có thái độ sống phù hợp, có ích, biết chia sẻ, chung sức cùng cộng đồng trong các hoạt động tập thể, đoàn kết và phấn đấu xây dựng nếp sống văn hóa, lành mạnh, chống lại những biểu hiện tiêu cực, suy thoái đạo đức.

Muốn đạt được hiệu quả giáo dục đạo đức cao nhất cho sinh viên thì phải có sự phối hợp đồng bộ, nhất quán giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Đây là vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng cùng chăm lo giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, hình thành phẩm chất cao đẹp của con người mới xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh từng nói: *“Giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn”* [2; tr.519].

Các chủ thể giáo dục phải phát huy vai trò tự học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của sinh viên

Sinh viên là lớp người trẻ, khỏe, có nhiệt tình cách mạng, nhạy cảm với cái mới, cái tiến bộ. Phát huy vai trò của sinh viên trong tự học tập, tự tu dưỡng đạo đức lối sống là biện pháp quan trọng giúp họ nhanh chóng tiến bộ, trưởng thành. Đó còn là điều kiện quyết định kết quả rèn luyện của mỗi cá nhân. Trước hết, phải hình thành cho sinh viên nhu cầu, động cơ phấn đấu, rèn luyện đúng đắn, làm cho mỗi người có ý thức làm chủ, ham học hỏi, cầu tiến bộ, vươn lên tự khẳng định mình. Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để sinh viên phấn đấu, rèn luyện; đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả, định hướng

phần đầu cho sinh viên. Quan tâm đáp ứng những nhu cầu chính đáng của sinh viên về vật chất, tinh thần; giao nhiệm vụ phù hợp với sở trường, năng khiếu đặc điểm tâm, sinh lý của họ sẽ tạo điều kiện tốt để sinh viên rèn luyện đạo đức, lối sống. Mỗi sinh viên phải xác định rõ trách nhiệm trước Tổ quốc và nhân dân, sống có lý tưởng, có hoài bão, khát khao vươn tới cái mới, cái tiến bộ; tự giác rèn luyện, biết tự kiểm chế, biết vượt qua những cám dỗ và tiêu cực xã hội, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng, lợi mình hại người. Sinh viên cần phải tự tin vào chính mình, giữ vững niềm tin trong cuộc sống, vào các giá trị chân, thiện, mỹ; vượt qua mọi khó khăn gian khổ.

Tự giáo dục là một công việc không đơn giản, sinh viên cần có nghị lực, ý chí và sự quyết tâm cao biến những nguyên tắc, chuẩn mực lý luận trở thành niềm tin, lẽ sống, tạo nên động lực thúc đẩy họ học tập tốt và luôn cố gắng hoàn thiện bản thân mình.

Xây dựng môi trường sống, sân chơi lành mạnh cho sinh viên

Sinh viên ngày nay đang sống trong thời kỳ bùng nổ thông tin, kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ, giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng. Sinh viên lại là người đã có trình độ nhận thức nhất định, họ tiếp cận với những thông tin khoa học rất nhạy bén. Tuy họ đã và đang chịu ảnh hưởng cả mặt tích cực và mặt tiêu cực từ môi trường kinh tế, xã hội. Vì vậy các tổ chức, đoàn thể, các ban ngành trong nhà trường và xã hội cần quan tâm định hướng tạo môi trường thuận lợi để sinh viên phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành. Với sinh viên, việc xây dựng môi trường xã hội, môi trường văn hóa giáo dục có một ý nghĩa thiết thực. Thông qua các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng, hấp dẫn và đáp ứng nhu cầu sở thích của sinh viên sẽ giúp các em hình thành kỹ năng sống và sự mạnh dạn hơn trong giao tiếp. Nên tập hợp, thu hút họ vào các hoạt động bổ ích, thiết thực như câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, nữ sinh thanh lịch, các hội thi khoa học trẻ, tìm hiểu về truyền thống dân tộc và cách mạng, hoạt động văn hóa thể thao, qua đó nhằm xã hội hóa giáo dục, cá thể hóa nhân cách lối sống của sinh viên. Cần phải đổi mới cách tổ chức và phương thức tiến hành để mọi hoạt động, mọi phong trào ngày càng thiết thực, gắn gũi với cuộc sống của sinh viên.

Phát huy vai trò tích cực của Đoàn thanh niên, Hội Sinh viên trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam là hai tổ chức quan trọng bậc nhất trong thực hiện công tác sinh viên, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho đất nước. Mục tiêu và nhiệm vụ trước mắt của Đoàn và Hội trong giai đoạn hiện nay là góp phần bồi dưỡng sinh viên, giáo dục họ trở thành thế hệ sinh viên yêu nước nồng nàn, giác ngộ lý tưởng cách mạng sâu sắc, kiên định con đường lựa chọn; có học vấn cao, chuyên môn giỏi, thích ứng nhanh, có đạo đức, phẩm chất trong sáng, có chí lớn trong học tập, nghiên cứu, sáng tạo vươn tới đỉnh cao của khoa học và công nghệ, có tinh thần thương yêu gắn bó với nhân dân, có lối sống tốt đẹp, trình độ thẩm mỹ lành mạnh và thể lực dồi dào.

Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên có vai trò rất lớn trong việc giáo dục đạo đức, lối sống cho sinh viên. Đoàn và Hội cần phát huy hơn nữa tính chủ động, tích cực của mình,

đặc biệt là trong việc tổ chức các hoạt động tập thể với những hình thức phong phú, đa dạng thu hút được nhiều sinh viên tham gia nhằm giúp họ có điều kiện tiếp cận với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia vào các hoạt động, tổ chức xã hội tạo sự gắn kết giữa cá nhân với cộng đồng. Các loại hoạt động mang lại nhiều hiệu quả, như hiến máu nhân đạo, tình nguyện chung sức cùng cộng đồng, đội thanh niên xung kích, đội tuyên truyền các ca khúc cách mạng... góp phần đáng kể vào việc giáo dục đạo đức cho sinh viên. Ngoài ra, việc tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của sinh viên giúp cho các tổ chức Đoàn, Hội có những định hướng đúng đắn, thiết thực. Đoàn và Hội phải là tổ chức đi đầu trong việc nêu gương, giáo dục định hướng lý tưởng, lòng yêu nước, tinh thần cách mạng cho họ, giúp sinh viên nhận thức đúng về các giá trị đạo đức mới. Đồng thời, vận động sinh viên chống lại những loại hình văn hóa lạc hậu, phản động, đồi trụy. Đó là những nhiệm vụ cần thiết giúp mỗi sinh viên ý thức hơn nữa về trách nhiệm của mình, luôn tu dưỡng đạo đức, vươn tới các giá trị chân, thiện, mỹ; tránh xa cái xấu, cái ác.

3. KẾT LUẬN

Giáo dục lối sống văn hoá cho sinh viên luôn luôn là vấn đề bức thiết, đã và đang tiếp tục được cả xã hội quan tâm. Xây dựng, giáo dục lối sống văn hóa cho các tầng lớp nhân dân nói chung và sinh viên nói riêng là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài. Để giáo dục lối sống cho sinh viên trước tác động của xu thế toàn cầu hóa một cách hiệu quả và thiết thực, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường, xã hội và bản thân sinh viên. Bên cạnh đó, nhà trường và xã hội cần: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường đối với công tác giáo dục, bồi dưỡng và rèn luyện lối sống văn hóa cho sinh viên, coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của các cấp ủy đảng.

Nhà trường cần đổi mới phương pháp giảng dạy các môn học Lý luận chính trị, gắn lý luận với thực tiễn; tổ chức tham quan căn cứ cách mạng, bảo tàng lịch sử, để góp phần trau dồi lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho sinh viên, góp phần hình thành thế hệ sinh viên Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức trong sáng, ý thức pháp luật; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng lao động, trở thành những công dân tốt, tích cực tham gia vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hội Sinh viên Việt Nam (2013), *Văn kiện Đại hội lần thứ IX*, Hà Nội.
- [2] Hồ Chí Minh toàn tập (2011), *tập 10*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Tạp chí Tuyên giáo điện tử (ngày 5.8. 2014), *Tình trạng học sinh, sinh viên vi phạm pháp luật ngày càng gia tăng*, <http://www.tuyengiao.vn/Home/giaoduc/66694/Tinh-trang-hoc-sinh-sinh-vien-vi-pham-phap-luat-ngay-cang-tang>

EDUCATING THE LIFESTYLE FOR VIETNAMESE STUDENTS UNDER THE IMPACT OF GLOBALIZATION

Nguyen Thi Lan Anh

ABSTRACT

Globalization has had a profound impact on Vietnamese culture, lifestyle in general and students in particular. This impact has both positive and negative aspects. Educating morality and lifestyle for students under the impact of globalization is a long and complex process. It requires the endless endeavor of everyone, in every scope, at every level, and the students themselves which help them become excellent followers of the glorious national traditions, a mighty force and pioneers in the national reform, making remarkable contribution to the forming of socialism to meet the expectation of the whole society.

Keywords: *Educating the lifestyle, globalization, students.*

QUÁN TRIỆT NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XII VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VÀO GIẢNG DẠY TRONG MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Lê Thị Anh¹

TÓM TẮT

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (1/2016) đã thành công tốt đẹp. Để góp phần thực hiện Chỉ thị số 01-CT/TW của Bộ Chính trị (ngày 22/3/2016) về việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và cũng để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trong bài viết này tác giả khái quát những nhận thức mới của Đảng trong Đại hội XII về vấn đề xây dựng Đảng và bộ máy Nhà nước cần phải lồng ghép trong quá trình giảng dạy chương VI: “Đường lối xây dựng hệ thống chính trị”, môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, nhằm nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng.

Từ khóa: *Đảng cộng sản Việt Nam, Đại hội XII, tư duy mới, sinh viên.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (1/2016) đã đánh giá tổng quát kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011 - 2015), đề ra mục tiêu tổng quát và động lực phát triển đất nước 5 năm (2016 - 2020), đồng thời đại hội cũng đã đề ra những giải pháp cơ bản để đưa đất nước hội nhập sâu rộng hơn với thế giới, sớm đạt mục tiêu đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Văn kiện Đại hội XII là kết tinh trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn 30 năm đổi mới, thể hiện sự phát triển tư duy lý luận của Đảng trên các lĩnh vực trọng yếu, đặt cơ sở đáng tin cậy cho sự phát triển của đất nước trong thời kỳ mới. Để góp phần thực hiện Chỉ thị của Bộ chính trị về học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII trong mọi tầng lớp nhân dân nói chung và đối với tầng lớp sinh viên nói riêng, “nhằm tạo sự chuyển biến về nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong Đảng và sự đồng thuận cao trong nhân dân; cổ vũ động viên toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phát huy cao độ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường và sức mạnh toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi Nghị quyết XII của Đảng” [3], trong nội dung bài viết này tôi xin được trao đổi vấn đề *đưa những nhận thức mới của Đảng trong Nghị quyết Đại hội XII về xây dựng Đảng và bộ máy nhà nước vào giảng dạy chương VI- “Đường lối xây dựng hệ thống chính trị”, môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.*

¹ Giảng viên khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

2. NỘI DUNG

Trong chương trình môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, chương VI có hai nội dung cơ bản. Nội dung thứ nhất, *Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị thời kỳ trước đổi mới*; Nội dung thứ hai, *Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới*. Trong nội dung thứ hai có một tiêu mục về chủ trương xây dựng Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới. Đây là một nội dung mà trong Nghị quyết Đại hội XII, Đảng có những nhận thức mới rất quan trọng. Bởi vậy, trong quá trình giảng dạy mục này giảng viên cần lồng ghép, quán triệt, phân tích những điểm mới đó để sinh viên hiểu đúng và vận dụng trong cuộc sống thực tiễn, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. Cụ thể, khi giảng nội dung này, giảng viên nên quán triệt những điểm mới cơ bản trong Nghị quyết Đại hội XII cho sinh viên như sau:

Khi giảng về chủ trương xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới, giảng viên nên đưa bốn nhận thức mới của Đảng trong Đại hội XII vào bài giảng

Một là, Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của nhiệm kỳ mới. Giảng viên phân tích, chỉ ra cho người học thấy rõ vị trí then chốt, vai trò quan trọng hàng đầu của nhiệm vụ xây dựng Đảng được thể hiện ở chỗ: “Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh” được Đảng ta xác định là thành tố đầu tiên của Chủ đề Đại hội XII và cũng là tiêu đề của Báo cáo chính trị: “Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại” [2; tr.11]. Ngoài ra Đại hội XII đã xác định 6 nhiệm vụ trọng tâm trong cả nhiệm kỳ nhiệm vụ đầu tiên cũng là về công tác xây dựng Đảng “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” [2; tr.51]. Từ đó, giảng viên nhấn mạnh để người học thấy rằng, quyết tâm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là chủ trương nhất quán của Đảng ta, là nhiệm vụ sống còn của Đảng, là nhiệm vụ đầu tiên quyết định sự thành công của các nhiệm vụ khác. Mỗi một sinh viên cần phải nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc tham gia thực hiện nhiệm vụ này. Nhất là đối với những sinh viên đã và đang phấn đấu để được đứng trong hàng ngũ của Đảng thì bản thân phải kiên trì tu dưỡng, rèn luyện để xứng đáng là người đảng viên chân chính của Đảng.

Hai là, để thực hiện chủ trương xây dựng Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, Đại hội XII đã bổ sung thêm một nhiệm vụ mới trong công tác xây dựng Đảng ở giai đoạn hiện nay là phải *Đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong Đảng*. Ở Đại hội XI, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí chỉ được đề cập trong phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đến Đại hội XII, vấn đề đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được đề cập cả trong phần xây dựng Nhà nước và xây dựng

Đảng, nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và làm trong sạch nội bộ Đảng. Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ thực trạng: nhiều cấp ủy đảng, chính quyền các cấp chưa thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt mục tiêu, yêu cầu. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, với những biểu hiện ngày càng tinh vi, phức tạp xảy ra trên nhiều lĩnh vực, ở nhiều cấp, nhiều ngành làm cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội, gây bức xúc trong dư luận, là thách thức nghiêm trọng đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của nhà nước, đe dọa sự tồn vong của chế độ” [2; tr.196]. Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng nêu rõ: “Đấu tranh phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng đồng thời là nhiệm vụ khó khăn, phức tạp, lâu dài. Các cấp ủy đảng, trước hết là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và toàn hệ thống chính trị phải kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí; xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lãng phí và bao che, dung túng, tiếp tay cho các hành vi tham nhũng, lãng phí, can thiệp, ngăn cản việc chống tham nhũng, lãng phí” [2; tr.50]. Giảng viên cần phân tích để sinh viên thấy rõ đây là sự bổ sung kịp thời, phản ánh đúng yêu cầu của thực tiễn và bức xúc của nhân dân. Điều đó khẳng định, Đảng ta luôn dũng cảm nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái trong Đảng để xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh. Qua đó, giảng viên xây dựng, củng cố niềm tin cho sinh viên đối với công cuộc đấu tranh chống tham nhũng lãng phí ở nước ta hiện nay.

Ba là, để thực hiện nhiệm vụ đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí trong Đảng, Đại hội XII đã đề ra một số giải pháp mới, đặc biệt là nhóm giải pháp về xây dựng cơ chế hợp lý để kiểm soát quyền lực. Việc không kiểm soát được quyền lực chính là một trong những nguyên nhân cơ bản nhất làm cho tham nhũng, lãng phí ngày càng nghiêm trọng. Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng với các giải pháp cụ thể đã nói “*phải chốt quyền lực trong lòng cơ chế luật pháp*”, với các giải pháp cụ thể:

Hoàn thiện các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để bảo đảm công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí có hiệu lực, hiệu quả, nhất là trong các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao như: quản lý và sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên, khoáng sản, thu, chi ngân sách và mua sắm công, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản...

Kiên quyết, kiên trì xây dựng cơ chế phòng ngừa để không thể tham nhũng; cơ chế răn đe, trừng trị để không dám tham nhũng.

Thực hiện nghiêm quy định về kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý; hạn chế giao dịch bằng tiền mặt.

Từ việc phân tích những giải pháp nhằm kiểm soát quyền lực mà Đại hội XII đã đề ra, giảng viên cần làm cho sinh viên thấy rõ quyết tâm chính trị của toàn Đảng và cả hệ thống chính trị đối với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Mỗi sinh viên phải tự xác định: tham gia đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, là bổn phận, trách nhiệm của mỗi người dân Việt

Nam trong tình hình hiện nay, trong đó có sinh viên. Ngay từ bây giờ, mỗi sinh viên đều có thể tham gia công cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí trên cả hai phương diện: lý luận và thực tiễn. Đó là đề xuất, xây dựng, góp ý, tuyên truyền... những giải pháp để phòng, chống tham nhũng, lãng phí hoặc trực tiếp tố giác những hành vi tham nhũng, lãng phí mà mình có đủ chứng cứ để góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Bốn là, giảng viên cần phân tích cho sinh viên thấy được điểm mới nữa trong chủ trương về xây dựng Đảng tại Đại hội XII là lần đầu tiên *nội dung xây dựng Đảng về đạo đức được đặt ngang hàng với xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức*: “Tăng cường rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, tập trung thực hiện mục tiêu: *Xây dựng Đảng trong sạch về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức*” [2; tr.47]. Giảng viên phân tích để sinh viên thấy rằng: xuất phát từ cả lý luận và thực tiễn, Đại hội XII đã đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng Đảng về đạo đức, xây dựng văn hóa trong Đảng, nhất là xây dựng văn hóa chính trị của Đảng cầm quyền.

Hiện nay, tình trạng suy thoái ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống kéo theo sự suy đồi đạo đức xã hội, coi thường các giá trị đạo đức, văn hóa dân tộc và truyền thống... gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Tình trạng này là do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân về sự xem nhẹ hoặc thiếu ý thức trong xây dựng Đảng về đạo đức và văn hóa. Khuyết điểm này được Đảng nghiêm túc chỉ ra từ việc tổng kết 30 năm đổi mới. Đạo đức là gốc của nhân cách, là cốt lõi của văn hóa, do đó, muốn phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ Đảng, Đại hội XII đã không chỉ chú trọng giáo dục chính trị, mà đã đặc biệt chú trọng việc thực hành đạo đức và xây dựng văn hóa trong Đảng. Xây dựng Đảng về đạo đức và văn hóa là phải làm cho đạo đức văn hóa trở thành những chuẩn mực, những giá trị trong toàn Đảng nói chung, trong từng tổ chức Đảng và mỗi cán bộ, đảng viên nói riêng. Trong đó, những đảng viên ở cương vị, chức vụ càng cao, càng phải nêu gương về đạo đức và văn hóa. Không chỉ động viên, khích lệ sự nêu gương, Đảng còn cần có quy chế, chế tài để buộc phải thực hiện những yêu cầu về đạo đức và văn hóa trong Đảng, đồng thời chú trọng sự đánh giá, nhận xét, kiểm tra của nhân dân đối với phẩm chất và năng lực của cán bộ, đảng viên.

Hiện nay, Đảng lãnh đạo và cầm quyền trong điều kiện kinh tế thị trường và dân chủ hóa ngày một mở rộng, Nhà nước pháp quyền ngày càng hoàn thiện, thượng tôn pháp luật được coi trọng, mọi hoạt động của Đảng phải phù hợp với Hiến pháp và pháp luật, do đó, xây dựng Đảng về đạo đức và văn hóa càng cần được chú trọng và đề cao. Để góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh mỗi một người dân Việt Nam chúng ta phải kiên quyết, kiên trì đấu tranh với những biểu hiện tha hóa đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên bởi đây là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới nạn tham ô, tham nhũng, lãng phí trong Đảng và bộ máy Nhà nước.

Khi giảng dạy về chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, giảng viên cần quán triệt những điểm mới trong Đại hội XII

Một là, vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa được Đại hội XII của Đảng khẳng định sâu sắc hơn: *Tiếp tục hoàn*

thiện và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị [2; tr.175]. Điểm mới ở đây là Đại hội XII xác định “xây dựng” và “hoàn thiện” Nhà nước pháp quyền đều là những nhiệm vụ quan trọng, được tiến hành đồng thời, bổ khuyết cho nhau, xây dựng cũng chính là hoàn thiện, vừa xây dựng vừa hoàn thiện; ngược lại, trong hoàn thiện có xây dựng. Tuy nhiên, giảng viên cần lưu ý người học là khi đặt vấn đề “Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, Đảng ta đã xác định đi vào chiều sâu của nhiệm vụ này. Quá trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa sẽ là quá trình không ngừng nâng cao nhận thức lý luận, tiếp thu có chọn lọc các giá trị phổ biến của Nhà nước pháp quyền nói chung và đúc kết kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Theo tinh thần đó, Đảng, Nhà nước sẽ chú trọng rà soát lại toàn bộ hệ thống thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách và môi trường, điều kiện để đạt được mục đích thiết lập Bộ máy Nhà nước tinh gọn, hiệu quả, bảo đảm phát huy cao nhất quyền làm chủ của nhân dân, vừa bảo đảm là công cụ quan trọng nhất để giữ vững định hướng chế độ, vừa phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới. Đại hội XII chỉ rõ: “Trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước, phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo ra sự chuyển biến tích cực, đạt kết quả cao hơn. Xây dựng Nhà nước pháp quyền phải tiến hành đồng bộ cả lập pháp, hành pháp, tư pháp và được tiến hành đồng bộ với đổi mới hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; gắn với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội” [2; tr.175]. Bởi vậy, giảng viên cần lưu ý sinh viên không ủng hộ, tán dương, tuyên truyền những ý kiến cho rằng: không cần phải nghiên cứu, chỉ cần rập khuôn theo một mô hình Nhà nước pháp quyền đã có nào đó (như Mỹ chẳng hạn), hoặc vội vàng phê phán, phủ nhận những quan điểm mới của Đảng ta trong việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trách nhiệm của mỗi một công dân là phải bình tĩnh nghiên cứu, suy xét và góp ý cho Đảng, Nhà nước để góp phần xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước ta.

Hai là, Đại hội XII của Đảng nêu rõ hơn những nhiệm vụ, giải pháp nhằm xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời gian tới. Đây là những điểm mới nổi bật so với các văn kiện trước đây của Đảng. Những nhiệm vụ, giải pháp mới gồm:

Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Nhà nước theo quy định của Hiến pháp năm 2013, đáp ứng các đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền XHCN trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế [2; tr.175]. Đây là giải pháp giữ vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả của nhiệm vụ hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay. Hiến pháp năm 2013, với vai trò “đạo luật gốc”, đã khẳng định Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, dựa trên nguyên tắc tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức; Giải pháp này là cơ sở để các cơ quan Nhà nước về lập pháp, hành pháp và tư pháp phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm và thực hiện có hiệu lực, hiệu quả chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được nhân dân giao cho; hạn chế và ngăn ngừa tình trạng lạm dụng quyền lực Nhà nước, phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội [2; tr.176]. Quan điểm này thể hiện rõ tính nhân văn trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Để bảo đảm tính bền vững của pháp luật, kỷ cương xã hội, đồng thời vẫn bảo đảm tính nhân văn, nhân đạo, thì con người không chỉ cần được điều chỉnh, kiểm soát hành vi bằng luật, mà còn bằng cả lương tâm và trách nhiệm. Đây cũng chính là giải pháp nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp đạo đức đang trở thành một vấn nạn khá nhức nhối ở nước ta hiện nay. Đối với đối tượng giảng dạy là sinh viên, giảng viên cần nhấn mạnh giải pháp này, làm cho sinh viên hiểu rõ: trách nhiệm của nhà nước là phải quy định và tổ chức thực hiện đầy đủ những quyền dân chủ cơ bản cho công dân, nhưng trách nhiệm của công dân là phải thực hiện quyền dân chủ trên cơ sở pháp luật, đảm bảo kỷ cương, kỷ luật. Muốn vậy công dân phải nâng cao năng lực và ý thức thực hành dân chủ. Tránh tình trạng do kém hiểu biết, do năng lực và ý thức làm chủ hạn chế, người dân trong khi thực hiện quyền dân chủ đã vô tình vi phạm kỷ cương, kỷ luật thậm chí vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng. Nguy hiểm hơn là bị bọn phản động lợi dụng, kích động chống phá Đảng, Nhà nước gây mất trật tự, an toàn, an ninh xã hội. Trong những năm gần đây, đạo đức xã hội có biểu hiện suy thoái, thực tiễn đời sống xã hội xuất hiện ngày càng nhiều những hành vi vi phạm đạo đức, thậm chí vô đạo đức của cả cán bộ, đảng viên và cá nhân công dân trong quá trình thực thi pháp luật. Do đó, Đại hội XII chủ trương “quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội” nhằm hướng tới xây dựng một xã hội văn minh.

Xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực Nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền [2; tr.176]. Kiểm soát quyền lực Nhà nước là vấn đề khó khăn và phức tạp, bởi kiểm soát quyền lực Nhà nước, một mặt để phòng, chống sự tha hóa và lạm dụng quyền lực Nhà nước, mặt khác là làm sao để không phải vì kiểm soát quyền lực nhà nước mà làm mất đi tính năng động, mềm dẻo cần phải có trong thực hiện chức năng của Nhà nước. Đây cũng chính là cơ sở để chúng ta tiếp tục đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong Bộ máy nhà nước ở nước ta hiện nay bằng việc hoàn thiện các thể chế về tổ chức Bộ máy nhà nước.

Thực hiện thí điểm dân trực tiếp bầu một số chức danh ở cơ sở và ở cấp huyện. Mở rộng đối tượng thi tuyển chức danh cán bộ quản lý. Hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực thi công vụ; xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính [2; tr.180-181]. Đây là giải pháp nhằm thực hiện quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân, thông qua đó vừa hoàn thiện các hình thức dân chủ, vừa bảo đảm cho nhân dân thực sự được thực hiện quyền làm chủ của mình đối với Nhà nước và xã hội.

3. KẾT LUẬN

Trên đây là một số nhận thức mới của Đảng trong Đại hội XII về việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị ở nước ta. Việc quán triệt cho sinh viên những luận điểm này có ý nghĩa rất quan trọng. Qua đó, để sinh viên thấy rõ chủ trương nhất quán, quyết tâm quyết liệt của Đảng trong việc đổi mới toàn diện hệ thống chính trị, xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân, đồng thời bồi dưỡng, củng cố niềm tin của sinh viên vào công cuộc xây dựng chế độ mới ở nước ta. Tuy nhiên, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn dân. Trên cơ sở nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, mỗi một cán bộ, giảng viên, sinh viên cần xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc đóng góp công sức, trí tuệ để xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, góp phần củng cố chế độ, đưa nước ta hội nhập sâu rộng với quốc tế, ngày càng phát triển, phồn vinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng CSVN* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội, đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Chỉ thị số 01-CT/TW của Bộ Chính trị (ngày 22/3/2016) về việc học tập, quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng*. <http://dantri.com.vn/chinh-tri/chi-thi-cua-bo-chinh-tri-ve-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xii-20160324203246229.htm>.

APPLICATING RESOLUTION OF THE 12TH CONGRESS ON THE BUILDING OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM AND THE STATE STRUCTURE TO TEACHING REVOLUTIONARY GUIDELINES OF VIETNAMESE COMMUNIST PARTY

Le Thi Anh

ABSTRACT

The 12th National Congress of the Communist Party of Vietnam (1/2016) was a success. To contribute to implementing No1-CT/TW Directive (March 22, 2016) on learning, dissemination, propaganda, implementation of the Resolution of the 12th Congress as well as to perform the functions and tasks of the subject Revolutionary Guidelines of the Communist Party of Vietnam, the writer summarizes the Party's new thought in the 12th Congress on the building of the Party and State structure, which is thought to be mentioned

when teaching Chapter VI of the subject: “The Guidelines to build the political system”; in order to raise students’ awareness and sense of responsibility in participating in successfully implementing the Resolution of the 12th Congress.

Keywords: *Vietnamese Communist Party, 12th Congress, new thought, students.*

TÍCH CỰC ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC HIỆN NAY THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Trịnh Tố Anh¹

TÓM TẮT

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn quan tâm tới giáo dục đạo đức cho sinh viên. Người rất chú trọng đến vai trò, nội dung và phương pháp giáo dục. Phương pháp giáo dục đạo đức của Hồ Chí Minh có giá trị to lớn để các nhà giáo dục Việt Nam nghiên cứu, vận dụng vào thực tiễn. Trên cơ sở hệ thống hóa các phương pháp giáo dục đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phân tích, đánh giá thực trạng phương pháp giáo dục đạo đức ở Trường đại học Hồng Đức, bài viết đưa ra một số giải pháp đổi mới phương pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên ở Trường Đại học Hồng Đức hiện nay.

Từ khóa: Tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp, đạo đức, sinh viên, Trường Đại học Hồng Đức.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lực lượng thanh niên, trong đó có sinh viên là một tầng lớp xã hội đặc biệt, có vai trò rất quan trọng trong lịch sử. Hồ Chí Minh khẳng định: “*Nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên*” [6; tr.216]. Bởi vậy, giáo dục đạo đức cho thanh niên, sinh viên được Hồ Chí Minh coi là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với cách mạng Việt Nam, vì “*đức*” là cái gốc của con người. Trong vấn đề giáo dục đạo đức cho thanh niên - sinh viên, phương pháp giáo dục đạo đức được Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng. Đó là cơ sở cho việc xác định chiến lược, phương pháp đào tạo con người Việt Nam. Trường Đại học Hồng Đức là một trường đại học địa phương trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa, nhằm đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ trong tỉnh. Hiện nay, sinh viên Trường Đại học Hồng Đức đang tích cực thi đua rèn đức, luyện tài vì ngày mai lập thân, lập nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một bộ phận sinh viên sống thiếu lý tưởng, thực dụng; sa vào tình trạng suy thoái đạo đức và lối sống. Một trong những nguyên nhân dẫn đến điều đó là phương pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên còn nhiều hạn chế, chưa gọi được hứng thú học tập, rèn luyện ở sinh viên. Vì vậy, nghiên cứu, vận dụng phương pháp giáo dục đạo đức trong tư tưởng Hồ Chí Minh để đổi mới phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả của giáo dục đạo đức là một yêu cầu cấp bách trong Nhà trường để xây dựng, hoàn thiện nhân cách, phẩm chất đạo đức mới cho sinh viên, đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp cách mạng hiện nay.

¹ Giảng viên khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

2. NỘI DUNG

2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phương pháp giáo dục đạo đức cho thanh niên - sinh viên

Ngay từ những ngày đầu hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã sớm chú trọng đến vấn đề giáo dục, giác ngộ tầng lớp thanh niên - sinh viên, trong đó giáo dục đạo đức được đặt lên hàng đầu. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta, Người đã nói và viết nhiều tác phẩm về vấn đề về giáo dục đạo đức cho thanh niên - sinh viên, trong đó có phương pháp giáo dục đạo đức. Trên cơ sở nghiên cứu các bài viết, bài nói của Hồ Chí Minh, có thể hệ thống một số phương pháp giáo dục có hiệu quả các phẩm chất đạo đức cần thiết cho thanh niên - sinh viên trong tư tưởng Hồ Chí Minh như sau:

Học phải đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tiễn

Hồ Chí Minh chỉ ra rằng: *Lý luận cốt để áp dụng vào công việc thực tế. Lý luận mà không áp dụng vào công việc thực tế là lý luận suông* [6; tr.274]. Vì thế, để công tác giáo dục thanh niên - sinh viên đạt hiệu quả cao thì phải biết kết hợp chặt chẽ giữa học và hành, lý luận và thực tiễn. Trong hoạt động thực tiễn, thanh niên - sinh viên sẽ được rèn luyện, trưởng thành, tự khắc phục dần những nhược điểm, làm nảy nở sự hiểu biết lẫn nhau, thông cảm lẫn nhau; vừa bồi dưỡng lý tưởng, tình cảm cách mạng, vừa trang bị cho họ những kinh nghiệm quý báu rút ra từ cuộc sống, dần dần hình thành được những phẩm chất đạo đức cần thiết.

Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức

Nói đi đôi với làm là phương pháp quan trọng, được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo từ nguyên tắc lý luận gắn liền với thực tiễn của Chủ nghĩa Mác - Lênin. Đối với mỗi người, lời nói phải thống nhất và được thực hiện nghiêm túc thì mới đem lại hiệu quả thiết thực cho chính bản thân và cho xã hội. Đây là cơ sở để phân biệt một cách rạch ròi với thói đạo đức giả, đạo đức của giai cấp bóc lột với đặc trưng bản chất là nói nhiều làm ít, nói mà không làm, nói một đằng làm một nẻo, đem lại lợi ích không phải cho quần chúng nhân dân lao động mà cho thiểu số những kẻ bóc lột. Vì vậy, trong giáo dục đạo đức, cần quán triệt sâu sắc cho thanh niên - sinh viên sự thống nhất giữa suy nghĩ và hành động, giữa tư tưởng đạo đức và hành vi đạo đức của mỗi người. Có thể khẳng định rằng, “Nói đi đôi với làm” là một trong những phương pháp căn bản nhất, thực tiễn nhất nhằm ngăn ngừa, khắc phục bệnh kinh nghiệm, bệnh giáo điều, chỉ nói suông, nói mà không làm.

Nói đi đôi với làm phải gắn với nêu gương về đạo đức. Hồ Chí Minh cho rằng hơn bất kỳ lĩnh vực nào khác, trong việc xây dựng một nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng phải đặc biệt chú trọng “đạo làm gương”. Bởi vì, cách tốt nhất để tạo dựng được niềm tin là sự thực ngay trước mắt; và cách tốt nhất để khiến người ta làm theo, đó là sự thực, là cái hay, cái tốt, cái đẹp và đem lại lợi ích cho mọi người. Nêu gương về đạo đức phải diễn ra ở mọi lúc mọi nơi. Trong gia đình, đó là tấm gương của bố mẹ với con cái, của anh chị đối với các em, của ông bà đối với con cháu; trong nhà trường, đó là tấm gương của thầy giáo đối với

học sinh; trong tổ chức, tập thể là tấm gương của người lãnh đạo, của cấp trên đối với cấp dưới; trong xã hội là tấm gương của người này đối với người kia, của thế hệ trước đối với thế hệ sau... Đây là một phương pháp giáo dục đạo đức cho thanh niên, sinh viên vừa sinh động vừa có sức thuyết phục cao: *Lấy gương người tốt, việc tốt để hàng ngày giáo dục lẫn nhau là một cách tốt nhất để xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức cách mạng, xây dựng con người mới, cuộc sống mới* [10; tr.672].

Xây đi đôi với chống, phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi

Theo Hồ Chí Minh, vấn đề quan trọng trong việc giáo dục đạo đức là phải xây dựng được những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức của con người Việt Nam trong thời đại mới cho thanh niên - sinh viên như: tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, đức tính cần cù, sáng tạo... Đồng thời, trong đời sống hàng ngày cái tốt, cái xấu, đạo đức, phi đạo đức luôn luôn đan xen lẫn nhau. Chính vì vậy, cùng với việc xây dựng đạo đức mới, bồi dưỡng những nhân phẩm tốt đẹp, nhất thiết phải chống những biểu hiện phi đạo đức, sai trái, xấu xa, trái với yêu cầu của đạo đức mới. Do đó, giáo dục đạo đức cách mạng cho thanh niên - sinh viên phải kết hợp chặt chẽ giữa xây với chống. Xây là xây dựng, đề ra những chuẩn mực, giá trị đạo đức mới, tiến bộ, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội để định hướng cho mọi người. Bên cạnh đó, phải không ngừng chống lại những cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức, là biểu hiện của tàn dư đạo đức, lối sống cũ còn rơi rớt và những tiêu cực mới phát sinh. Người dạy: *Thanh niên cần phải chống tâm lý tự tư tự lợi, chỉ lo cho lợi ích riêng và sinh hoạt riêng của mình. Chống tâm lý ham sung sướng và tránh khó nhọc. Chống thói xem khinh lao động, nhất là lao động chân tay. Chống lười biếng, xa xỉ. Chống cách sinh hoạt ủy mị. Chống kiêu ngạo, giả dối, khoe khoang* [7; tr.265].

Để xây và chống có kết quả phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự trong sạch, lành mạnh về đạo đức. Phải tổ chức cho thanh niên - sinh viên tham gia vào các cuộc vận động lớn, các cuộc đấu tranh chống các tệ nạn xã hội của Đảng, của Nhà nước ta trong công nghiệp, nông nghiệp, trong việc thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

Kết hợp các hình thức giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội

Theo Hồ Chí Minh, giáo dục đạo đức cho thanh niên - sinh viên là trách nhiệm chung của gia đình, nhà trường và toàn xã hội. Sự cần thiết của việc phối hợp này được Hồ Chí Minh chỉ rõ: *Giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn* [8; tr.591]. Người yêu cầu: *Trường đại học, gia đình và đoàn thể thanh niên phải liên hệ chặt chẽ trong việc giáo dục thanh niên* [7; tr.266].

Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của giáo dục gia đình. Vì gia đình là nơi thanh niên sinh viên được sinh ra, lớn lên và hình thành nhân cách của mình. Ảnh hưởng giáo dục của gia đình đối với thanh niên sinh viên là sớm nhất. Thông qua giáo dục gia đình, thế hệ trẻ được tiếp nhận các giá trị đạo lý, lối sống, kỷ cương, các giá trị xã hội. Ngoài mỗi quan

hệ với những người thân trong gia đình, thanh niên sinh viên còn có những mối quan hệ với xã hội như: với thầy cô, bạn bè... Thông qua các mối quan hệ đó, thanh niên sinh viên tiếp tục nhận được sự giáo dục từ nhà trường, từ xã hội. Do đó, kết quả giáo dục đạo đức cho thanh niên - sinh viên cũng tùy thuộc rất nhiều vào sự tham gia tích cực, sự giúp đỡ thiết thực và sự giác ngộ về trách nhiệm đối với giáo dục của các ngành, các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhà trường và của các lực lượng xã hội. Cùng với gia đình, nhà trường, xã hội phải thật sự quan tâm và tạo mọi điều kiện tốt nhất để thanh niên - sinh viên hoàn thiện nhân cách; phát hiện và kịp thời uốn nắn những biểu hiện lệch lạc trong nhận thức và hành vi của thanh niên sinh viên.

Phát huy ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức suốt đời của thanh niên - sinh viên

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục là sự thống nhất biện chứng giữa hai quá trình: giáo dục và tự giáo dục. Theo Người, khi mặt tự giáo dục thực sự được đặt ra ở mỗi người thì việc giáo dục mới có hiệu quả và chắc chắn. Tự giáo dục hay tự học chính là sự nỗ lực của bản thân người học để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc sống. Theo Hồ Chí Minh, mỗi con người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày, phải kiên trì bền bỉ suốt đời, không người nào có thể chủ quan tự mãn, bởi vì *Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong* [11; tr.612]. Đối với vấn đề giáo dục đạo đức cho thanh niên - sinh viên, nếu chỉ chú ý đến mặt giáo dục mà không biết khéo léo kết hợp với hướng dẫn, khuyến khích để thanh niên - sinh viên tự học tập, tự tu dưỡng rèn luyện thì hiệu quả giáo dục sẽ không cao. Hồ Chí Minh yêu cầu thanh niên - sinh viên phải *lấy tự học làm cốt, do thảo luận và chỉ đạo giúp vào* [6; tr.312]; phải *sắp xếp thời gian và bài học phải cho khéo, phải có mạch lạc với nhau mà không xung đột với nhau* [6; tr.312]; đồng thời phải có sự chỉ đạo và quản lý nội dung từ bên trên.

2.2. Thực trạng phương pháp giáo dục đạo đức cho sinh viên Trường Đại học Hồng Đức hiện nay

2.2.1. Mặt tích cực

Trong vấn đề giáo dục đạo đức cho sinh viên, Trường Đại học Hồng Đức đã áp dụng một số phương pháp hiệu quả.

Nhà trường có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện phương pháp giáo dục lý luận gắn với thực tiễn và đạt được nhiều kết quả to lớn. Hiện nay, Trường Đại học Hồng Đức đã chuyển đổi phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ; mục đích của phương thức đào tạo này là tích cực phát huy tính chủ động, sáng tạo của sinh viên bằng cách tăng thời gian thực hành, thảo luận, giảm thời gian lý thuyết trên lớp, tổ chức các buổi hội thảo, làm việc nhóm cho sinh viên. Trên cơ sở đó, trong những năm qua, các giảng viên giảng dạy các môn đạo đức, chính trị đã có nhiều cố gắng trong việc đổi mới phương pháp giáo dục - đào tạo. Hoạt

động giảng dạy đã bước đầu chuyển từ phương pháp thuyết trình truyền thống với đặc điểm chủ yếu là truyền thụ kiến thức một chiều từ thầy sang trò sang việc kết hợp thêm các phương pháp giáo dục như: phương pháp vấn đáp, thảo luận nhóm và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Đồng thời, Nhà trường đã có nhiều hoạt động phong phú bổ ích, phù hợp với tâm lý của tuổi trẻ và giàu ý nghĩa giáo dục được tổ chức sôi nổi rộng khắp trong toàn trường. Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu Đoàn Trường Đại học Hồng Đức lần thứ VII, nhiệm kỳ 2014 - 2017 nêu rõ: Nhà trường đã triển khai thường xuyên và có hiệu quả các phong trào nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như: tổ chức Hội diễn văn nghệ kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5); tổ chức “Thấp nắn tri ân” nhân ngày thương binh liệt sĩ (27/7); vận động Quyên góp, ủng hộ xây dựng hoàn thành dự án hoàn chỉnh nội thất, đồ thờ, Đèn thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng, tỉnh Thanh Hóa; tổ chức thăm và tặng quà các gia đình chính sách, có công với cách mạng.

Thực hiện phương pháp kết hợp giữa xây và chống trong giáo dục đạo đức, Nhà trường đã thực hiện nhiều hoạt động sôi nổi, góp phần quan trọng vào việc bồi dưỡng những phẩm chất tốt đẹp, nâng cao lập trường tư tưởng, chính trị trong sinh viên. Công tác giáo dục truyền thống, lịch sử, tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc cho sinh viên được Nhà trường triển khai thông qua kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước như: ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngày hiến chương Nhà giáo Việt Nam 20/11. Hoạt động rèn luyện đạo đức, tác phong cho sinh viên cũng được triển khai sâu rộng thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa, nói chuyện về xây dựng văn hóa học đường, nếp sống sinh viên, hình thành thói quen tốt trong sinh viên. Nhà trường ban hành các quyết định thành lập và đưa vào hoạt động của Tổ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tổ pháp chế, tổ chức học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, 6 bài học lý luận cho đoàn viên thanh niên, báo cáo thời sự định kỳ cho sinh viên, phát thanh nội bộ hằng tuần tại các khu Nội trú của Trường. Nhà trường tổ chức cho 100% sinh viên nghe báo cáo thời sự về: tình hình kinh tế, chính trị - xã hội; thời sự quốc tế, trong nước, trong tỉnh và của Trường một lần/năm học. Nhiều câu lạc bộ, đội, nhóm sinh viên về tuyên truyền pháp luật, sức khỏe giới tính, phòng chống tệ nạn xã hội hoạt động hiệu quả và tác động tích cực đến đại bộ phận sinh viên.

Phương pháp nêu gương cũng được nhà trường tích cực áp dụng. Theo Báo cáo Tổng kết công tác học sinh, sinh viên; Văn - Thể - Mỹ; công tác phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS năm học 2016 - 2017 của Trường Đại học Hồng Đức: Nhà trường đã tổ chức nghiêm túc, thiết thực Chỉ thị 05-TC/TW của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”. Trong đó, hoạt động trọng tâm là tuyên truyền, giáo dục sinh viên tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh để sinh viên học tập và làm theo. Điều này đã có tác động tích cực tới nhận thức và hành động của mỗi sinh viên trong việc tu dưỡng phẩm chất đạo đức, lối sống. Hội Sinh viên đã tập trung xây dựng và triển khai chương trình công tác năm học với đa dạng các hoạt động như: trao giải thưởng “Sao Tháng Giêng”; tuyên dương sinh viên đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” và tập thể “Sinh viên 5 tốt”; trao học bổng cho sinh viên xuất sắc, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn.

Thực hiện kết hợp giữa Nhà trường và xã hội trong giáo dục đạo đức, Phòng Công tác Học sinh sinh viên đã tăng cường phối hợp với Ban Quản lý Nội trú và Công an các phường, xã, trưởng các khối phố/ thôn nơi có đông học sinh sinh viên cư trú thường xuyên nắm tình hình nền nếp học tập, sinh hoạt của học sinh sinh viên nội, ngoại trú; giải quyết kịp thời tất cả các vụ việc liên quan đến học sinh sinh viên nội, ngoại trú; Phối hợp trình duyệt nội dung phối hợp công tác giữa Nhà trường với Công an tỉnh Thanh Hoá; tổ chức và hoàn thành 2 đợt/ năm học tổng kiểm tra học sinh sinh viên nội, ngoại trú; tiếp tục triển khai thực hiện tốt Mô hình liên kết Phường - Trường, Phường - Trường - Viện đảm bảo an ninh trật tự với 02 Phường Đông Sơn và Đông Vệ; Chủ trì tổ chức cho 100% học sinh sinh viên các lớp hệ chính quy ký cam kết chấp hành nghiêm túc pháp luật về an ninh trật tự an toàn giao thông; không mua bán, tàng trữ các chất ma túy, pháo, đèn trời..., cam kết không vi phạm quy chế thi, kiểm tra.

Các phương pháp giáo dục đạo đức trên đã góp phần quan trọng vào việc giác ngộ, bồi dưỡng, nâng cao lập trường tư tưởng, chính trị trong sinh viên; khơi dậy trong họ ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với cội nguồn, truyền thống dân tộc, trách nhiệm vì cộng đồng, vì tương lai tươi sáng.

2.2.2. Mặt hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực, hiện nay công tác giáo dục đạo đức ở Trường Đại học Hồng Đức về mặt phương pháp vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế.

Hạn chế trong vấn đề sử dụng phương pháp gắn lý luận với thực tiễn để giáo dục đạo đức cho sinh viên trường đại học Hồng Đức đó là: các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa giáo dục, bồi đắp cho sinh viên bản lĩnh chính trị, lý tưởng cách mạng, niềm tin vào cuộc sống thường được sắp xếp học vào đầu khóa, tuy hợp lý song do nhiều kiến thức rất trừu tượng, khó hiểu; hơn nữa trong phương pháp giảng dạy của một số giảng viên giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức ở Trường Đại học Hồng Đức, phương pháp thuyết trình vẫn chiếm ưu thế, vẫn còn nặng về truyền thụ, áp đặt kiến thức một chiều, chưa coi trọng bồi dưỡng cho sinh viên năng lực thực hành, dẫn đến sự thụ động của sinh viên trong việc tiếp nhận tri thức chính trị, đạo đức nên làm nhiều sinh viên có tư tưởng “ngán”. Vấn đề đổi mới phương pháp giáo dục trong các giảng viên nhìn chung còn diễn ra chậm hoặc đổi mới chưa kiên quyết, chưa mạnh mẽ. Vấn đề áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy các môn đạo đức, chính trị để làm bài giảng sinh động hơn còn ít. Một số giảng viên chỉ sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin mang tính chất hình thức, chủ yếu là trong các tiết dự giờ, thao giảng.

Phương pháp nêu gương trong giáo dục đạo đức cho sinh viên của Trường Đại học Hồng Đức còn thiếu sức hấp dẫn, thuyết phục. Việc thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 trong sinh viên còn có mặt hạn chế, chưa xây dựng được nhiều gương người tốt việc tốt trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Công tác tuyên truyền, biểu dương nhân rộng các tập thể, cá nhân điển hình trong trường chưa kịp thời. Công tác

tuyên truyền chưa thực sự mạnh mẽ, thường xuyên, liên tục. Việc nắm bắt tình hình tư tưởng và định hướng dư luận xã hội trong sinh viên còn có lúc, có chỗ chưa đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Ở lớp học, sinh viên được nghe giảng giải những vấn đề hết sức cơ bản của đạo đức mới, với những nội dung mang tính nhân bản, nhân ái, nhân văn cao cả và sâu sắc, tuy nhiên ngoài cuộc đời sinh viên nhiều khi tận mắt chứng kiến những hiện tượng, hành vi thiếu đạo đức, trái ngược với những lời giảng dạy của thầy cô. Điều này làm cho không ít sinh viên cảm thấy mất lòng tin, dẫn tới hiệu quả giáo dục đạo đức cho sinh viên chưa cao.

Đối với việc thực hiện phương pháp kết hợp giữa giáo dục Nhà trường, gia đình và xã hội vẫn còn tồn tại những hạn chế như: vai trò giáo dục, định hướng về đạo đức của các tổ chức đoàn thanh niên, hội sinh viên chưa được coi trọng, phát huy đúng mức. Hoạt động của Tổ chức Đoàn thanh niên, Hội sinh viên còn thiên về phát động những phong trào bề nổi, chạy theo thành tích mà không chú trọng đến tính hiệu quả; nặng về tuyên truyền, biểu dương lực lượng nhưng ít chú ý đến vận động, thuyết phục sinh viên. Một số cán bộ Đoàn chưa quan tâm đúng mức việc tổ chức cho sinh viên đăng ký “Làm theo lời Bác” theo các tiêu chuẩn cụ thể; một số nơi việc đề ra tiêu chuẩn còn chung chung, khó thực hiện, không gắn với nhiệm vụ cụ thể, khó đánh giá hiệu quả. Sự phối hợp giữa xã hội, nhà trường và gia đình chưa chặt chẽ. Một số bậc phụ huynh của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức có tâm lý phó mặc cho Nhà trường, xã hội, không quan tâm tới việc học tập, rèn luyện đạo đức của sinh viên. Các cấp lãnh đạo, quản lý còn dành sự quan tâm cho phát triển kinh tế, kế hoạch đầu tư... nhiều hơn việc giáo dục đạo đức. Tính chủ động sáng tạo, tính tự chủ ở một số đơn vị có liên quan đến công tác học sinh sinh viên chưa cao, còn trông chờ ỷ lại Nhà trường. Nhà trường chưa xã hội hóa được toàn bộ các hoạt động giáo dục đạo đức.

2.3. Một số giải pháp đổi mới phương pháp để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho sinh viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Từ sự phân tích thực trạng công tác giáo dục đạo đức sinh viên hiện nay, trên cơ sở vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, trong thời gian tới, chúng ta có thể thực hiện một số giải pháp sau:

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục đạo đức theo hướng phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, lý luận gắn với thực tiễn

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phương pháp giáo dục lý luận liên hệ với thực tiễn; xây đi đôi với chống, tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi; để khắc phục việc truyền thụ kiến thức một chiều, thụ động, nặng về kiến thức mà nhẹ về thực hành; bồi dưỡng cho sinh viên những phẩm chất đạo đức tốt đẹp, biết phê phán, chống lại những cái xấu trong vấn đề đạo đức hiện nay, thì trong công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên, cần thực hiện tốt các vấn đề như: tăng cường chuyển đổi quá trình dạy học phải trở thành quá trình dạy - tự học; đẩy mạnh việc thực hiện đào tạo theo tín chỉ; đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả của sinh viên; tăng cường đề thi mở để phát huy tính độc lập suy nghĩ và tư duy khái quát, sáng tạo của người học. Giảng viên là người hướng dẫn, chỉ đạo việc học, rèn luyện năng lực tự học cho sinh viên thông qua các phương pháp cụ thể như thuyết

trình kết hợp với vấn đáp, trực quan, nêu vấn đề. Để thực hiện tốt điều này, đòi hỏi giảng viên phải bổ sung hoàn thiện các kiến thức lý luận, cập nhật thông tin thời sự phù hợp với tình hình phát triển mới của đất nước và thế giới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học. Mỗi giảng viên chú trọng nghiên cứu, học tập vận dụng tốt các kỹ năng, phương pháp giảng dạy tích cực kết hợp sử dụng thành thạo công cụ giảng dạy hiện đại như máy chiếu, mô hình, biểu đồ. Đồng thời, giáo dục đạo đức cho sinh viên phải gắn liền với các hình thức hoạt động thực tiễn đa dạng, phong phú, phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường và địa phương. Nhà trường nên tiếp tục tăng cường tổ chức các phong trào như: tham quan các di tích lịch sử văn hoá, tham gia các lễ hội truyền thống, hướng về cội nguồn, về cách mạng và kháng chiến, tưởng nhớ các anh hùng dân tộc, đền ơn đáp nghĩa, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu cuộc đời và thân thế sự nghiệp của các anh hùng liệt sỹ đã từng sinh ra, lớn lên trên mảnh đất Thanh Hóa; tổ chức các cuộc thi phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, giúp sinh viên nâng cao ý thức chính trị và có ý thức phòng chống các tệ nạn xã hội. Nhà trường cần đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền giáo dục như: tổ chức các diễn đàn, câu lạc bộ, hội thảo, tọa đàm, ngoại khoá, hội thi, sân khấu hoá... để tạo sức lôi cuốn, hấp dẫn đối với sinh viên.

Xây dựng những tấm gương sáng về đạo đức trong gia đình, nhà trường và xã hội

Nêu gương là một nét đẹp trong truyền thống văn hóa phương Đông, có vai trò hết sức to lớn đối với việc hoàn thiện đạo đức con người. Hồ Chí Minh nói: “Một tấm gương sống có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” [6; tr.216]. Muốn giáo dục đạo đức cho sinh viên đạt hiệu quả thì cán bộ, đảng viên, giảng viên, các bậc phụ huynh phải là tấm gương mẫu mực về lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, hết lòng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân, không phải giáo dục bằng lời nói suông, hô to khẩu hiệu. Đặc biệt, trong điều kiện một bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và xã hội hiện nay, sự nêu gương của người đứng đầu, người dạy học càng trở nên quan trọng để lấy lại niềm tin và lối cuốn sinh viên. Vì vậy, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Nhà trường phải luôn gương mẫu học tập, trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao năng lực về mọi mặt, chú trọng tu dưỡng đạo đức, lối sống mới, phải là một tấm gương sáng cho sinh viên noi theo; các bậc phụ huynh phải thật sự là các tấm gương sáng về đạo đức cho sinh viên; cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu phải giữ vai trò tiên phong trong nêu gương đạo đức. Bên cạnh đó, cần biểu dương các tấm gương người tốt việc tốt trong hàng ngũ sinh viên như: những tấm gương tích cực trong công tác xã hội; sinh viên sống có lý tưởng cao đẹp, có hành động thể hiện lòng yêu nước, thương dân...

Kết hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và các đoàn thể xã hội trong việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cho sinh viên

Đối với giáo dục đạo đức trong gia đình: mỗi gia đình phải có sự quan tâm đúng mực đối với việc giáo dục con cái. Ngoài việc chăm lo giáo dục cho con cái về mặt trí tuệ, cần phải bồi dưỡng mặt đạo đức nhân cách. Muốn giáo dục có hiệu quả, các bậc phụ huynh cần phải gần gũi, thường xuyên quan tâm tìm hiểu tâm tư, tình cảm của con cái bằng cách lắng

nghe và chia sẻ hoặc tìm hiểu thông qua bạn bè cùng trang lứa với con; phải biết động viên kịp thời những thành quả của con cái và uốn nắn kịp thời những lệch lạc trong nhận thức và hành động của sinh viên.

Đối với Nhà trường: Đảng uỷ, Ban lãnh đạo Nhà trường cần quan tâm chỉ đạo thực hiện giáo dục đạo đức cho sinh viên, đặc biệt là trong việc giảng dạy các môn lý luận chính trị thông qua hoạt động của Phòng Công tác Học sinh, Sinh viên, hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên. Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên phải thực hiện tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo chính trị trong các lĩnh vực học tập, hoạt động phong trào của sinh viên. Đội ngũ giảng viên của Nhà trường cũng cần có sự kết hợp chặt chẽ trong công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên, trau dồi kiến thức, tu dưỡng rèn luyện đạo đức để trở thành những thầy cô vừa có năng lực vừa có phẩm chất trong sáng, mẫu mực, có tâm huyết với nghề nghiệp.

Đối với giáo dục đạo đức trong xã hội: tỉnh Thanh Hóa cần nhanh chóng có chính sách và sự đầu tư thích đáng để xây dựng nhiều hơn các khu vui chơi giải trí, những tụ điểm sinh hoạt văn hóa trên các địa bàn có đông sinh viên cư trú như: câu lạc bộ, tụ điểm ca nhạc, bảo tàng cách mạng, nhà văn hóa sinh viên, khu liên hợp thể thao... Thu hút sinh viên vào các hoạt động văn hóa xã hội lành mạnh là cách tốt nhất giúp sinh viên tránh xa những cám dỗ của các tệ nạn xã hội, tạo môi trường cho sinh viên tự nhận thức và rèn luyện đạo đức, lối sống cho mình. Bên cạnh đó, các cơ quan truyền thông: phát thanh, truyền hình, internet, báo chí phải xác định việc tuyên truyền, nêu gương người tốt việc tốt là một nhiệm vụ thường xuyên, là trọng tâm trong các hoạt động tuyên truyền. Những tấm gương người tốt việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến được truyền thông phản ánh kịp thời sẽ trở thành sức mạnh, nguồn cổ vũ, động viên sinh viên vì nước, vì dân mà nỗ lực học tập, không ngừng tu dưỡng đạo đức.

Để thực hiện tốt việc kết hợp giữa gia đình, Nhà trường và các đoàn thể xã hội trong việc giáo dục, rèn luyện đạo đức cho sinh viên, thì: Nhà trường cần phối hợp với chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế, các đơn vị vũ trang nhân dân ở địa phương tổ chức các hoạt động văn hóa vui chơi giải trí, thể dục thể thao rèn luyện thể chất, các hoạt động xã hội để sinh viên tham gia. Đây là những hoạt động hết sức bổ ích, giúp sinh viên tự rèn luyện nâng cao sức khỏe và ý thức nghĩa vụ của mình đối với cộng đồng. Gia đình phải có những hiểu biết nhất định về các yêu cầu của Nhà trường trong việc giáo dục đạo đức cho sinh viên và phải thường xuyên quan tâm đến công tác này. Vì vậy, gia đình phải thường xuyên liên lạc với Nhà trường vừa để nắm bắt tình hình học tập, sinh hoạt của sinh viên vừa tìm hiểu nội dung, hình thức giáo dục của Nhà trường, từ đó có những phối hợp tốt với Nhà trường trong công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên.

Phát huy tinh thần tự học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của sinh viên

Cùng với quá trình được giáo dục, thì tự giáo dục cũng là đóng vai trò rất quan trọng trong việc hoàn thiện nhân cách của sinh viên. Để sinh viên chủ động học tập, phát huy tinh thần tự học tập, tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cần phải làm cho sinh viên nhận thức được giá trị, ý nghĩa của việc phát huy các giá trị đạo đức trong thời đại mới; nhận thức được những giá trị truyền thống, như lòng nhân ái, tinh thần yêu nước, đức tính cần cù, chịu khó,

lạc quan, vị tha, trung thực... là những giá trị đích thực, cao đẹp của mỗi con người; từ đó, hình thành cho sinh viên nhu cầu, động cơ phấn đấu, rèn luyện đúng đắn, có ý thức làm chủ, ham học hỏi, cầu tiến bộ, vươn lên tự khẳng định mình. Để việc tu dưỡng, rèn luyện của sinh viên có kết quả, phải tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất giúp cho sinh viên có cơ hội để thể hiện mình, để tự mình vươn lên trong cuộc sống. Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh, sinh viên phấn đấu, rèn luyện; đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả, định hướng phấn đấu cho học sinh, sinh viên. Quan tâm đáp ứng những nhu cầu chính đáng của, sinh viên về vật chất, tinh thần. Bên cạnh đó, những tấm gương sáng trong học tập, rèn luyện và hoạt động phong trào của sinh viên được khen thưởng kịp thời sẽ khuyến khích, giúp sinh viên có thêm động lực để tiếp tục học tập, tu dưỡng, rèn luyện bản thân.

3. KẾT LUẬN

Theo Hồ Chí Minh, để vấn đề giáo dục đạo đức cho thanh niên - sinh viên đạt hiệu quả thì chúng ta cần sử dụng tốt hệ thống các phương pháp như: lý luận liên hệ với thực tiễn; nói đi đôi với làm, nêu gương về đạo đức; xây đi đôi với chống; kết hợp các hình thức giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội; phát huy ý thức tự giáo dục, tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức suốt đời của thanh niên sinh viên. Các phương pháp này cần kết hợp chặt chẽ với nhau thì mới đem lại hiệu quả cao nhất. Trong công tác giáo dục đạo đức cho sinh viên ở Trường Đại học Hồng Đức hiện nay, về mặt phương pháp giáo dục, bên cạnh những thành tựu đã đạt được thì vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, nên hiệu quả giáo dục đạo đức chưa cao. Vì vậy, việc tiếp tục đổi mới phương pháp để nâng cao hiệu quả giáo dục đạo đức cho sinh viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong Trường Đại học Hồng Đức là vô cùng quan trọng. Thực hiện tốt điều này sẽ góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng những con người mới xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban chấp hành Đoàn Trường Đại học Hồng Đức (2017), *Báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu đoàn trường đại học Hồng Đức lần thứ VII, nhiệm kỳ 2014 - 2017*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [2] Ban chấp hành Đoàn Trường Đại học Hồng Đức (2017), *Báo cáo tại hội nghị Sinh viên giỏi, xuất sắc năm học 2016 - 2017*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [3] Ban chấp hành Đoàn Trường Đại học Hồng Đức (2017), *Báo cáo Tổng kết công tác học sinh, sinh viên; Văn - Thể - Mỹ; công tác phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS năm học 2016 - 2017*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Tài liệu hỏi đáp các vấn đề Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [5] Đoàn Nam Đàn (2002), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Giáo dục thanh niên*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

- [6] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 5*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [7] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 9*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [8] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 10*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [9] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 11*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [10] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 15*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [11] Lâm Quốc Tuấn, Trần Văn Toàn (2005), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức vừa “hồng” vừa “chuyên” cho thanh niên trí thức*, số 10, Tạp chí Lý luận chính trị.
- [12] Nguyễn Văn Truy (Chủ biên) (1993), *Hồ Chí Minh về đạo đức*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [13] Song Thành (2005), *Nói đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức - một nguyên tắc cơ bản của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh*, số 11, Tạp chí Cộng sản.

ENHANCING MORAL EDUCATION FOR STUDENTS OF HONG DUC UNIVERSITY BASED ON HO CHI MINH’S IDEOLOGY

Trinh To Anh

ABSTRACT

Throughout his revolutionary life, Ho Chi Minh was always interested in moral education for students. He paid a great attention to the role, content and method of education. Ho Chi Minh's method of moral education is of great value for Vietnamese educators in studying and applying in practice. Based on the systematization of moral education methods in Ho Chi Minh's thought, analyzing and assessing the current state of moral education in Hong Duc university, the paper presents a number of innovative solutions to ethical education for students at Hong Duc university today.

Keywords: *Ho Chi Minh's ideology, method, morality, students, Hong Duc university.*

TÍCH HỢP RÈN LUYỆN NĂNG LỰC GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN THÔNG QUA VIỆC DẠY HỌC HỌC PHẦN NGỮ DỤNG HỌC

Nguyễn Thị Bé¹

TÓM TẮT

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hóa hiện nay, giáo dục cần phải đào tạo ra những con người vừa có tri thức khoa học, vừa có tri thức chuyên môn ngành nghề đáp ứng yêu cầu của công việc, đồng thời cũng phải có những năng lực chung và năng lực cá nhân để đáp ứng được nhu cầu của thời đại. Chính vì vậy, việc dạy học ngôn ngữ cho sinh viên không chỉ đơn thuần là để hiểu, để biết mà học ngôn ngữ để sử dụng trong hoạt động giao tiếp một cách hiệu quả. Bài viết tập trung vào vấn đề tích hợp rèn luyện năng lực giao tiếp cho sinh viên thông qua các trải nghiệm học tập tích hợp trong dạy học học phần Ngữ dụng học.

Từ khóa: *Dạy học tích hợp, năng lực giao tiếp, Ngữ dụng học.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Điểm mấu chốt của chiến lược đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nước nhà là chuyển từ cách tiếp cận kiến thức sang cách tiếp cận năng lực. Thực hiện quan điểm trên, quá trình giáo dục và đào tạo ở các trường đại học phải coi trọng nhiệm vụ rèn luyện, phát triển hệ thống những phẩm chất, năng lực chung và chuyên ngành cho sinh viên. Trong hệ thống những phẩm chất và năng lực đó, năng lực giao tiếp là một trong những năng lực quan trọng nhất: vừa là năng lực chung của các chuyên ngành vừa là năng lực chuyên biệt của một số chuyên ngành. Đỉnh chóp của năng lực giao tiếp là việc thể hiện các chuẩn mực văn hóa trong giao tiếp hay còn gọi là văn hóa giao tiếp. Thực tế thì học sinh khi bước vào các trường chuyên nghiệp vẫn bị đánh giá thấp về năng lực giao tiếp, đặc biệt là văn hóa giao tiếp. Trách nhiệm này thuộc về nhiều người nhưng vai trò chính là giảng viên các ngành Văn hóa, Ngôn ngữ nói chung, Tiếng Việt nói riêng. Bài viết tập trung vào vấn đề tích hợp rèn luyện năng lực giao tiếp cho sinh viên thông qua các trải nghiệm học tập tích hợp trong dạy học học phần Ngữ dụng học.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số cơ sở lý thuyết

2.1.1. Năng lực giao tiếp

Giao tiếp là quá trình tiếp xúc tâm lý giữa con người và con người nhằm mục đích trao đổi tư tưởng, tình cảm, vốn sống, kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, hoàn thiện nhân cách bản thân. Giao tiếp là phương thức tồn tại của con người, là phương tiện cơ bản để hình thành nhân cách.

¹ Giảng viên khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Khánh Hòa

Kỹ năng giao tiếp là sự thành thục trong những vấn đề kỹ thuật, hành vi giao tiếp. Nếu kỹ năng giao tiếp được sử dụng một cách hợp lý thì nó sẽ đem lại kết quả tích cực như: giúp ta truyền đạt được ý nghĩ, thái độ của mình, không gây ra sự hiểu lầm ở đối tượng; chuyển tải đạo đức, văn hóa, tính lịch sự, lịch thiệp của con người trong giao tiếp, giúp chúng ta tạo nên những mối quan hệ tốt đẹp với mọi người, đạt kết quả cao trong hành vi, trong giao tiếp. Kỹ năng giao tiếp được coi là thành phần cơ bản nhất trong nghệ thuật giao tiếp, là mặt biểu hiện bên ngoài của năng lực giao tiếp.

Năng lực giao tiếp là một thuộc tính tâm lý tương đối ổn định của cá nhân, đảm bảo cho con người có thể thực hiện hoạt động giao tiếp có hiệu quả. Chính mối quan hệ mật thiết giữa năng lực giao tiếp và kỹ năng giao tiếp mà chúng ta muốn rèn luyện và phát triển năng lực giao tiếp cần phải nắm vững và biết vận dụng sáng tạo những tri thức, kỹ năng giao tiếp đã được hình thành thông qua quá trình sống, lao động, học tập và rèn luyện trong thực tiễn xã hội.

2.1.2. Về tích hợp trong dạy học

Trong lý luận dạy học hiện đại, tích hợp được hiểu là sự kết hợp một cách hữu cơ, có hệ thống, ở những mức độ khác nhau kiến thức, kỹ năng thuộc các môn học là khác nhau hoặc các hợp phần của bộ môn thành một nội dung thống nhất, dựa trên cơ sở các mối liên hệ về lý luận và thực tiễn được đề cập đến trong các môn học hoặc các hợp phần của bộ môn đó.

Tích hợp là một trong những xu thế dạy học hiện đại hiện đang được quan tâm nghiên cứu và áp dụng vào nhà trường ở nhiều nước trên thế giới. Ở nước ta, từ thập niên 90 của thế kỷ XX trở lại đây, vấn đề xây dựng môn học tích hợp với những mức độ khác nhau mới thực sự được tập trung nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng vào nhà trường phổ thông, chủ yếu ở bậc tiểu học và bậc trung học cơ sở. Trước đó, tinh thần giảng dạy tích hợp chỉ mới được thực hiện ở những mức độ thấp như liên hệ, phối hợp các kiến thức, kỹ năng thuộc các môn học hay phân môn khác nhau để giải quyết một vấn đề giảng dạy.

Tích hợp theo phương pháp tiếp cận CDIO

Phương pháp tiếp cận “CDIO” (gọi tắt là tiếp cận “CDIO”) khởi thủy là cách thức tiếp cận một mô hình lý thuyết về đào tạo theo định hướng năng lực đầu ra trong các trường đại học kỹ thuật. Ưu điểm nổi bật của “CDIO” là không có một nguyên tắc cứng nhắc. Đây chỉ là những nguyên lý, ý tưởng nên các ngành đào tạo có thể điều chỉnh linh hoạt để phù hợp cho các chuyên ngành không nằm trong khối kỹ thuật và điều kiện của từng trường.

Phát triển chương trình đào tạo theo phương pháp tiếp cận CDIO đề ra 12 tiêu chuẩn; trong đó, tiêu chuẩn thứ 7 đề cập trực tiếp đến vấn đề tích hợp - Các trải nghiệm học tập tích hợp. Tiêu chuẩn 7 được trình bày như sau: “*Các trải nghiệm học tập tích hợp đưa đến việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành cũng như các kỹ năng cá nhân và giao tiếp, kỹ năng kiến tạo sản phẩm, quy trình và hệ thống. Việc thiết kế chương trình đào tạo và các chuẩn đầu ra, được quy định trong Tiêu chuẩn 2 và 3 tương ứng, chỉ có thể thành hiện thực nếu có được các phương pháp sư phạm tương ứng tận dụng kép được thời gian học tập của sinh viên. Với các trải nghiệm học tập tích hợp, giảng viên có thể giúp sinh viên một cách hiệu*”

quả hơn trong việc áp dụng kiến thức chuyên ngành vào thực hành kỹ thuật và chuẩn bị cho họ tốt hơn để đáp ứng các nhu cầu của nghề nghiệp kỹ thuật” [3].

2.2. Vận dụng quan điểm tích hợp vào việc dạy học học phần Ngữ dụng học

Ngữ dụng học là một bộ môn khá mới của Ngôn ngữ học, xuất hiện từ cuối thế kỉ XX, đến nay đã thâm nhập khá sâu sắc vào trong các lĩnh vực nghiên cứu của Việt ngữ học. Là một bộ môn có đối tượng nghiên cứu là ngôn ngữ và các sản phẩm của ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp bằng lời. Ngữ dụng học thực chất chính là một lý thuyết giao tiếp khá hoàn chỉnh với các mảng nghiên cứu chính: Diễn ngôn, ngữ cảnh, chiếu vật - chỉ xuất, hành động ngôn ngữ, lập luận, hội thoại, nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn. Mục tiêu cuối cùng của học phần Ngữ dụng học là giúp người học sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả trong hoạt động giao tiếp.

Như vậy, tích hợp rèn luyện và phát triển năng lực giao tiếp thông qua giảng dạy học phần Ngữ dụng học cho sinh viên là vấn đề có nhiều cơ sở cả về giáo dục học lẫn ngôn ngữ học cho việc thực hiện. Tuy nhiên, cách dạy Ngữ dụng học lâu nay vẫn mang nặng tính chất khoa học hàn lâm, chưa thực sự dạy cách thức giao tiếp, rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho sinh viên. Chính vì vậy, vai trò tổ chức, hướng dẫn của người giảng viên trong quá trình tích hợp rèn luyện năng lực giao tiếp là vô cùng quan trọng. Giảng viên phải nhận thức đúng và triển khai một cách chặt chẽ, hệ thống quá trình tích hợp rèn luyện năng lực giao tiếp thông qua dạy kiến thức Ngữ dụng học. Đồng thời giảng viên cần phối hợp nhịp nhàng với sinh viên trong quá trình vận dụng và đổi mới phương pháp dạy học cho phù hợp với đặc thù môn học.

2.2.1. Trong thiết kế đề cương học phần

Ngay trong đề cương chi tiết học phần Ngữ dụng học, giảng viên cần bám sát nội dung từng phần cụ thể ứng với phân phối chương trình để định hướng một kế hoạch rèn luyện năng lực giao tiếp cho sinh viên song song với việc tiếp thu kiến thức môn học. Cụ thể, trong từng chương, bài của học phần Ngữ dụng học, giảng viên cần chỉ rõ nội dung kiến thức cần đạt, kỹ năng giao tiếp cần rèn luyện, phương pháp, hình thức dạy học cụ thể. Điều này giúp các em hình dung và xác định rõ được mục tiêu cuối cùng của môn Ngữ dụng học là rèn luyện và phát triển năng lực giao tiếp. Từ đó, sinh viên chủ động rèn luyện từng kỹ năng giao tiếp trong quá trình tiếp thu kiến thức Ngữ dụng học nói chung.

2.2.2. Tổ chức dạy học học phần Ngữ dụng học bằng các trải nghiệm học tập tích hợp

Phương pháp tiếp cận “CDIO” đã giải thích cụ thể cơ sở lý luận và thực tiễn hình thành một chương trình đào tạo tích hợp là một chương trình đào tạo có thể tận dụng kép cả thời gian và nguồn lực trong các môn học chuyên ngành sẵn có, nghĩa là tận dụng sự tổng hợp của việc học cùng lúc các kỹ năng và kiến thức chuyên ngành. Người học chủ động trải nghiệm kiến thức môn học để rèn luyện kỹ năng; chủ động trong giải quyết các nhiệm vụ học tập và được thỏa sức sáng tạo thông qua các nhiệm vụ có tính mở, tích hợp các kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp liên ngành, đa ngành và những kỹ năng cá nhân.

Như vậy, trải nghiệm học tập tích hợp là hình thức học thông qua làm, học qua trải nghiệm giúp sinh viên không những có được năng lực thực hiện mà còn có những trải nghiệm về cảm xúc, ý chí và nhiều trạng thái tâm lý khác nhau. Trong mỗi giờ học Ngữ dụng học, giáo viên nên sử dụng kếp thời gian để vừa cung cấp tri thức về lý thuyết Ngữ dụng học cho sinh viên, vừa rèn luyện và phát triển năng lực giao tiếp cho các em.

Trải nghiệm học tập tích hợp bằng hoạt động trò chơi

Hoạt động trò chơi là phương tiện giáo dục tích cực giúp phát triển toàn diện những năng lực cho sinh viên, giúp các em nâng cao hiểu biết về thế giới hiện thực xung quanh, kích thích trí thông minh, lòng ham hiểu biết, học cách giải quyết vấn đề và nhiệm vụ. Trong quá trình diễn ra trò chơi, tất cả các thành viên của nhóm đều tham gia hết mình và từ đó giúp các em thêm sự hứng khởi, tạo động lực cho các em học tập và rèn luyện kỹ năng tốt hơn.

Chẳng hạn khi dạy bài *Hành động ngôn ngữ*, giảng viên có thể tổ chức trò chơi “Cách sử dụng hành động hỏi, khen, chê, cảm ơn, xin lỗi... trong thực tiễn giao tiếp”. Với trò chơi này, lớp học có thể được chia thành các nhóm hoặc hoạt động cá nhân. Nhóm có nhiệm vụ thống kê các biểu thức ngôn ngữ thể hiện hành động hỏi, khen, chê... Giảng viên có thể cùng tham gia trò chơi và kiêm nhiệm công tác trọng tài. Từ đó các cá nhân tự bản thân trải nghiệm về cách hỏi, khen, chê, cảm ơn, xin lỗi... trong thực tiễn giao tiếp một cách đa dạng và sinh động. Giảng viên sẽ nhận xét, phân tích chốt lại vấn đề về cách sử dụng các hành động hỏi, khen, chê, cảm ơn, xin lỗi... trong thực tiễn giao tiếp như thế nào cho phù hợp với văn hóa giao tiếp của người Việt. Thông qua hoạt động này, bản thân mỗi sinh viên sẽ vừa khắc sâu kiến thức về hành động ngôn ngữ, vừa được rèn luyện kỹ năng hỏi, khen, chê... trong giao tiếp. Từ đó giúp các em biết cách giao tiếp - ứng xử lịch sự hơn, có văn hóa hơn.

Trải nghiệm học tập tích hợp thông qua hoạt động đóng vai

Đóng vai là hình thức mỗi sinh viên sẽ nhập vai một nhân vật cụ thể trong tình huống giao tiếp giả định. Với hoạt động này, sinh viên phải suy nghĩ để kiến tạo nên các phát ngôn, các lập luận cùng với cử chỉ, hành vi, thái độ để đạt được hiệu quả giao tiếp của vai diễn. Như vậy, thông qua hoạt động đóng vai này, sinh viên được trải nghiệm việc sử dụng ngôn ngữ và hành vi, cử chỉ để giao tiếp, từ đó giúp các em rèn luyện kỹ năng giao tiếp một cách hiệu quả.

Chẳng hạn, khi dạy về bài *Lý thuyết hội thoại*, lớp học sẽ được chia thành nhiều nhóm, mỗi nhóm tự xây dựng cho mình một cuộc hội thoại, trong đó nhóm sẽ phân vai cho các thành viên trong nhóm. Cuộc hội thoại đạt được đích của giao tiếp là cuộc thoại phải đảm bảo các phương châm hội thoại: *phương châm về lượng, phương châm về chất, phương châm quan hệ* và *phương châm cách thức*. Mỗi sinh viên tự mình phải lựa chọn lượng tin, nội dung, cách thức giao tiếp để đạt được đích giao tiếp như mong muốn. Như vậy, thông qua hoạt động đóng vai, bản thân mỗi sinh viên vừa được tiếp thu kiến thức về các nguyên tắc hội thoại vừa được rèn luyện năng lực sử dụng ngôn ngữ cũng như năng lực ứng xử của

bản thân trong tình huống giao tiếp cụ thể, tạo điều kiện phát triển năng lực giao tiếp và khích lệ sự thay đổi thái độ hành vi theo hướng tích cực trước một vấn đề hay đối tượng nào đó trong thực tiễn giao tiếp. Bằng những hoạt động giao tiếp, các em tự nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của mình trong giao tiếp, giúp các em tự đánh giá về mình, biết đánh giá về người khác, từ đó sẽ giúp các em tự rèn luyện kỹ năng giao tiếp và nâng cao văn hóa giao tiếp cho bản thân.

Trải nghiệm học tập tích hợp thông qua hoạt động nhóm

Hoạt động nhóm là phương pháp giáo viên chia sinh viên trong lớp thành các nhóm học tập theo hướng tạo ra sự tương tác trực tiếp giữa các thành viên, từ đó sinh viên trong nhóm thảo luận, cùng nhau phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Hoạt động nhóm được xem là một phương pháp dạy học tích hợp hiệu quả. Hoạt động học tập này giúp sinh viên có được hiệu quả kép trong thời gian học tập, có nghĩa là các em vừa được tiếp thu kiến thức môn học thông qua thảo luận nhóm, đồng thời vừa phát triển năng lực cá nhân, năng lực giao tiếp thông qua hoạt động nhóm.

Chẳng hạn, khi dạy về *Phép lịch sự*, lớp học sẽ được chia thành các nhóm nhỏ, mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ khác nhau: *cách sử dụng từ xưng hô trong tiếng Việt, các biểu thức chào đón thể hiện phép lịch sự trong hội thoại, các hành động ở lời đe dọa thể diện và tôn vinh thể diện, ...* Qua thời gian thảo luận, các em sẽ tương tác với nhau bằng sự trao đổi, tranh luận những hiểu biết về từ xưng hô, về cách nói lịch sự và về những cách nói khen, chê như thế nào cho phù hợp với vai, nội dung và hoàn cảnh giao tiếp. Như vậy, thông qua hoạt động nhóm, các em không những tự lĩnh hội kiến thức về phép lịch sự mà còn được rèn luyện cách dùng từ xưng hô, khen, chê... như thế nào cho lịch sự trong giao tiếp.

Trải nghiệm học tập tích hợp thông qua hình thức thuyết trình

Thuyết trình là hình thức nói về một vấn đề nào đó trước nhiều người một cách có hệ thống. Vận dụng hình thức này trong việc dạy Ngữ dụng học nhằm đạt hiệu quả kép cho sinh viên: vừa học kiến thức ngữ dụng học vừa rèn luyện và phát triển năng lực giao tiếp của bản thân. Giảng viên cho trước các đề tài thuyết trình như: *xây dựng lập luận để thuyết phục người khác, cách dùng từ xưng hô trong giao tiếp, các biểu thức cảm ơn, xin lỗi của người Việt...* Để thuyết trình tốt, sinh viên phải tìm hiểu và chuẩn bị những nội dung kiến thức về cách dùng từ xưng hô trong giao tiếp, thực tiễn văn hóa cảm ơn, xin lỗi của người Việt để thuyết trình, các em phải tự tập luyện thuyết trình (cách sử dụng ngôn ngữ, hành vi, cử chỉ) nhiều lần trước khi thuyết trình trên lớp. Như vậy, ở khâu chuẩn bị thuyết trình, bản thân sinh viên vừa nâng cao năng lực tự học để tiếp thu kiến thức về Ngữ dụng học, vừa tự rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, lựa chọn hành vi cử chỉ cho hiệu quả trong giao tiếp. Thông qua hoạt động thuyết trình, sinh viên sẽ tự thể hiện những hiểu biết của mình về từ xưng hô, văn hóa cảm ơn, xin lỗi, đồng thời sinh viên cũng thể hiện năng lực sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, hành vi của mình trong giao tiếp. Từ đó, các em sẽ tự nhận thức, đánh giá được năng lực giao tiếp của mình để rồi tự điều chỉnh và ý thức về việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp và văn hóa giao tiếp cho bản thân.

2.2.3. *Dạy học Ngữ dụng học từ thực tiễn giao tiếp của sinh viên*

Dạy học Ngữ dụng học cũng cần liên hệ chặt chẽ với thực tiễn giao tiếp của sinh viên. Tức là, từ thực tiễn giao tiếp cụ thể của sinh viên, giảng viên hướng họ chú ý vào bài, xác định những kiến thức quan trọng trong bài, rồi lại quay về vận dụng chính những kiến thức này vào thực tiễn giao tiếp sinh động xung quanh họ. Điều này sẽ giúp sinh viên vừa tiếp thu kiến thức ngữ dụng học một cách nhẹ nhàng, vừa rèn luyện kỹ năng giao tiếp một cách hiệu quả.

Chẳng hạn, dạy bài *Khái quát về Ngữ dụng học*, giảng viên sẽ bắt đầu bằng việc cho sinh viên tự liên hệ với hoạt động giao tiếp của bản thân trong thực tế để tự tìm ra các nhân tố giao tiếp và vai trò của chúng trong cuộc giao tiếp: *người giao tiếp, không gian, thời gian của cuộc giao tiếp, nội dung giao tiếp, mục đích giao tiếp và phương tiện giao tiếp*. Từ đó, giảng viên cho sinh viên làm bài tập tình huống, thí dụ: khi phải nói lời xin lỗi với thầy cô giáo và bạn bè thì phải nói năng khác nhau như thế nào, hoặc giả sử khi đi chợ, khi ở nhà với khi ở trường, trong những môi trường khác nhau đó thì tác phong, ngôn ngữ của em sẽ sử dụng như thế nào cho phù hợp. Từ thực tiễn giao tiếp sinh động của chính bản thân mình, sinh viên sẽ tự điều chỉnh cách sử dụng ngôn ngữ và hành vi cho phù hợp với vai, nội dung và hoàn cảnh giao tiếp.

Hoặc khi dạy bài *Chiếu vật, chỉ xuất*, giảng viên cũng cần đi từ thực tiễn giao tiếp của sinh viên với những bài tập như: khi em muốn nói đến thầy giáo của mình thì em sẽ dùng những biểu thức chiếu vật nào cho phù hợp, khi giao tiếp với bạn bè em thường dùng những cách xưng hô như thế nào. Từ đó, giảng viên sẽ giúp sinh viên tự chốt lại kiến thức của bài về những phương thức chiếu vật (chiếu vật bằng tên riêng, chiếu vật bằng miêu tả xác định, chiếu vật bằng chỉ xuất). Như vậy, bằng việc thực hiện các bài tập về giao tiếp, sinh viên sẽ vừa tiếp thu kiến thức về chiếu vật, chỉ xuất một cách tự nhiên, vừa rèn luyện kỹ năng giao tiếp một cách hiệu quả.

3. KẾT LUẬN

Tích hợp rèn luyện năng lực giao tiếp cho sinh viên là một nhiệm vụ quan trọng đối với giảng viên trong quá trình giảng dạy, đặc biệt là các giảng viên dạy Ngôn ngữ. Mỗi môn học có những đặc trưng riêng, giảng viên có thể lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp nhằm sử dụng kếp thời gian để vừa học kiến thức, vừa rèn luyện năng lực giao tiếp. Nhưng để có thể sử dụng công dụng kếp của thời gian học tập, điều quan trọng là phải có được phương pháp giảng dạy và học tập mới, làm sao tận dụng được tối ưu thời gian nhưng không làm nặng thêm về mặt khối lượng kiến thức môn học. Giảng dạy và học tập dựa trên các phương pháp học chủ động (active learning) và trải nghiệm (experiential learning) (tiêu chuẩn “CDIO” 7) là một giải pháp cho vấn đề trên. Tùy thuộc vào nội dung từng bài học, môn học cụ thể, giáo viên có thể áp dụng hình thức trải nghiệm học tập tích hợp phù hợp, nhằm phát triển tốt nhất năng lực chuyên biệt, năng lực chung và năng lực cá nhân của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê A (Chủ biên) (1998), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*, Tài liệu tập huấn lưu hành nội bộ.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình giáo dục phổ thông*, Tài liệu tập huấn lưu hành nội bộ.
- [4] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015), *Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên phổ thông của các cơ sở đào tạo giáo viên*, Tài liệu tập huấn lưu hành nội bộ.
- [5] Đỗ Hữu Châu (2003), *Đại cương ngôn ngữ học* (tập 2 - Ngữ dụng học), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Khắc Hùng (Chủ biên) (2011), *Văn hóa và văn hóa học đường*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
- [7] Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

INTEGRATING THE PRACTICE OF COMMUNICATIVE COMPETENCE FOR STUDENTS THROUGH TEACHING PRAGMATICS

Nguyen Thi Be

ABSTRACT

In the context of integration and globalization today, the main purpose of education is not only to train those who have scientific and specialized knowledge to meet the demand of their job but also to develop their general and personal abilities to satisfy the needs of current times. Therefore, teaching language to students does not simply aim at making them know the language. It also focuses on making students know how to use the language to communicate effectively. The following article is about the integration of strengthening communicative competence through intergrated learning experiences in the teaching pragmatics for students.

Keywords: *Integrated teaching, communicative competence, pragmatics.*

MỘT SỐ CÁCH LÀM ĐỒ CHƠI TỪ VẬT LIỆU TÁI CHẾ CHO TRẺ MẦM NON

Đào Thị Hà¹, Đoàn Dũng Sĩ²

TÓM TẮT

Trong trường mầm non, đồ chơi có tác động rất lớn tới quá trình phát triển của trẻ. Đồ chơi trong các trường mầm non có nhiều dạng và nhiều loại chủ đề khác nhau như: đồ chơi trang trí; đồ chơi học tập; đồ chơi mô tả hình tượng; đồ chơi sân khấu âm nhạc; đồ chơi xây dựng. Các loại đồ chơi này thường là do giáo viên mầm non tự thiết kế dựa trên quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, quy trình thiết kế, cách sử dụng và phương pháp bảo quản. Sử dụng vật liệu tái chế để làm đồ chơi cho trẻ đang dần trở thành biện pháp hiệu quả nhất trong các hoạt động dạy học của các cô giáo mầm non, là một giải pháp tiết kiệm kinh tế đồng thời giáo dục trẻ về bảo vệ môi trường, đặc biệt sử dụng trong các hoạt động giáo dục ở trường mầm non. Bài viết này đưa ra một số cách làm đồ chơi theo chủ đề đơn giản nhưng có tính khả thi, thiết thực, phù hợp với đặc điểm và điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, thiếu thốn về đồ chơi ở một số trường mầm non hiện nay.

Từ khóa: Đồ chơi, vật liệu tái chế, trẻ mầm non.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong trường mầm non, đồ chơi là phương tiện, là người bạn đồng hành của trẻ trong các hoạt động. Đồ chơi vừa là đối tượng để trẻ khám phá thế giới xung quanh, vừa là công cụ để trẻ thao tác các hoạt động và phát huy trí tưởng tượng. Chính vì vậy, đồ chơi có tác động rất lớn tới sự phát triển và tư duy của trẻ. Đồ chơi có nhiều dạng và nhiều chủ đề khác nhau: đồ chơi trang trí, đồ chơi học tập, đồ chơi mô tả hình tượng, đồ chơi sân khấu âm nhạc, đồ chơi xây dựng. Một số đồ chơi chỉ phục vụ riêng cho một trò chơi nhưng có những đồ chơi còn là đồ dùng dạy học, phục vụ cho nhiều trò chơi cũng như nhiều hoạt động dạy học khác nhau. Ngoài các loại đồ chơi được sản xuất theo công nghệ, đồ chơi tự làm từ các vật liệu tái chế mang đến sự độc đáo đầy sáng tạo đối với trẻ. Loại đồ chơi này thường do các giáo viên mầm non trực tiếp đứng lớp tự thiết kế, vì căn cứ vào chương trình chung theo các chủ đề của trường mầm non, giáo viên tự xây dựng khung kế hoạch tổ chức. Giáo viên là người am hiểu nhất nội dung hoạt động cần những gì, phương pháp tích hợp ra sao, công năng sử dụng như thế nào và cuối cùng là mức độ hào hứng của trẻ để có thể làm đồ chơi gì cho phù hợp, tránh sự lãng phí không cần thiết.

Sử dụng vật liệu tái chế để làm đồ chơi cho trẻ đang dần trở thành một biện pháp hiệu quả nhất trong hoạt động dạy học của các cô giáo mầm non, vì trong đời sống hàng ngày,

¹ Giảng viên khoa Giáo dục Mầm Non, Trường Đại học Hồng Đức

² Giảng viên khoa Mỹ thuật, Trường Đại học Văn hóa Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

mỗi gia đình thường bỏ đi một số lượng lớn các loại vỏ hộp, vỏ bì... Đó là những nguồn vật liệu rất phong phú có thể tận dụng làm những việc bổ ích.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số lựa chọn vật liệu tái chế để làm đồ chơi

Vật liệu giấy: bao gồm các loại làm đồ chơi từ giấy, bì, giấy báo cũ, các loại hộp các-tông, thường làm các đồ chơi học tập như: cờ, tranh so hình, chấp tranh; đồ chơi mô tả hình tượng như: con giống, rối, mô hình bằng giấy bồi; đồ chơi sân khấu âm nhạc như: mặt nạ, mũ múa; giấy bì thu nhặt được có thể đóng thành cuốn ép các con vật thật như chuồn chuồn, cây cỏ, hoa lá,... Nhìn chung, các loại vật liệu này có tính chất nhẹ, mềm, xốp, dễ tạo hình, màu sắc đẹp, khi làm thành đồ chơi, trẻ có thể chơi nhẹ nhàng. Tuy vậy, các đồ chơi làm từ bì, giấy màu thường dễ bong tróc những chi tiết nhỏ, cho nên khi làm xong sản phẩm ta phải dùng băng dính dán kín bề mặt (loại băng dính trong và to bản), nhằm mục đích chống bong tróc, chống ẩm và chống mốc.

Vật liệu phế liệu: gồm các loại vỏ hộp sữa chua, vỏ hộp thạch, vỏ hộp hóa mỹ phẩm, xốp, cao su. Các loại vỏ hộp suu tầm được, tùy theo cấu tạo hình dáng ban đầu của chúng, ta sẽ có cách tạo hình đồ chơi phù hợp với hình dáng ban đầu.

Vật liệu vải: gồm các loại vải dạ, vải nỉ, vải cốt tông, vải ren, vải băng lông, vải dạng fert (dạ cứng). Đồ chơi từ vải vụn hiện nay rất được các cô giáo mầm non ưa chuộng bởi đặc tính mềm mại dễ tạo hình, dễ vệ sinh, và nguồn vật liệu tương đối sẵn có. Các loại vải này thường được dùng để may các con giống, con rối phục vụ trong các hoạt động âm nhạc, kể chuyện, hoặc may các loại đồ chơi theo chủ đề thực vật, các loại hoa, quả, cây cối, may đồ dùng như bộ bàn ghế, may gối và váy áo búp bê.

Quy chuẩn kỹ thuật về an toàn đồ chơi bằng vật liệu phế thải

Các đồ chơi được làm ra phải không chứa rủi ro bất ngờ cho sức khỏe, các rủi ro về thương tích do tiếp xúc với các cạnh sắc, góc nhọn. Các dây, móc, chốt trên đồ chơi phải được giảm thiểu tới mức có thể, đáp ứng các đòi hỏi về vệ sinh và độ sạch sẽ để tránh bất cứ nguy cơ nào về nhiễm trùng, gây nôn mửa và nhiễm bệnh.

Các đồ chơi có các chi tiết tháo rời phải nhằm chủ đích rõ ràng.

Nhiệt độ tối đa bất kỳ bề mặt nào của đồ chơi phải luôn ổn định, không gây cháy và làm bỏng khi chạm vào. Các chất lỏng và khí có trong đồ chơi không bị tăng nhiệt độ hoặc áp suất gây bỏng hoặc làm tổn thương người dùng, không chứa các chất nguy hiểm hoặc các chất pha chế có thể dễ cháy khi mất các yếu tố không cháy. Đặc biệt, để bảo vệ sức khỏe trẻ em, các hoá chất được hấp thu thông qua việc sử dụng đồ chơi không vượt quá các mức giới hạn sau: 0,2 mg đối với antimon (Sb); 0,1 mg đối với arsen (As); 25,0 mg đối với bari (Ba); 0,6 mg đối với cadimi (Cd); 0,3 mg đối với crom (Cr); 0,7 mg đối với chì (Pb); 0,5 mg đối với thủy ngân (Hg); 5,0 mg đối với selen. Các đồ chơi có gắn điện tử phải hoạt động với điện năng không vượt quá 24 volt và không có bộ phận nào của đồ chơi hoạt động ở mức quá 24 volt [6].

Khi làm các loại đồ chơi từ những vật liệu phế liệu, cần phải xử lý vệ sinh sạch sẽ với các loại vật liệu, đặc biệt là vật liệu nhựa bao giờ dưới đáy đều có ký hiệu tái chế, cùng một chữ số dao động từ 1 đến 7 và có các chữ viết tắt như PETE, PP, PS,... loại nhựa có ký hiệu số 3, số 6 và số 7 là loại nhựa ít có độ an toàn, đặc biệt là loại nhựa số 3 rất dễ bị nóng chảy và có chứa một số chất độc như Phthalat, DEHA. Dựa vào những ký hiệu này, chúng ta sẽ biết được mức độ an toàn của chúng và có thể tái chế được hay không, từ đó lựa chọn cách sử dụng hợp lý, an toàn với sức khỏe và góp phần bảo vệ môi trường [5].

2.3. Một số cách làm đồ chơi từ vật liệu tái chế

2.3.1. Làm đầu tàu hỏa bằng hộp sữa

Vật liệu: Các hộp sữa bằng giấy loại 1 lít hình chữ nhật, hộp sữa giấy hình vuông, lõi giấy vệ sinh, vỏ chai nước khoáng loại 1 lít và 500ml, nắp chai nhựa, 1 số thanh nhôm bằng nhau, vỏ bút bi hoặc ống hút (có đường kính to hơn thanh nhôm) keo nến, súng bắn keo, dao trở.

Cách làm

Bước 1: Dùng hộp sữa loại 1 lít làm đầu tàu. Đục 3 lỗ cách đều nhau làm bánh xe (lỗ to bằng ống hút hoặc vỏ bút) luồn thanh nhôm vào ống hút để làm trục bánh xe, gắn cố định hai vỏ bánh xe bằng nắp chai nước vào 2 đầu (Hình 1).

Bước 2: Dùng vỏ lõi giấy vệ sinh làm máy, gắn cốc nhựa loại nhỏ hoặc 1/3 vỏ chai nước phía trên hộp để làm ống khói.

Bước 3: Trang trí toa tàu, dùng bút dạ vẽ các hình ô cửa trên toa tàu sao cho hài hòa với thân tàu, dùng dao trở thủng các ô cửa.

Cách vận dụng trong trường mầm non: Dùng trong tổ chức hoạt động dạy âm nhạc, tạo hình, làm quen với tác phẩm văn học, môi trường xung quanh, tổ chức hoạt động góc, gây hứng thú vào bài, các hoạt động theo chủ đề phương tiện và luật lệ giao thông.

2.3.2. Làm con giống bằng bìa cứng

Trong trường mầm non, việc sử dụng những con giống có thể đứng được bằng bìa và giấy màu là rất thường xuyên, để gợi hứng thú cho giờ học. Mặt khác, các con giống bằng bìa dễ làm, dễ thay đổi mẫu mã, phù hợp với điều kiện còn nhiều khó khăn ở các địa phương vùng miền núi, tuy nhiên giá trị sử dụng không được lâu bền. Cấu tạo con giống gồm phần đế và phần thân. Phần đế làm bằng bìa giấy hình tròn hoặc hình chữ nhật gấp đôi (như hình mái nhà). Phần thân con vật ghép phía trên.

Vật liệu: Bìa cứng, giấy màu, giấy can, hồ dán, kéo.

Cách làm

Bước 1: Tạo hình phần đế

Lấy bìa cứng cắt một hình tròn đường kính 20cm làm đế, sau đó vẽ hình con giống lên (có thể là búp bê hoặc hình con vật) để lấy mẫu nhìn (Hình 2).

Gấp đôi hình tròn thành vẩy búp bê hoặc làm đế bập bênh (mẫu búp bê).

Bước 2: Tạo hình phần thân

Đầu là hình tròn đường kính bằng 1/2 chiều rộng của phần đế. Khi tạo hình đầu con giống có thể vẽ cắt các chi tiết trên đầu liền khối với phần thân.

Các bộ phận khác như cổ, chân, đuôi được vẽ trước lên bìa gấp đôi theo tỷ lệ và đặc điểm con vật sau đó cắt từng bộ phận.

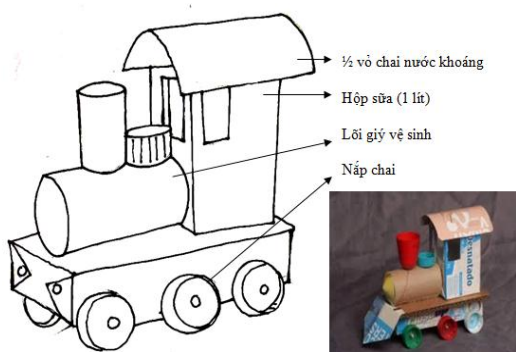
Dán, cắt giấy màu lên từng bộ phận con giống.

Bước 3: Hoàn thiện và trang trí

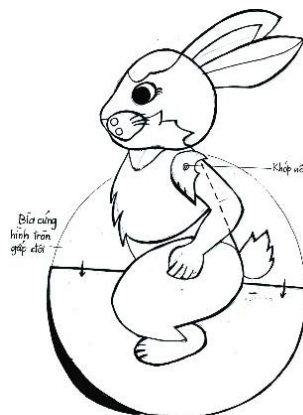
Dùng keo gắn phần thân vào với phần đế.

Dùng giấy màu các loại để trang trí các họa tiết hoa văn cho con giống. Chú ý phối kết hợp màu sắc chi tiết các bộ phận sao cho hài hòa. Cách làm con giống từ hình chữ nhật gấp đôi cũng tương tự.

Cách vận dụng trong trường mầm non: Dùng trong các hoạt động tổ chức âm nhạc, tổ chức hoạt động tạo hình, làm quen với toán học, tổ chức hoạt động góc, chuyện kể sáng tạo, gây hứng thú vào bài và sử dụng trong các hoạt động theo chủ đề thế giới động vật.



Hình 1. Đầu tàu hỏa bằng hộp sữa



Hình 2. Con giống bằng bìa cứng

2.3.3. Làm con giống gà trống từ vải vụn

Vật liệu: Vải dạ, vải băng lông hoặc vải nhung, kéo, kim khâu, chỉ màu, phấn may.

Cách làm

Bước 1: Tạo mẫu trên bìa

In mẫu lên bìa cứng và cắt theo số lượng sau: 1 miếng ngang đầu (hình thoi nhỏ), 1 miếng ngang bụng (hình thoi lớn), 2 miếng thân gấp đôi vải lại rồi áp mẫu giấy lên cắt để có hai miếng thân gà đối xứng nhau, 4 miếng cánh: gấp tư vải lại rồi áp mẫu giấy lên cắt để có 4 miếng cánh. Màu sắc tùy chọn nhưng chỉ nên chọn hai màu tương phản để làm nổi bật các bộ phận nhỏ trên nền các bộ phận lớn.

Bước 2: May con giống

May thân gà: Áp 2 mặt phải của miếng ngang đầu và miếng thân gà thứ nhất vào với nhau tại phần trên đầu gà, may trong khoảng giữa hai đầu mút của miếng ngang đầu, chừa lại 2cm ở mỗi đầu (trên hình là may giữa hai điểm đánh dấu màu xanh). Tương tự, áp mặt

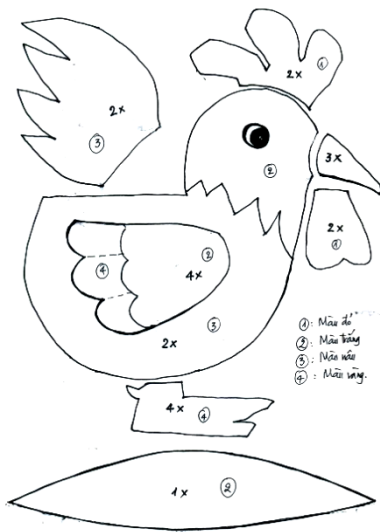
phải của miếng ngang bụng và thân gà vào với nhau tại phần dưới bụng gà, may trong khoảng giữa hai đầu mút của miếng ngang bụng, chừa lại 2cm ở mỗi đầu (trên hình là may giữa hai điểm đánh dấu màu xanh).

May cánh gà: Áp 2 mặt phải của 2 miếng cánh vào nhau, tương tự với 2 miếng cánh còn lại, bạn sẽ có hai cánh với mỗi cánh là 2 miếng vải trùng khít. Đặt mỗi cánh (gồm 2 lớp vải) lên miếng bông chần loại mỏng, rồi may theo vòng quanh cánh, chừa 3cm để tạo khe hở lộn phải cánh.

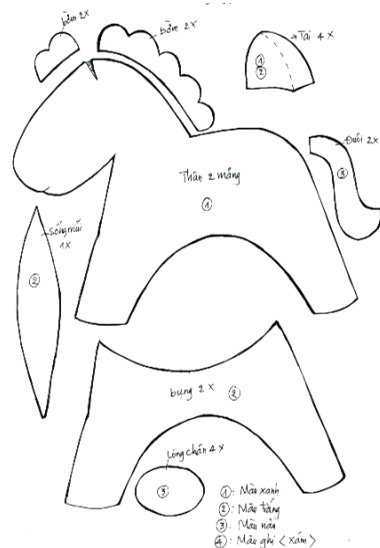
Bước 3: Nhồi khối, nhồi căng phần đầu và thân.

Bước 4: Ghép chân, cánh và mỏ gà, phần cánh thì khâu một khuy bấm để cài được cúc vào, như thế cánh có thể xoay quanh chiếc cúc một cách linh động, ghép chân, chú ý cho cân bằng để chú gà đứng được (Hình 3), cách may tương tự với mẫu may con ngựa, tức là ghép 2 mảng thân vào với 2 mảng bụng, sau đó ráp 2 mảng bụng vào với nhau, ghép 4 mảng lòng bàn chân vào ống chân, trừ lại 1,5cm đoạn gần cổ để nhồi khối, lưu ý khi khâu mảng tai cần gấp $\frac{3}{4}$ vành tai lại trước khi ghép, ghép bờm giữa 2 mảng thân vào các vị trí vẽ trên mô hình, khi nhồi khối lưu ý nhồi căng phần ống chân để ngựa đứng vững (Hình 4).

Cách sử dụng trong trường mầm non: Có thể sử dụng cho các giờ học như khám phá khoa học, cho trẻ làm quen với một số động vật nuôi trong gia đình, làm quen với văn học như dạy các bài thơ “Đàn gà”, “Thăm nhà bà”, “Mùi quả trứng tròn”; kể chuyện sáng tạo: “Gà con không vâng lời”, “Cáo thỏ và gà trống”; giờ chơi hoạt động góc “Xây dựng trại chăn nuôi” và được áp dụng ở các chủ đề: Gia đình, thế giới động vật.



Hình 3. Mẫu may con gà



Hình 4. Mẫu may con ngựa

2.3.4. Làm mô hình ngôi nhà bằng bìa cứng, giấy màu (Hình 5)

Vật liệu: Bìa các-tông, giấy thủ công loại cứng, giấy màu sắc tùy chọn, keo dính, kéo, dao trổ bút màu, bút chì, thước kẻ.

Cách làm

Bước 1: Phác thảo mô hình ngôi nhà lên giấy, sau đó can lại mẫu lên bìa các tông, mẫu to nhỏ tùy ý, nhưng lưu ý, hai cạnh song song của phần thân nhà phía trước và phía sau phải bằng nhau, hai mảng mái nhà có hình đồng dạng phải giống nhau.

Bước 2: Cắt, trở các mảng thân nhà. Dùng bút thước, kéo cắt bao quanh diện tích vừa thiết kế, dùng dao trở các ô cửa.

Gấp các khoảng đã định sẵn theo tỷ lệ trên nhằm tạo nếp gấp.

Gắn cố định phần áp mái với phần thân nhà với mép dán.

Dùng bút vẽ thêm các chi tiết phụ để trang trí.

Cách sử dụng trong trường mầm non: Được sử dụng trong các giờ hoạt động góc: như góc xây dựng, giúp trẻ biết được ý nghĩa, tác dụng cấu tạo của ngôi nhà; làm mô hình mẫu cho một số hoạt động dạy học, kể chuyện sáng tạo như kể chuyện “Bác gấu”, sử dụng trong các chủ đề: gia đình, quê hương, đất nước, Bác Hồ.

2.3.5. Làm hộp bút bằng lõi giấy vệ sinh, bìa cứng (Hình 6)

Vật liệu: Lõi giấy vệ sinh, bìa cứng, giấy A4 trắng, giấy màu, bút dạ màu đen, kéo, mica loại zen 2 (độ cứng vừa phải), súng bắn keo và keo nến.

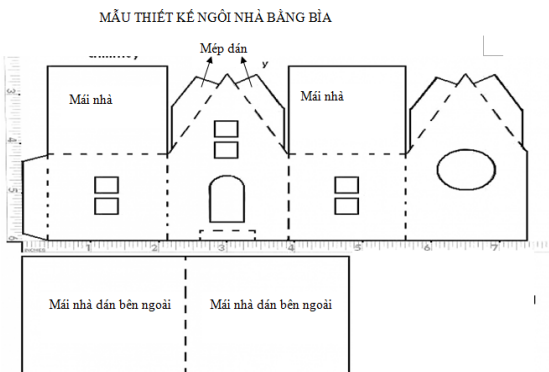
Cách làm

Bước 1: Dùng bút dạ vẽ hình động vật, hoa quả lên giấy màu hoặc xấp màu, sau đó bôi lên bìa cứng.

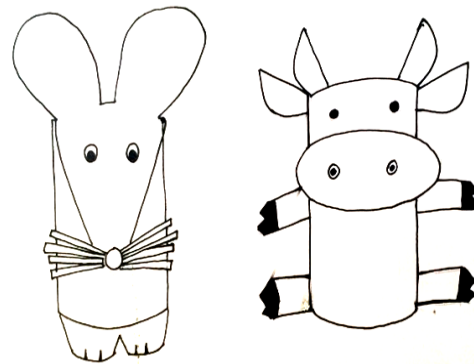
Bước 2: Tô màu hoặc cắt dán tùy theo sở thích của từng người sao cho hợp lý và cắt theo đúng hình đã vẽ thành các phần riêng rời.

Bước 3: Cắt mica thành hình tròn có đường kính tương ứng với lõi giấy vệ sinh, dùng keo nến gắn đế và các hình trang trí đã làm sẵn, dán sao cho ôm sát vào lõi giấy. Trang trí mỗi hộp một màu sắc khác nhau cho sinh động.

Cách sử dụng trong trường mầm non: Dùng làm ống đựng bút cho bé, giúp trẻ biết được ý nghĩa, tác dụng cấu tạo của hộp bút thông qua hoạt động làm quen với môi trường xung quanh, thể sử dụng trong các hoạt động theo chủ đề gia đình và trang trí lớp học.



Hình 5. Mô hình ngôi nhà bằng bìa cứng



Hình 6. Hộp bút bằng lõi giấy vệ sinh

2.4. Quản lý và bảo quản đồ dùng đồ chơi trong trường mầm non

Sắp xếp đồ dùng đồ chơi sao cho trẻ dễ nhìn, dễ thấy, thuận lợi cho việc lựa chọn và sử dụng. Đồ dùng đồ chơi phải phù hợp với nội dung chơi của từng lứa tuổi, nội dung chơi của từng chủ đề, chủ điểm. Lứa tuổi càng nhỏ thì cần nhiều đồ dùng đồ chơi hơn trẻ lớn vì trẻ chưa có khả năng tìm vật thay thế. Ghi chép số lượng đồ dùng đồ chơi để tiện cho việc kiểm tra, bổ sung, thay thế, tránh thất thoát.

Để sử dụng đồ dùng, đồ chơi được lâu bền, cần có phòng chức năng chứa đồ, đảm bảo không gian để sắp xếp, bảo quản, có tủ, giá, kho đựng thiết bị dạy học và nên có mô tả tóm tắt về đồ dùng, chú thích về cách sử dụng đồ dùng. Nhiều đồ dùng dạy học, đồ chơi mầm non tự làm có độ bền chưa cao, do đó bên cạnh việc làm đồ dùng, giáo viên phải chú ý đến độ bền chắc, cần bảo quản tốt, vệ sinh thường xuyên, theo dõi để sửa chữa hoặc vứt bỏ, làm thay thế ngay các thiết bị dạy học cùng nhóm khác. Nếu có điều kiện có thể mời chuyên gia giáo dục mầm non tư vấn hướng dẫn thêm về quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng vật liệu tái chế.

3. KẾT LUẬN

Trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng tích cực chủ động hiện nay, những hoạt động vui chơi với đồ chơi của trẻ dưới sự gợi ý hướng dẫn của giáo viên, không những khiến trẻ hồ hởi tích cực mà còn chủ động, sáng tạo và xử lý những tình huống chơi đầy ngẫu hứng. Đây thực sự là bài học đầu tiên để trẻ khám phá thế giới xung quanh đầy màu sắc. Khi sử dụng đồ chơi trong từng trò chơi, trẻ biết tái hiện lại hành động, lời nói, các diễn biến mô phỏng sự việc có thực ngoài đời mà trẻ đã từng được tiếp xúc, ghi nhớ. Dưới sự dẫn dắt, gợi ý của cô giáo, những hoạt động sáng tạo này thực sự trở thành phương tiện giáo dục có hiệu quả tích cực, vì vậy việc tạo ra đồ chơi từ vật liệu tái chế nên làm theo hướng tích hợp, có thể phục vụ nhiều trò chơi khác nhau một cách liên hoàn thì đồ chơi sẽ thú vị hơn, tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm và khám phá, tránh làm những đồ chơi chỉ có tính chất trưng bày, vừa lãng phí vừa không khả thi, thiết thực và hiệu quả trong quá trình giáo dục trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Thị Việt Hà (2004), *Hướng dẫn trẻ làm đồ chơi theo chủ đề*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Đặng Hồng Nhật (2001), *Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non* (Làm đồ chơi quyển 2), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [3] Mai Phạm (2016), *Nhận biết nhựa an toàn sức khỏe*, <https://www.tecignin.com/cuoc-song/nhan-biet-nhua-an-toan-suc-khoe/>
- [4] QCVN 3: 2009/BKHCN do Ban soạn thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn đồ chơi trẻ em biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 18/2009/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- [5] Phùng Thị Tường, Vũ Thị Ngọc Minh, Hoàng Thu Hương, Lý Thu Hiền (2009), *Bé tập làm đồ chơi từ vải vụn, giấy màu và các loại vỏ hộp*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Đàm Thị Xuyên (2008), *Làm đồ chơi từ vật liệu thông thường*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

WAYS TO MAKE TOYS FROM RECYCLED MATERIALS FOR PRESCHOOL CHILDREN

Dao Thi Ha, Doan Dung Si

ABSTRACT

In preschools, toys are the source of joy, close friends, and also means for children to discover the world around them. Toy hence has a great impact on developing and thinking of children. There are many types of toys with different subjects: decoration toys, learning toys, construction toys, figurative toys, etc. Those types of toys are normally designed by preschool teachers based on technical standards on safety, design progress, usage and preservation methods. Using recycled materials is becoming the most effective method in teaching, it is an economical method to teach children about environment protection. This article outlines some simple but feasible toy-making methods that are appropriate to the difficult economic conditions, the shortage of toys in some preschools nowadays.

Keywords: *Toys, recycled material, preschool children.*

TÌM KIẾM VIDEO BÀI GIẢNG DẠNG SLIDE DỰA VÀO NỘI DUNG

Lê Văn Hào¹, Lê Thị Hồng Hà², Trịnh Thị Anh Loan³

TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, giáo dục trực tuyến E-learning, thư viện bài giảng số hay cổng thông tin bài giảng đang trở nên ngày càng phổ biến hơn. Khi số lượng video bài giảng đang tăng trưởng nhanh chóng thì các phương pháp tìm kiếm hiệu quả những video bài giảng này vẫn đang còn là nhiệm vụ thử thách. Các văn bản hiển thị trong một video bài giảng có mối quan hệ chặt chẽ với nội dung bài giảng, cung cấp nguồn dữ liệu có giá trị cho việc lập chỉ mục và tìm kiếm nội dung. Trong bài báo này, chúng tôi trình bày một cách tiếp cận để tự động lấy được các văn bản nội dung, từ đó tiến hành lập chỉ mục và cho phép tìm kiếm bài giảng dựa trên các từ khóa liên quan đến nội dung của video.

Từ khóa: *Tìm kiếm video dựa trên nội dung, nhận dạng kí tự quang học, trùng lặp văn bản, sửa lỗi chính tả, lập chỉ mục tài liệu.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, số lượng video bài giảng, diễn thuyết... phục vụ học tập cho mọi lứa tuổi đang được tải lên và chia sẻ trên internet nhanh chóng. Đối với lượng video đang tăng trưởng từng ngày, cơ chế tổ chức lưu trữ phục vụ cho việc tra cứu, tìm kiếm là rất quan trọng và là nhiệm vụ thách thức.

Giáo dục trực tuyến hay E-Learning không còn là khái niệm mới lạ mà đang phát triển mạnh mẽ. Nhu cầu tìm kiếm của người dùng càng yêu cầu khắt khe hơn: cả về độ chính xác và thời gian tìm kiếm. Tuy nhiên, các chức năng tìm kiếm bài giảng của các hệ thống hiện tại chỉ cho phép người dùng tìm kiếm với tên bài giảng, tên học phần, hoặc tên giảng viên... Các chức năng này thường cho kết quả có độ chính xác không cao, và các kết quả trả về có nhiều nội dung không liên quan đến mục đích tìm kiếm thực sự của người dùng.

Những công cụ tìm kiếm phổ biến hiện nay là những hệ thống tìm kiếm dựa trên “từ khóa”, và tìm kiếm trên dữ liệu văn bản. Chính vì thế, nếu video không có bất kỳ siêu dữ liệu (metadata) ví dụ như ngày, tác giả, từ khóa, hoặc mô tả thì không thể tìm kiếm được bằng cách sử dụng các công cụ tìm kiếm hiện tại. Siêu dữ liệu thường được thêm bằng tay, quá trình này sẽ rất tốn thời gian. Hơn nữa, ngay cả khi một đoạn video có thể được tìm thấy bằng siêu dữ liệu của nó, công cụ tìm kiếm thông thường không có khả năng tìm kiếm một đoạn bài giảng, khung hình cụ thể trong video mà người dùng quan tâm.

Trong bài báo này, chúng tôi hướng tới tìm hiểu và nghiên cứu một hệ thống tìm kiếm các video bài giảng, thuyết trình, trình diễn bằng slide dưới dạng video. Cho phép tìm thấy những video dựa vào văn bản xuất hiện trong đó. Giải pháp này cũng cho phép người dùng tìm kiếm các video không cần có siêu dữ liệu.

^{1,2,3} Giảng viên khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Hồng Đức

2. NỘI DUNG

2.1. Phương pháp tiếp cận

2.1.1. Kiến trúc của hệ thống tìm kiếm video dựa trên nội dung

Một hệ thống tìm kiếm thông thường gồm hai thành phần, thành phần lập chỉ mục và thành phần xử lý truy vấn tìm kiếm (hình 1). Bài toán xây dựng một hệ thống tìm kiếm video được chia thành hai bài toán con được miêu tả như sau:

Bài toán 1: Xử lý video đầu vào, trích chọn văn bản đại diện cho video

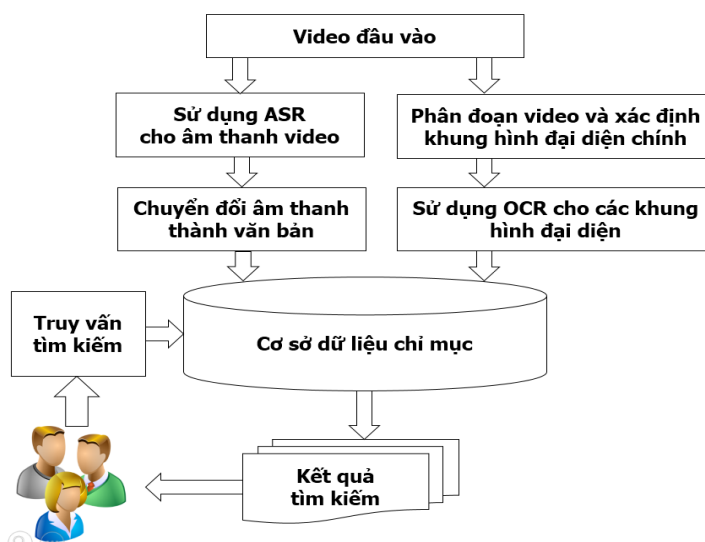
Đầu vào: Tập video đầu vào.

Đầu ra: Văn bản đại diện cho video đầu vào.

Bài toán 2: Lập chỉ mục và xử lý truy vấn tìm kiếm của người dùng

Đầu vào: Truy vấn từ người dùng.

Đầu ra: Danh sách xếp hạng các video có liên quan đến truy vấn.



Hình 1. Kiến trúc chung của hệ thống tìm kiếm video dựa trên nội dung

Trong bài toán thứ nhất, vì đặc tính của video là có cả hình ảnh và âm thanh nên sẽ có hai cách phương pháp tiếp cận chính để trích xuất văn bản từ video:

Phân tách video thành các khung hình để lựa chọn khung hình đại diện chính, sau đó sử dụng công nghệ nhận dạng ký tự quang học (Optical Character Recognition - OCR) để trích xuất văn bản từ các khung hình đó.

Sử dụng công nghệ nhận dạng giọng nói tự động (Automatic Speech Recognition - ASR), để chuyển đổi phần âm thanh của video thành văn bản.

2.1.2. Các nghiên cứu về tìm kiếm video bài giảng dựa trên nội dung

Liška et al và cộng sự đã đề xuất một hệ thống tự động cho việc lập chỉ mục video bài giảng [4]. Họ sử dụng toàn bộ khung hình phân đoạn từ video và sử dụng công cụ OCR để

trích xuất văn bản trên tập khung hình đó. Văn bản sau khi thu thập được tiến hành lập chỉ mục và cho phép tìm kiếm. Giải pháp này hiệu quả kém do không loại bỏ các tệp văn bản trùng lặp. Thời gian xử lý video mất nhiều thời gian do số lượng lớn các khung hình.

Hunter et al đề xuất một hệ thống lập chỉ mục cho các bài thuyết trình đa phương tiện [5]. Đầu tiên, mọi người sẽ phải chuẩn bị một tệp tin thuyết trình định dạng PDF và gửi lại sau khi đã trình bày. Sau đó tệp tin sẽ được đồng bộ với video thuyết trình. Công việc OCR sẽ được thực hiện trên tệp tin PDF mà không cần quan tâm đến video thuyết trình.

Yang et al sử dụng công cụ nhận dạng giọng nói tự động ASR để trích xuất nội dung video thành văn bản [5]. Các kết quả cho thấy độ chính xác của nhận dạng giọng nói thấp hơn rất nhiều so với công nghệ OCR.

Lienhart et al đề xuất một phương pháp phát hiện văn bản trong video và hình ảnh [4]. Họ xây dựng một mạng neuron nhiều tầng để huấn luyện phát hiện văn bản. Thuật toán của họ xử lý với tất cả các khung hình phân đoạn được và cách tiếp cận này kém hiệu quả về thời gian xử lý.

2.1.3. Phương pháp của nhóm tác giả

Dựa vào các phương pháp tiếp cận nghiên cứu đã nêu trong phần trước, công cụ tìm kiếm video mà chúng tôi mong muốn xây dựng được hình thành từ cách giải quyết các bài toán cụ thể sau (hình 2):

Phân đoạn video.

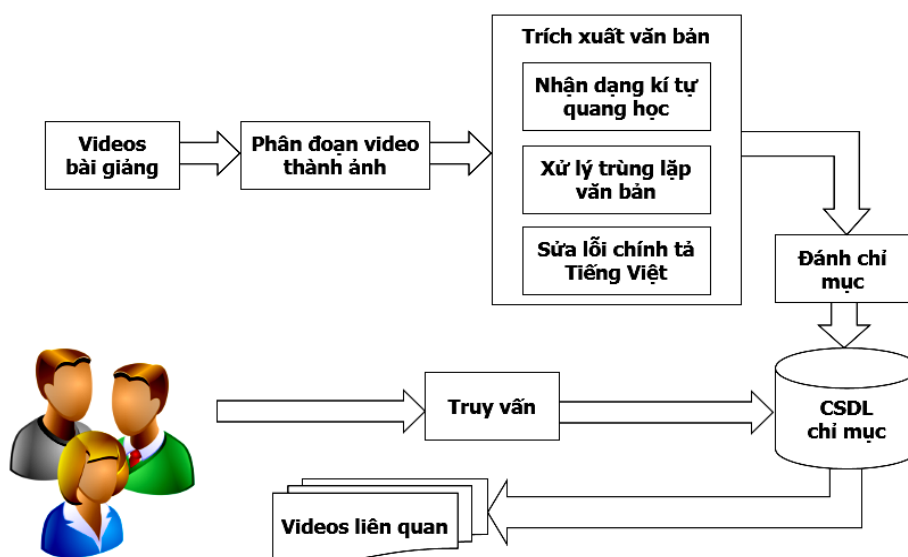
Trích xuất văn bản đại diện:

Nhận dạng kí tự quang học.

Xử lý trùng lặp văn bản.

Sửa lỗi chính tả văn bản.

Đánh chỉ mục và tìm kiếm.



Hình 2. Kiến trúc hệ thống tìm kiếm video bài giảng của nhóm tác giả

2.2. Kỹ thuật tiến hành

2.2.1. Phân đoạn video

Về mặt bản chất thì video mà chúng ta thấy trên tivi, máy tính, điện thoại... được cấu thành từ những ảnh tĩnh. Những ảnh này sau đó được sắp xếp liên tiếp nhau và cùng trình diễn trong một đơn vị thời gian đủ nhỏ để làm cho mắt của chúng ta cảm nhận rằng các đối tượng này đang chuyển động. Thông thường thì các video được quay ở khoảng 24-30 hình mỗi giây.

Mỗi hình này được gọi là một frame. Số frame trên một giây được đo bằng một số nguyên được kí hiệu FPS. Một video đơn giản được hiểu là tổng số khung hình được lưu trữ cùng nhau và trình chiếu theo một thứ tự, do vậy một video thông thường có khoảng vài trăm đến vài trăm nghìn khung hình.

Có nhiều công cụ hỗ trợ phân đoạn video, nhưng chúng tôi sử dụng FFMpeg⁴ bởi: FFMpeg là một thư viện nguồn mở có rất nhiều tiện ích cho việc xử lý video. Tính năng nổi bật nhất là khả năng encode/decode nhiều video định dạng khác nhau, giúp chuyển đổi qua lại nhiều định dạng video. Ngoài ra, cũng có thể dùng FFMpeg để chia cắt một đoạn video, chụp lại các frame và xuất ra dạng hình ảnh.

2.2.2. Trích xuất văn bản đại diện

Trong bài toán trích xuất văn bản, để nâng cao hiệu quả và thay vì phải xử lý toàn bộ khung hình khi phân đoạn video. Chúng tôi chia bài toán thành ba vấn đề nhỏ hơn đó là:

- Bài toán nhận dạng kí tự quang học để trích xuất văn bản từ video;
- Bài toán xử lý trùng lặp văn bản để thu được tệp văn bản đại diện cho video;
- Bài toán sửa lỗi chính tả tiếng Việt.

2.2.2.1. Nhận dạng kí tự quang học

Nhận dạng kí tự quang học là công việc đầu tiên trong quá trình trích xuất văn bản. Nhóm tác giả sử dụng Tesseract-OCR⁵ để thực hiện trích xuất nội dung văn bản từ ảnh. Tesseract là một công cụ nhận diện kí tự quang học mã nguồn mở và hiện nay được phát triển bởi Google [3]. Tesseract-OCR có các ưu điểm: công cụ miễn phí, hỗ trợ nhiều hệ điều hành (Windows, Linux, Mac...), hỗ trợ trích xuất đồng loạt nhiều tệp tin cùng lúc, hỗ trợ trên 100 ngôn ngữ khác nhau, một trong những công cụ mã nguồn mở OCR chính xác nhất hiện nay [3]. Bảng 1 cho kết quả sau khi chúng tôi thực hiện nhận dạng kí tự quang học.

Bảng 1. Kết quả thực hiện Tesseract-OCR đối với tập khung hình thu được

STT	Số lượng	Kích thước tập kết quả (KB)	Độ chính xác (%)	Độ hội tởng (%)	Độ F1 (%)
1	382	136,3	71,2	81,8	76,13
2	398	100,5	71,1	82,0	76,16
3	187	33,7	76,4	67,0	71,39

⁴ Phần mềm mã nguồn mở cung cấp thư viện xử lý video: <http://ffmpeg.org/>

⁵ Phần mềm nguồn mở nhận dạng ký tự quang học: <http://github.com/tesseract-ocr>

4	1707	529,1	66,4	76,2	70,96
5	155	45,0	77,5	66,3	71,46
Trung bình			72,52	74,66	73,22

2.2.2.2. Xử lý trùng lặp văn bản

Với đặc thù là các văn bản được trích xuất từ các khung hình video bài giảng liên tiếp theo thời gian. Chính vì thế tập hợp văn bản thu được tồn tại cả hai loại đó là trùng lặp và gần trùng lặp văn bản.

Theo các nghiên cứu ở tài liệu tham khảo [1] [2] có nhiều phương pháp tiếp cận để giải quyết vấn đề tìm các văn bản trùng lặp như:

Bag of words: So sánh các từ và tần số của những từ đó trên một văn bản với những văn bản khác.

Shingling: Cải thiện hơn so với Bag of words, phương pháp này sẽ tiếp cận bằng cách so sánh các cụm từ “shingle”. Phương pháp này quan tâm đến ngữ cảnh của các từ (thứ tự của các từ).

Hashing: Các cụm từ sẽ được băm thành các con số và sau đó so sánh để tìm ra sự trùng lặp.

MinHash, SimHash: Cải tiến của phương pháp Hashing, giúp sắp xếp hợp lý quá trình lưu trữ nội dung được băm.

Dựa trên các kết quả nghiên cứu đã nêu thì phương pháp shingling cho kết quả độ chính xác cao và phù hợp với kiểu dữ liệu đầu vào như tập dữ liệu của tác giả. Chính vì thế, nhóm tác giả lựa chọn và cài đặt thuật toán phát hiện trùng lặp văn bản dựa vào kỹ thuật Shingling của Broder và cộng sự. Kết quả thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Kết quả thực hiện NDD với kỹ thuật Shingling

STT	Tập đầu vào	Số văn bản đại diện thu được	Số slide thực tế	Số văn bản đại diện đúng	Độ chính xác (%)	Độ hồi tưởng (%)	Độ F1 (%)
1	382	14	22	12	85,7	54,5	66,63
2	398	24	25	22	91,6	88,0	89,76
3	187	42	35	34	80,1	97,1	87,78
4	1707	14	18	13	92,8	72,2	81,21
5	155	21	24	18	85,7	75,0	79,99
Trung bình					87,18	77,36	81,07

2.2.2.3. Sửa lỗi chính tả văn bản

Đối với vấn đề phát hiện lỗi chính tả thì thường có hai phương pháp tiếp cận chính đó là kỹ thuật tra cứu dùng từ điển và kỹ thuật phân tích N-gram [7], [9]. Nhóm tác giả lựa chọn cả hai phương pháp để nhằm cải thiện chất lượng sửa lỗi chính tả. Các bước phát hiện và sửa lỗi chính tả văn bản được thực hiện như sau:

Bước 1: Đây là bước đầu tiên trong quá trình phát hiện và sửa lỗi chính tả. Dữ liệu đầu vào sau khi được nạp cần được loại bỏ một số kí tự dư thừa (không có ý nghĩa trong từ) như các khoảng trắng, các dấu chấm, hoặc các kí tự đặc biệt...

Bước 2: Phát hiện lỗi chính tả: Có nhiều cách, tiêu chí để phân loại nhưng trong khuôn khổ chương trình phát hiện lỗi chính tả ở mức từ thì lỗi chính tả được chia làm hai loại là lỗi non-word và lỗi real-word:

Lỗi non-word là lỗi tạo ra từ sai, từ đó hoàn toàn không có trong từ điển từ vựng hoặc một số từ điển tên riêng, từ điển viết tắt, từ điển vay mượn... Đây là loại lỗi dễ phát hiện.

Lỗi real-word là lỗi chính tả mà từ đó có trong từ điển nhưng sử dụng từ sai. Nếu không dựa vào ngữ cảnh xung quanh thì không thể xác định được đó có phải là lỗi chính tả hay không. Đây là loại lỗi khó phát hiện và xử lý.

Bước 3: Dựa vào từng loại lỗi để lựa chọn từ thay thế cho từ bị lỗi.

Bảng 3. Kết quả quá trình phát hiện lỗi chính tả dùng Aspell kết hợp Bi-gram

STT	Tập đầu vào (số từ)	Tổng số lỗi thực tế	Số lỗi phát hiện được	Số lỗi phát hiện đúng	Độ chính xác (%)	Độ hồi tưởng (%)	Độ F1 (%)
1	946	77	71	66	92,9	85,7	89,15
2	1365	121	112	96	85,7	79,3	82,38
3	2482	43	33	18	54,54	41,8	47,33
4	786	96	91	85	93,4	88,54	90,91
5	1520	31	26	22	84,6	70,9	77,15
Trung bình					82,23	73,25	77,38

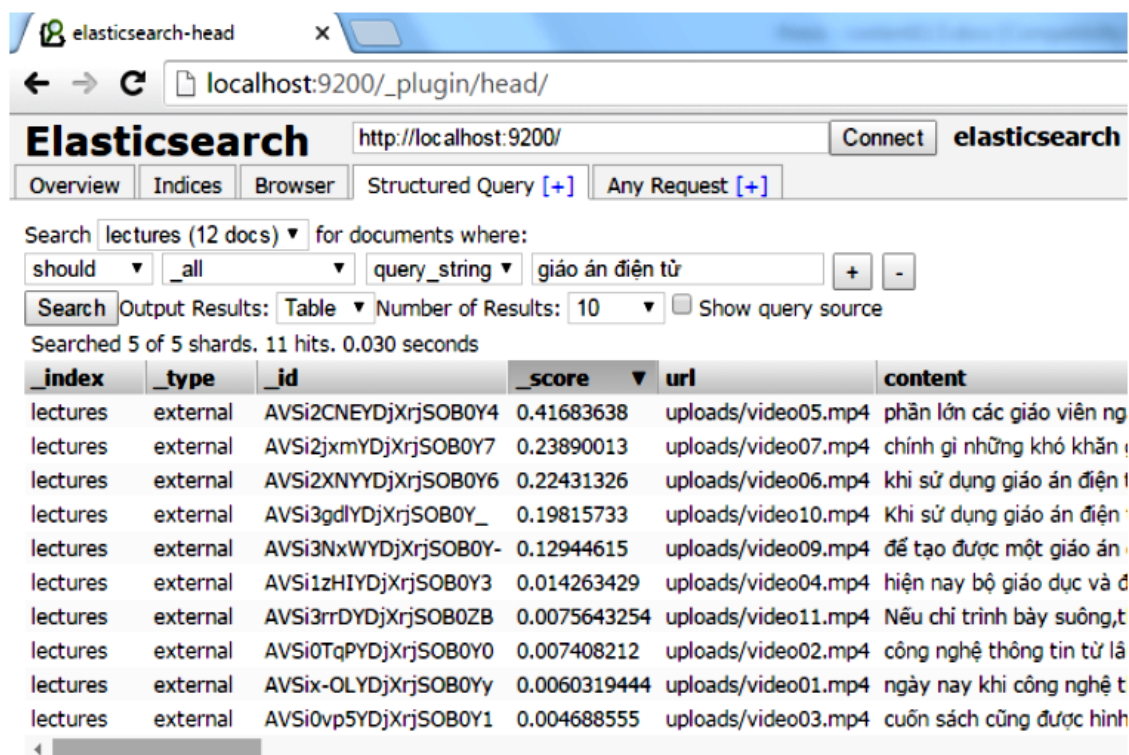
Bảng 4. Kết quả quá trình sửa lỗi chính tả

STT	Số lỗi phát hiện	Số lỗi sửa	Số lỗi sửa đúng	Độ chính xác (%)	Độ hồi tưởng (%)	Độ F1 (%)
1	71	69	49	71,0	69,0	69,99
2	112	102	62	65,8	55,4	57,97
3	33	16	9	56,3	27,3	36,77
4	91	84	43	51,2	50,5	49,17
5	26	28	18	64,3	69,2	66,66
Trung bình				60,72	53,64	56,11

2.2.3. Lập chỉ mục và tìm kiếm

Các phương pháp lập chỉ mục đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng một hệ thống tìm kiếm thông tin hiệu quả. Lập chỉ mục tài liệu là công việc sắp xếp tài liệu nhằm đáp ứng nhanh chóng yêu cầu tìm kiếm thông tin của người sử dụng.

Elasticsearch⁶ là một máy chủ tìm kiếm dựa trên Lucene. Hiện nay, đánh giá của DB-Engines thì Elasticsearch là công cụ tìm kiếm doanh nghiệp phổ biến nhất, tiếp theo là Apache Solr, cũng dựa trên Lucene. Elasticsearch nhiều ưu điểm như: không cần cấu hình phức tạp, hỗ trợ thêm, xoá, sửa chỉ mục thông qua các phương thức HTTP như GET, POST, DELETE và PUT, hỗ trợ tham số dưới dạng JSON thay vì chỉ là GET params, cài đặt và sử dụng dễ dàng mà không cần cài thêm bất cứ ứng dụng nào khác, tìm kiếm gần như thời gian thực (real-time). Hình 3, là minh họa cho một truy vấn tìm kiếm video có chứa từ “giáo án điện tử”.



The screenshot shows the Elasticsearch web interface. The search bar contains the query 'lectures (12 docs) for documents where: should _all query_string giáo án điện tử'. The search results are displayed in a table with the following columns: index, type, id, score, url, and content.

index	type	id	score	url	content
lectures	external	AVSi2CNEYDjXrjSOB0Y4	0.41683638	uploads/video05.mp4	phần lớn các giáo viên ng
lectures	external	AVSi2jxmYDjXrjSOB0Y7	0.23890013	uploads/video07.mp4	chính gì những khó khăn
lectures	external	AVSi2XNYYDjXrjSOB0Y6	0.22431326	uploads/video06.mp4	khi sử dụng giáo án điện t
lectures	external	AVSi3gdlyDjXrjSOB0Y_	0.19815733	uploads/video10.mp4	Khi sử dụng giáo án điện
lectures	external	AVSi3NxWYDjXrjSOB0Y-	0.12944615	uploads/video09.mp4	để tạo được một giáo án
lectures	external	AVSi1zHIYDjXrjSOB0Y3	0.014263429	uploads/video04.mp4	hiện nay bộ giáo dục và đ
lectures	external	AVSi3rrDYDjXrjSOB0ZB	0.0075643254	uploads/video11.mp4	Nếu chỉ trình bày suông,t
lectures	external	AVSi0TqPYDjXrjSOB0Y0	0.007408212	uploads/video02.mp4	công nghệ thông tin từ lã
lectures	external	AVSi6x-OLYDjXrjSOB0Yy	0.0060319444	uploads/video01.mp4	ngày nay khi công nghệ t
lectures	external	AVSi0vp5YDjXrjSOB0Y1	0.004688555	uploads/video03.mp4	cuốn sách cũng được hình

Hình 3. Ví dụ minh họa tìm kiếm với Elasticsearch

3. KẾT LUẬN

Trong bài báo này, chúng tôi hướng tới mục đích tìm hiểu và nghiên cứu phương pháp để xây dựng một hệ thống tra cứu video dựa trên nội dung. Video nhóm tác giả quan tâm là các video bài giảng dạng silde. Nội dung của truy vấn sẽ là các từ hoặc các cụm từ có liên quan đến nội dung văn bản bên trong các video bài giảng.

Bài báo đã trình bày về các khái niệm liên quan đến công cụ tìm kiếm. Các phương pháp tiếp cận, kỹ thuật áp dụng để giải quyết các bài toán về xây dựng công cụ tìm kiếm video. Ứng dụng các phương pháp, kỹ thuật để thực nghiệm xây dựng một hệ thống tìm kiếm video bài giảng dựa trên nội dung.

⁶ Công cụ tìm kiếm dựa trên phần mềm Lucene: <http://www.elastic.co/>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Andrei Z. Broder (2000), *Identifying and Filtering Near-Duplicate Documents*, 11th Annual Symposium on Combinatorial Pattern Matching, Springer-Verlag London, pp.1-10.
- [2] Bassma S. Alsulami (2012), *Near Duplicate Document Detection Survey*, International Journal of Computer Science & Communication Networks, pp. 147-151.
- [3] Chirag Patel, Atul Patel, Dharmendra Patel (2012), *Optical Character Recognition by Open Source OCR Tool Tesseract: A Case Study*, International Journal of Computer Applications, Vol. 55, No.10, pp. 50-56.
- [4] Haojin Yang, Maria Siebert, Patrick Lühne, Harald Sack, Christoph Meinel (2011), *Automatic Lecture Video Indexing Using Video OCR Technology*, 2011 IEEE International Symposium on, pp. 111-116.
- [5] Haojin Yang (2011), *Lecture Video Indexing and Analysis Using Video OCR Technology*, 7th International Conference IEEE Dijon France, pp. 54-61.
- [6] Nguyen Thi Xuan Huong, Tran Thai Dang, Nguyen The Tung, Le Anh Cuong (2015), *Using Large N-gram for Vietnamese Spell Checking*, Advances in Intelligent Systems and Computing, pp. 617-627.
- [7] Pratip Samanta, Bidyut B. Chaudhuri (2013), *A simple real-word error detection and correction using local word bigram and trigram*, Association for Computational Linguistics and Chinese Language Processing, pp. 211-220.
- [8] Radu Gheorghe, Matthew Lee Hinman, Roy Russo (2016), *Elasticsearch in Action*, Manning Publications Co, Shelter Island.
- [9] Youssef Bassil, Mohammad Alwani (2012), *Context-sensitive Spelling Correction Using Google Web 1T 5-Gram Information*, Computer and Information Science, Vol. 5, No. 3, pp. 37-48.

SEARCHING FOR LECTURE SLIDE VIDEO BASED ON CONTENT

Le Van Hao, Le Thi Hong Ha, Trinh Thi Anh Loan

ABSTRACT

For the last years, digital lecture libraries and lecture video portals have become more and more popular. However, finding efficient methods for indexing multimedia still remains a challenging task. Since the text displays in a lecture video is closely related to the lecture content, it provides a valuable source for indexing and retrieving lecture contents. In this paper, we present an approach for automatic lecture video indexing based on video

OCR technology. To achieve this aim, we have studied the solutions how to search video based on the content, including frame separation from a video; text recognition from images; spelling correction; text indexing and searching. Additionally, we also prove the accuracy of the modules by evaluation.

Keywords: *Content based video retrieval, optical character recognition, near-duplicate detection, spelling correction, indexing document.*

BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN TOÁN CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM

Nguyễn Hữu Hậu¹, Trần Trung Tinh²

TÓM TẮT

Đánh giá kết quả học tập là bộ phận không thể tách rời của quá trình dạy học và có thể nói, đánh giá là động lực để thúc đẩy sự đổi mới quá trình dạy và học và là yếu tố quan trọng góp phần thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện giáo dục theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.

Bài báo này được chia thành ba phần chính như sau: (1) Xem xét các tài liệu liên quan đến phương pháp đánh giá, đánh giá định tính, đánh giá bằng nhận xét; đánh giá dựa trên kết quả thực hiện; đánh giá theo chuẩn; đánh giá theo sản phẩm đầu ra đánh giá theo năng lực; (2) Phân tích thực trạng việc thực hiện đánh giá kết quả học tập môn Toán đối với học sinh của sinh viên trường Sư phạm trong quá trình thực tập ở trường Trung học phổ thông (THPT); (3) Đề xuất một số biện pháp sư phạm nhằm bồi dưỡng năng lực đánh giá kết quả dạy học môn Toán ở trường THPT theo hướng tiếp cận đánh giá năng lực cho sinh viên Sư phạm.

Từ khóa: *Năng lực đánh giá, dạy học Toán, phương pháp đánh giá, bồi dưỡng năng lực đánh giá.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đánh giá kết quả học tập là một bộ phận không thể tách rời của quá trình dạy học, là công cụ hành nghề quan trọng của giáo viên và là một bộ phận quan trọng của quản lý giáo dục, quản lý chất lượng dạy và học.

Khoa học về đánh giá trên thế giới đã có bước phát triển mạnh mẽ cả về lý luận và thực tiễn, trong khi ở Việt Nam, ngành giáo dục chỉ mới quan tâm trong những năm gần đây. Đổi mới đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh là một yêu cầu cấp thiết để nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015.

Một số nghiên cứu về đánh giá trong và ngoài nước. Có thể kể đến như:

Black, Paul, Wiliam, Dylan (1998), nghiên cứu chỉ ra rằng nếu nhận được thông tin phản hồi từ sinh viên một cách thường xuyên trong quá trình dạy sẽ làm cho khả năng nhận thức của sinh viên về vai trò của họ trong việc tự đánh giá và nhìn nhận kết quả học tập của mình ở trong cả quá trình, cũng như chiến lược dạy học được các giáo viên sử dụng và các chiến lược định hình kết hợp trong phương pháp tiếp cận.

¹ Phó trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trường Đại học Hồng Đức

² Giảng viên Học viện Quản lý Giáo dục, Hà Nội

Thomas R. Guskey (2003), đưa ra cách giúp giáo viên đánh giá hiệu quả kết quả học tập của người học, cung cấp và hướng dẫn khắc phục hạn chế trong các phương thức đánh giá truyền thống nhằm giúp giáo viên và sinh viên nâng cao chất lượng dạy và học.

Lorna Earl, Steven Katz et all (2006), nghiên cứu này làm rõ các vấn đề: Tại sao chúng ta cần thay đổi phương thức đánh giá lớp học? Thế nào là đánh giá vì sự tiến bộ của người học? Làm thế nào để đánh giá như là quá trình học tập? Làm sao để đánh giá về kết quả học tập?

Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014) cho rằng phương thức đánh giá trong giáo dục đang có những thay đổi phù hợp hơn với giáo dục hiện đại đó là đi vào đánh giá năng lực người học.

Đối với các công trình trong nước có thể kể đến tác giả Phạm Xuân Chung (2012), đã bàn sâu hơn về việc đưa ra các biện pháp nhằm chuẩn bị cho sinh viên ngành sư phạm Toán học ở trường đại học tiến hành hoạt động đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh trung học phổ thông. Trong đó, đề xuất 4 hình thức: Chuẩn bị theo hệ thống bài học về khoa học đánh giá trên cơ sở là một học phần riêng hoặc một bộ phận của một học phần; Chuẩn bị thông qua dạy học các học phần nghiệp vụ sư phạm; Chuẩn bị thông qua các hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học ở trường đại học; Chuẩn bị trong quá trình thực tập sư phạm.

Do đó để làm rõ hơn về cách tiếp cận đánh giá trong giáo dục hiện đại thì vẫn cần những nghiên cứu sâu hơn.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số phương thức đánh giá trong giáo dục

2.1.1. Đánh giá bằng nhận xét

Được tiến hành thông qua các nhận xét từ giáo viên, người học trong nhóm, có thể thông qua các nhận xét mang tính tổng hợp của cá nhân người học ở mỗi khía cạnh như khả năng vận dụng tri thức, tính sáng tạo, giải quyết vấn đề thực tiễn, kỹ năng sống... từ đó giáo viên hiểu được cá nhân người học để có phương pháp dạy học, nội dung chương trình và phương tiện phù hợp hơn nhằm nâng cao kết quả học tập của họ.

2.1.2. Đánh giá dựa trên kết quả thực hiện

Phương thức này đòi hỏi giáo viên xác định rõ yêu cầu, mục tiêu, nội dung, phạm vi kết quả mong đợi... của các tiêu chí đánh giá. Chẳng hạn, giáo viên yêu cầu sinh viên viết thu hoạch đánh giá về hiệu quả của tham gia nhóm nghiên cứu về một chuyên đề cụ thể của nội dung Toán học.

2.1.3. Đánh giá theo tiêu chí

Đánh giá theo tiêu chí, trước tiên giáo viên xây dựng được các chuẩn về nội dung/tiêu chí/chỉ báo đòi hỏi người học phải đạt được sau quá trình dạy và học. Như vậy đánh giá

theo tiêu chí chính là đánh giá mức độ đạt được của người học so với các tiêu chuẩn chất lượng đưa ra của hoạt động dạy và học. Phương thức này, đề cao hoạt động thiết kế và định chuẩn bao gồm: mục tiêu nội dung; chuẩn ra chương trình; thiết kế bài dạy; thiết kế ngân hàng câu hỏi, bài tập.

2.1.4. Đánh giá theo sản phẩm đầu ra

Nó được sử dụng vào cuối giai đoạn dạy học để xác nhận những gì học sinh biết và có thể làm, để chứng minh cho dù họ đã đạt được những kết quả chương trình giảng dạy. Dữ liệu đánh giá sản phẩm đầu ra cung cấp cho giáo viên thông tin về hiệu quả chiến lược giảng dạy để từ đó cải thiện giảng dạy trong tương lai. Ngoài ra, đánh giá sản phẩm đầu ra cung cấp các báo cáo chính xác về trình độ của học sinh, vì vậy mà những người nhận thông tin có thể sử dụng để đưa ra quyết định hợp lý và bảo vệ được.

2.1.5. Đánh giá theo năng lực

Đánh giá người học theo cách tiếp cận năng lực là đánh giá theo chuẩn về sản phẩm đầu ra nhưng sản phẩm đó không chỉ là kiến thức, kỹ năng, mà là năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ học tập tới một chuẩn nào đó.

Đánh giá năng lực không chỉ là việc đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ hoặc hành động học tập. Nó bao hàm việc đo lường khả năng tiềm ẩn của học sinh và đo lường việc sử dụng những kiến thức, kỹ năng, và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ học tập tới một chuẩn mực nào đó.

Đánh giá năng lực dựa trên việc miêu tả các sản phẩm đầu ra cụ thể, rõ ràng tới mức giáo viên, người học và các bên liên quan đều có thể hình dung tương đối khách quan và chính xác về thành quả của học sinh sau quá trình học tập. Đánh giá năng lực cũng cho phép nhìn ra tiến bộ của học sinh dựa trên mức độ thực hiện các sản phẩm (Wolf, 2001).

Tại Việt Nam, tác giả Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015) đã tìm hiểu và đưa ra quan điểm *“Năng lực có thể được hiểu là khả năng, là hiệu suất công việc được chứng minh qua kết quả hoạt động thực tế và nó liên quan đến kiến thức, kỹ năng, thái độ và đặc điểm cá nhân”*. Trong cuốn Lý luận dạy học hiện đại của Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2014) khẳng định: *“Năng lực không thể có được thông qua dạy, mà phải thông qua học và luyện tập”*. Tác giả cũng chỉ ra năng lực bao gồm kiến thức, kỹ năng cũng như quan điểm và thái độ mà một cá nhân có để hành động thành công trong các tình huống mới.

Qua tìm hiểu một số quan điểm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, theo chúng tôi *“Năng lực của người giáo viên là một thuộc tính tâm lý phức hợp, là điểm hội tụ của nhiều yếu tố như kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, thái độ, kinh nghiệm, sự sẵn sàng hành động giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong những tình huống linh hoạt”*.

Tham khảo qua nhiều công trình trong và ngoài nước, chúng tôi nhận thấy, để thúc đẩy sự phát triển năng lực đánh giá kết quả học tập cho người giáo viên, cần phải bắt đầu từ việc nghiên cứu xây dựng khung năng lực cốt lõi của giáo viên về lĩnh vực đánh giá kết quả học tập.

2.2. Thực trạng công tác đánh giá kết quả học tập môn Toán đối với học sinh của sinh viên trường Sư phạm trong quá trình thực tập ở trường Trung học phổ thông

2.2.1. Nhận thức của giáo sinh về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Phần lớn giáo sinh không nhận thức đầy đủ về đánh giá, mới chỉ coi đánh giá là một trong những yêu cầu bắt buộc của nội dung chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng Sở Giáo và Đào tạo địa phương ấn định. Với mục đích nhằm phân loại học sinh, xét cho các giai đoạn học tập hay làm việc tiếp theo trong tương lai của học sinh.

Giáo sinh chưa nhận thức đầy đủ về triết lý của đánh giá. Do vậy, bản thân giáo sinh chưa trả lời thấu đáo được câu hỏi: Đánh giá kết quả học tập nhằm mục đích gì? Vì sao cần phải đánh giá?

2.2.2. Phương thức thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh

Thực tiễn sư phạm cho thấy hầu hết các giáo sinh thực tập sư phạm tại nhiều trường phổ thông đều thực hiện cách thức đánh giá gần như nhau. Đánh giá không được thực hiện liên tục trong quá trình dạy học và không coi đánh giá là một quá trình học tập.

Đánh giá hiện tại mà các giáo sinh thực hiện hầu như là đánh giá một chiều, giáo sinh đánh giá mức độ ghi nhớ, vận dụng... thiếu tính phản hồi đa chiều từ người học, phụ huynh học sinh.

Việc áp dụng công nghệ mới trong đánh giá và đo lường chất lượng còn hạn chế bởi nhiều lí do, chẳng hạn như, trang thiết bị thiếu, khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong đánh giá của giáo sinh còn hạn chế, chưa thiết kế được các bộ công cụ và tiêu chuẩn, không đầu tư thời gian thiết kế xây dựng bộ công cụ đánh giá.

2.2.3. Năng lực đánh giá của giáo sinh

Ngay từ ban đầu, nhận thức của giáo sinh về đánh giá chưa đầy đủ, coi đánh giá là một hoạt động tách rời với quá trình học tập của học sinh. Mục tiêu đánh giá chỉ đơn giản là kiểm tra lấy điểm và báo cáo cấp quản lý.

Việc chuẩn bị cho đánh giá không được giáo sinh chuẩn bị kỹ về nhiều mặt

Kế hoạch đánh giá chưa cụ thể và chi tiết.

Phương thức thực hiện đánh giá không đa dạng, không phát huy được các hình thức đánh giá truyền thống và phi truyền thống.

Công cụ và kỹ thuật sử dụng cho đánh giá chưa được quan tâm đầu tư thích đáng về thời gian và công sức cho việc thiết kế.

Đánh giá vẫn mang tính một chiều, chủ yếu mới chỉ là phản hồi kết quả học tập của học sinh về mặt ghi nhớ, vận dụng giải bài tập toán. Giáo sinh tiếp nhận có thể chữa bài tập hoặc đôi khi là không. Còn các năng lực khác của học sinh thì không được đánh giá.

2.2.4. Yếu tố khác

Trong quá trình thực tập sư phạm giáo sinh thực hiện việc giảng dạy trong thời gian thực tập ngắn và không thực hiện ở đầu năm học nên khi tiếp nhận lớp dạy sẽ gặp khó khăn

về đánh giá học sinh trong lớp học. Tức là không thể thực hiện đánh giá chuẩn đoán ban đầu khi bắt đầu chương trình của năm học mới. Việc thiếu những thông tin cần thiết về năng lực của mỗi học sinh trong lớp học sẽ là một khó khăn lớn trong quá trình dạy và học sau này của giáo sinh.

Thực tế thấy rằng ở nhiều trường phổ thông hiện nay mới chỉ chú trọng đến kết quả học sinh ở mức độ ghi nhớ, vận dụng kiến thức trong Sách giáo khoa. Việc thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh chỉ là hình thức, kết quả đánh giá phục vụ xếp hạng và báo cáo. Chưa thực hiện được đánh giá kết quả học tập theo hướng tiếp cận năng lực.

Hiện nay thời gian thực tập của giáo sinh tại trường phổ thông là ngắn (8 tuần) trong đó phải dành một phần thời gian cho công tác khác (hoạt động giáo dục). Chất lượng học tập của học sinh được nâng lên hay không phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó yếu tố làm quen và tạo môi trường học tập thân quen, thân thiện là rất cần thiết. Vì vậy, các giáo sinh rất lo lắng và chỉ chú ý đến xây dựng mối quan hệ thầy trò trong lớp và ngoài lớp học hơn là việc đánh giá học sinh. Hơn nữa tùy thuộc vào năng lực giáo sinh cũng như đặc điểm lớp dạy học mà hiệu quả là khác nhau và ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập của học sinh.

2.3. Năng lực đánh giá kết quả học tập học sinh của sinh viên ngành Sư phạm Toán

2.3.1. Lập kế hoạch đánh giá

Lập kế hoạch khoa học là cần thiết để đảm bảo rằng có các kết nối hợp lý giữa các mục đích, phương pháp, và sử dụng các kết quả. Đánh giá kết quả học tập được quy hoạch liên quan đến mục đích và trong sự liên kết với chương trình giảng dạy môn Toán và hướng dẫn thực hiện.

Chương trình giảng dạy, đánh giá, hướng dẫn học được kết nối với nhau và tương tác trong một (nhưng không phải luôn luôn) có tính chu kỳ và đôi khi lặp đi lặp lại quá trình. Chúng phối hợp thống nhất và nhất quán cho việc học tập có hiệu quả và có ý nghĩa.

Quá trình lập kế hoạch sẽ cung cấp một kế hoạch chi tiết về các mục đích, làm cho các kết nối rõ ràng, tạo ra một cơ cấu tổ chức chặt chẽ. Đối với kế hoạch chi tiết này, giáo sinh có thể liên tục đặt câu hỏi về chiến lược của họ: Có phải chiến lược của tôi vẫn còn thích hợp và phù hợp? Tôi có cần phải thực hiện điều chỉnh hoặc thậm chí chuyển hướng... Nếu không có một kế hoạch thích hợp rất khó để đảm bảo sự cân bằng và sự gắn kết. Giáo sinh khi lập kế hoạch phải trả lời được các câu hỏi: Tại sao phải đánh giá? Đánh giá cái gì? Sử dụng phương pháp nào để đánh giá? Độ tin cậy của kết quả đánh giá? Sử dụng thông tin kết quả đánh giá như thế nào?

2.3.2. Lựa chọn và phát triển công cụ đánh giá

Sự đa dạng của các phương pháp có sẵn để thu thập, diễn giải, báo cáo thông tin về những gì học sinh biết và có thể làm là nhiều, và có nhiều nguồn tài nguyên tuyệt vời cho giáo sinh khai thác.

Mặc dù một số phương pháp có thể được kết hợp với đánh giá trong quá trình giảng dạy và học tập, nhiều khi vận dụng đánh giá vào cuối của một đơn vị kiến thức, có rất nhiều

công cụ có thể được sử dụng cho tất cả ba mục đích: đánh giá việc học tập, đánh giá như học tập, đánh giá học tập. Điều quan trọng là giáo sinh cần làm rõ mục đích của việc đánh giá và sau đó lựa chọn phương pháp phù hợp nhất phục vụ các mục đích trong bối cảnh cụ thể. Chẳng hạn trong bảng 1: Là một số công cụ đánh giá tuy chưa thật đầy đủ nhưng giáo sinh có thể tham khảo và sử dụng cho mục đích đánh giá.

2.3.3. Triển khai tổ chức thực hiện đánh giá

Để có được kết quả đánh giá môn Toán cần thực hiện triển khai đánh giá kết quả học tập. Có nhiều cách thực hiện và phối hợp với nhau nhằm đạt kết quả đánh giá chính xác nhất. Chẳng hạn: thực hiện đánh giá đầu vào, đánh giá chuẩn đoán, thực hiện đánh giá theo suốt quá trình học tập của học sinh, đánh giá tổng kết... mỗi phương thức đánh giá giúp giáo sinh đạt một vài mục tiêu. Việc biết cách phối kết hợp đánh giá và thực hiện nó sẽ góp phần làm tăng hiệu quả dạy và học môn Toán nói riêng và hoạt động giáo dục nói chung.

2.3.4. Thông báo phản hồi kết quả đánh giá

Thông tin kết quả đánh giá giúp giáo sinh điều chỉnh kịp thời phương pháp giảng dạy cho phù hợp, giúp học sinh điều chỉnh cách học, thúc đẩy học sinh cố gắng, tích cực học tập, đòi hỏi đánh giá hướng vào mục đích là giúp cho học sinh tiến bộ hơn. Ngoài ra thông tin kết quả đánh giá còn giúp nhà quản lý giáo dục, điều chỉnh chương trình giáo dục, định hướng các mục tiêu giáo dục trong tương lai. Đối với các đối tượng thụ hưởng khác cũng cần có thông tin này để hoạch định chính sách, chẳng hạn: nhà tài trợ học bổng, các cơ sở giáo dục tiếp nhận sinh viên sau khi ra trường...

Một số biểu hiện của năng lực này

Nhìn nhận năng lực Toán học của mỗi học sinh đang ở đâu.

Điều chỉnh hoạt động học tập của học sinh. Giáo viên sử dụng thông tin kết quả đánh giá giúp học sinh nhìn nhận bản thân mình đã đạt được đến đâu so với mục tiêu và còn hạn chế gì. Lý do cho thành tích tốt và lý do cho những hạn chế. Từ đó, hướng học sinh tìm cách điều chỉnh bản thân trong cách học và các hoạt động liên quan.

Ngoài ra, việc học sinh tự đánh giá cũng có vai trò to lớn cho sự tiến bộ của học sinh. Từ kết quả tự đánh giá, học sinh có xu hướng tìm hiểu nguyên nhân của các sai lầm gặp phải, dẫn đến tự điều chỉnh để tránh các sai lầm tương tự ở nhà và lớp học.

Giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy. Từ thông tin kết quả đánh giá, giáo viên nhận biết được phương pháp dạy học mình sử dụng có hiệu quả đến đâu. Phương pháp nào cần phát huy, phương pháp nào còn hạn chế. Giáo viên tìm ra nguyên nhân mấu chốt bất hợp lý là ở đâu. Từ đó, điều chỉnh phương pháp dạy học của mình để hướng tới giúp học sinh tiến bộ.

Điều chỉnh nội dung chương trình. Nội dung Toán học cần phải phù hợp với năng lực chung của lớp học nhưng giáo viên có thể điều chỉnh mang tính cá biệt phù hợp với năng lực của từng nhóm học sinh để dần đạt được sự tiến bộ của các học sinh trong lớp học nói riêng và giáo dục trong Nhà trường nói chung.

Phụ huynh học sinh và đối tượng thụ hưởng khác

Giáo viên thông báo kết quả đánh giá của mỗi học sinh cho phụ huynh, trao đổi về mặt tiến bộ cũng như mặt hạn chế của học sinh, giáo viên và phụ huynh cùng nhau trao đổi về biện pháp nhằm nâng cao kết quả học tập môn Toán của học sinh trong giai đoạn tới.

Kết quả đánh giá được lưu trữ nhằm phục vụ nhà quản lý giáo dục, nhà tài trợ, các trường đào tạo cho giai đoạn sau trung học phổ thông. Ngoài ra, nó còn là một phần quan trọng trong các quyết định về hoạch định chính sách cho giáo dục của đất nước.

Sau đây là bảng công cụ tham khảo cho đánh giá kết quả học tập.

Bảng 1. Công cụ đánh giá

Phương pháp	Miêu tả
<i>Thu thập thông tin</i>	
Câu hỏi thăm dò	Đặt câu hỏi tập trung trong lớp học để khơi gợi sự hiểu biết.
Quan sát	Quan sát hệ thống của học sinh khi họ xử lý những ý tưởng.
Bài tập về nhà	Bài tập để khơi gợi sự hiểu biết.
Đàm thoại, phỏng vấn	Thảo luận điều tra với các em học sinh về sự hiểu biết và những nhầm lẫn của mình.
Thuyết trình	Cơ hội cho học sinh để cho thấy việc học của mình trong buổi biểu diễn tình huống và phương tiện truyền thông, triển lãm.
Trắc nghiệm	Cơ hội cho học sinh để cho thấy việc học của mình thông qua các văn bản trả lời.
Đánh giá nhiệm vụ	Nhiệm vụ phức tạp mà khuyến khích học sinh để hiển thị các kết nối mà họ đang làm cho các khái niệm mà họ đang học.
Đánh giá qua máy tính	Ứng dụng phần mềm hệ thống và thích ứng kết nối với kết quả chương trình giảng dạy.
Sổ tay học tập	Thông báo kết quả học tập của học sinh theo suốt quá trình.
Dự án, điều tra	Cơ hội cho học sinh để hiển thị các kết nối trong học tập của mình thông qua điều tra và các báo cáo hoặc sản phẩm.
<i>Ý nghĩa thông tin</i>	
Mô tả mức độ phát triển	Mô tả việc học tập của học sinh để xác định mức độ học tập, bước tiếp theo và báo cáo tiến độ cũng như thành tích.
Bảng điểm	Giới thiệu các tiêu chí để xem xét trong việc tìm hiểu học tập của học sinh.
Phiếu tự đánh giá	Mô tả các tiêu chí với tỷ lệ và mức độ đạt được.
Tự đánh giá	Quá trình mà trong đó học sinh phản ánh trên các tiêu chí hiệu quả và sử dụng định nghĩa của riêng mình để xác định tình trạng việc học của mình.

Đánh giá đồng đẳng/lẫn nhau	Quá trình mà trong đó học sinh phản ánh về việc thực hiện của các bạn học của họ và sử dụng xác định các tiêu chí để xác định tình trạng học tập của các bạn.
<i>Lưu trữ - Hồ sơ</i>	
Hồ sơ đối thoại	Hồ sơ mô tả các quan sát của học sinh học tập theo thời gian.
Hồ sơ học sinh	Thông tin về kết quả học tập của học sinh liên quan đến kết quả chương trình đào tạo, kế hoạch học tập cá nhân của học sinh.
Phim, âm thanh, hình ảnh	Hình ảnh, âm thanh cung cấp sản phẩm quá trình học sinh học tập.
Danh mục đầu tư	Hồ sơ sưu tập có hệ thống các công việc của học sinh mà chứng tỏ thành tích tăng và sự phản ánh về việc học tập của mình.
<i>Giao tiếp</i>	
Thuyết trình	Thuyết trình của học sinh cho thấy việc học của mình với cha mẹ, giáo sinh hoặc những người khác.
Họp phụ huynh giáo viên và học sinh	Cơ hội cho giáo sinh, phụ huynh và học sinh kiểm tra và thảo luận về học tập của học sinh và có kế hoạch các bước tiếp theo.
Hồ sơ thành tích	Hồ sơ chi tiết về thành tựu của học sinh liên quan đến các kết quả chương trình giảng dạy.
Thẻ báo cáo	Bản báo cáo tóm tắt định kì về học tập học sinh cho phụ huynh.

(Nguồn: Tài liệu tham khảo [2])

2.4. Một số biện pháp sư phạm nhằm bồi dưỡng năng lực đánh giá kết quả học tập môn Toán ở trường Trung học phổ thông theo theo hướng tiếp cận đánh giá năng lực cho sinh viên

Đánh giá kết quả học tập của học sinh theo cách tiếp cận năng lực là đánh giá theo chuẩn về sản phẩm đầu ra nhưng sản phẩm đó không chỉ là kiến thức, kỹ năng, mà là năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng và thái độ cần có để thực hiện nhiệm vụ học tập tới một chuẩn nào đó. Vì vậy, trong quá trình học tập tại trường sư phạm thì các sinh viên cần được bồi dưỡng năng lực đánh giá theo hướng dạy học hiện đại.

Nhóm nghiên cứu đề xuất một số biện pháp nhằm bồi dưỡng năng lực đánh giá kết quả dạy học môn Toán ở trường THPT theo hướng tiếp cận đánh giá năng lực cho sinh viên.

2.4.1. Bồi dưỡng cho sinh viên nhận thức các khái niệm về đánh giá

Để thực hiện hiệu quả việc đánh giá kết quả học tập của học sinh thì ngay khi học tập tại trường Sư phạm các sinh viên sư phạm Toán cần nhận thức đúng đắn tinh thần khoa học về vai trò, ý nghĩa của đánh giá; đồng thời coi đánh giá là động lực thay đổi cải tiến từng bước chất lượng các hoạt động dạy học và giáo dục của mình. Nắm rõ những khái niệm cơ

bản như: kiểm tra, đo lường, đánh giá kết quả học tập, đánh giá giáo dục, đánh giá đầu vào, đánh giá chẩn đoán, đánh giá quá trình, đánh giá tổng kết... nhận thức đúng khái niệm năng lực/năng lực của học sinh phổ thông là gì? Triết lý đánh giá: (1) đánh giá phải vì sự tiến bộ của học sinh; (2) đánh giá diễn ra trong suốt quá trình học tập, tự đánh giá; (3) đánh giá được khả năng vận dụng, thực hiện... và thế nào là đánh giá năng lực tư duy bậc cao [6].

2.4.2. Bồi dưỡng năng lực kết hợp nhiều phương pháp đánh giá cho sinh viên

Để sinh viên sư phạm Toán sau khi ra trường có thể thực hiện đánh giá kết quả học tập Toán của học sinh hiệu quả thì trong quá trình học tập tại trường Sư phạm cần cho sinh viên làm quen và vận dụng các phương thức đánh giá hiện đại và truyền thống. Giúp đỡ sinh viên tìm hiểu các ưu điểm và nhược điểm của mỗi phương pháp đánh giá được áp dụng để đưa ra cách thức phối hợp các hình thức đánh giá kết quả học tập Toán hiệu quả nhất.

Trong quá trình học tập, giảng viên tạo điều kiện cho các sinh viên tập tham gia hoạt động đánh giá. Quan sát giảng viên đánh giá, tự các sinh viên đánh giá lẫn nhau, tự đánh giá bản thân... đánh giá năng lực hành động, vận dụng thực tiễn, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp...

Bồi dưỡng sinh viên sử dụng các phương pháp không truyền thống: quan sát, phỏng vấn sâu và hội thảo, nhật ký người học, báo cáo thường kỳ, bài tập lớn, đánh giá thực hành (bao gồm tập hợp bài tập và lưu trữ), giúp sinh viên học cách tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau để sau khi ra trường vận dụng được khi giảng dạy ở trường phổ thông.

2.4.3. Bồi dưỡng năng lực lập kế hoạch, xây dựng công cụ, triển khai đánh giá, sử dụng thông tin kết quả đánh giá cho sinh viên

Đánh giá kết quả học tập thúc đẩy quá trình học tập của học sinh, nâng cao trình độ chuyên môn của người giáo viên. Việc có một kế hoạch đánh giá cụ thể và chi tiết, cùng bộ công cụ phù hợp kết hợp với các hình thức triển khai đánh giá hợp lý sẽ cho kết quả đánh giá có tính chính xác cao. Thông tin kết quả đánh giá lại được sử dụng để làm căn cứ cho điều chỉnh phương pháp dạy học cũng như nội dung chương trình và cách chính sách từ nhà quản lý và các đối tượng thụ hưởng thông tin.

Vì lí do đó mà các sinh viên sư phạm Toán cần được bồi dưỡng các năng lực này để thực hiện hoạt động đánh giá kết quả học tập Toán của học sinh phổ thông trong tương lai là cần thiết.

2.4.4. Bồi dưỡng năng lực đánh giá hoạt động học tập, hoạt động giáo dục cho sinh viên

Ngày nay, học sinh học tập trong một thế giới mở với kho tri thức là vô tận. Học sinh cần phát huy khả năng tự học, tự nghiên cứu, lĩnh hội tri thức, vận dụng tri thức vào thực tiễn và ngược lại.

Học sinh học tập chuyển từ việc ghi nhớ, hiểu kiến thức... sang phát triển năng lực vận dụng, giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống, đặc biệt chú trọng phát triển các năng lực tư duy bậc cao như năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực

siêu nhận thức... lồng ghép cùng hoạt động giáo dục như: trong giờ và ngoài giờ - trải nghiệm sáng tạo cũng cần được thiết kế.

Với những hình thức dạy và học thay đổi dẫn đến phương thức đánh giá cũng cần phải đổi mới để đánh giá được các năng lực của người học một cách toàn diện và chính xác. Do vậy, người giáo viên tương lai cũng cần được bồi dưỡng những năng lực để thực hiện nhiệm vụ.

3. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu thực tiễn về công tác đánh giá hiện nay tại Việt Nam và trên thế giới, nhóm nghiên cứu đã chỉ ra một số hạn chế trong đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông khi các sinh viên sư phạm Toán tham gia thực tập. Nếu sinh viên không được bồi dưỡng đầy đủ trong quá trình hình thành và phát triển năng lực đánh giá ở giai đoạn học tập tại trường Sư phạm thì các sinh viên sẽ khó khăn trong đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi ra trường đi dạy.

Từ đó, chúng tôi đã đề xuất một số biện pháp góp phần bồi dưỡng năng lực đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hướng tiếp cận năng lực cho sinh viên ngành sư phạm Toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014), *Lý luận dạy học hiện đại*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [2] Phạm Xuân Chung (2012), *Chuẩn bị cho sinh viên ngành sư phạm Toán học ở trường đại học tiến hành hoạt động đánh giá kết quả học tập môn Toán của học sinh trung học phổ thông*, Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, Trường Đại học Vinh.
- [3] Nguyễn Vũ Bích Hiền (2015), *Đề xuất khung năng lực về đánh giá trong giáo dục cho giáo viên*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 6A, tr.198 - 203.
- [4] Nguyễn Công Khanh (2014), *Đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh theo cách tiếp cận năng lực*, Báo cáo hội nghị, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Black, Paul, Wiliam, Dylan (1998), *Assessment and classroom learning*, Assessment in education: principles, policy & practice, March 1998, Vol. 5, issue 1.
- [6] Lorna Earl and Steven Katz, et al (2006), *Rethinking classroom assessment with purpose in mind*, Western and Northern Canadian. Protocol for Collaboration in Education. ISBN 0-7711-3478-9.
- [7] Rebecca Cartwright, Ken Weiner, Samantha Streamer-Veneruso (2010), *Student learning outcomes (slo) assessment handbook*, Montgomery college montgomery county, Maryland.
- [8] Thomas R. Guskey (2003), *How classroom assessments improve learning*, Educational Leadership, Vol.60, No.5, pp. 6-11.

MENTORING ASSESSMENT CAPABILITY IN TEACHING MATHEMATICS FOR TEACHER STUDENTS

Nguyen Huu Hau, Tran Trung Tinh

ABSTRACT

Assessment is an integral part of teaching process. The evaluation and assessment procedures are considered as a motivation for the renewal of teaching and learning. It also plays an important role in comprehensive education and training reform.

This paper is divided into three main sections: (1) Reviewing literature that is related to assessment methods, namely qualitative assessment, performance-based assessment, competence-based assessment, standard-based assessment, outcome-based assessment; (2) Analysing the current issues of assessing mathematics results of mathematics students during the practicum at high schools; (3) Proposing solutions to improve the assessment competence of math teaching for pedagogical students in the light of competence-based approach.

Keywords: *Assessment competence, teaching mathematics, methods in assessment, strengthen assessment competence.*

DAY VÀ HỌC PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN VỚI SỰ TRỢ GIÚP PHẦN MỀM TOÁN HỌC MAPLE

Nguyễn Hữu Học¹

TÓM TẮT

Mục tiêu của bài báo này là viết chương trình toán học bằng phần mềm Maple để phân tích quá trình giải phương trình vi phân tuyến tính cấp 1. Từ đó áp dụng trong dạy và học phương trình vi phân. Bước đầu định hướng cho sinh viên sử dụng phần mềm Maple lập trình để giải quyết các bài toán cao cấp, từ đó có thể mở rộng, phát triển tạo ra các chương trình giải quyết các bài toán khác một cách hiệu quả, chính xác.

Từ khóa: Phương trình vi phân, Maple.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Phương trình vi phân xuất hiện trên cơ sở phát triển của khoa học, kỹ thuật và những yêu cầu đòi hỏi thực tế. Đã có những tài liệu, giáo trình đề cập đến những bài toán cơ học, vật lý dẫn đến sự nghiên cứu các phương trình vi phân tương ứng. Cùng với những thành tựu tuyệt vời trong lĩnh vực công nghệ thông tin, người ta đã xây dựng những phần mềm mà nhờ nó việc giải toán được thực hiện dễ dàng bằng những câu lệnh đơn giản, không phải lập trình phức tạp như trước. Nhiều phần mềm hỗ trợ tính toán ưu việt phải kể đến như: Maple, Mathematica, Matlab... Với mục đích tìm hiểu về phương pháp, phân tích quá trình giải bài toán phương trình vi phân bằng chương trình toán học. Bài báo đi sâu tìm hiểu về phần mềm Maple và sử dụng nó trong việc dạy và học phương trình vi phân, được minh họa các ý tưởng giải phương trình vi phân qua phần mềm Maple.

2. NỘI DUNG

2.1. Vai trò của phương tiện trực quan trong dạy học toán

Ngày nay khoa học máy tính và công nghệ thông tin đã xâm nhập vào mọi lĩnh vực hoạt động của con người. Đối với ngành Toán đã có những phần mềm tương đối hữu dụng và nhiều chương trình chuyên dụng cho từng bộ môn của Toán học. Những phần mềm này giúp ích rất nhiều trong việc giảng dạy toán học. Chính vì vậy việc sử dụng nhiều loại hình phương tiện trực quan, đáng chú ý là các phần mềm dạy học (Cabri, Power Point, Violet, Maple, Mathlab, Mathematica...) nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động tích cực của học sinh, góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn toán.

2.2. Giới thiệu phần mềm Maple

Maple là phần mềm do một nhóm các nhà khoa học của Canada thuộc Trường Đại học Waterloo xây dựng và đưa vào sử dụng năm 1985, với mục đích giải quyết mọi công

¹ Giảng viên khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Hồng Đức

việc liên quan đến tính toán, bao gồm cả tính toán số và tính toán hình thức, cũng như hiển thị. Ngoài các câu lệnh có chức năng kiểm tra, tính toán, minh họa hình ảnh, nó còn cho phép các giáo viên có thể sử dụng ngôn ngữ lập trình của Maple để tạo các công cụ mới, các gói câu lệnh mới. Vì thế Maple có khả năng đầy đủ để giảng dạy và học tập từ bậc phổ thông (các gói chức năng về đại số, số học, giải tích, hình học) lên đại học (đại số tuyến tính, phương trình vi phân, hình học cao cấp, đại số hiện đại).

Hiện nay sách, báo viết về những ứng dụng của Maple trong việc hỗ trợ tính toán, vẽ đồ thị... phục vụ cho việc giảng dạy toán học ở phổ thông cũng như đại học khá nhiều, những chủ yếu khai thác hệ thống câu lệnh có sẵn của Maple, những sách hướng dẫn lập trình trên Maple cũng có nhưng những chương trình viết trên Maple để phục vụ việc dạy và học Toán chưa có nhiều. Bài báo này nhằm mục đích từng bước khuyến khích, hướng dẫn sinh viên sư phạm viết các chương trình để Maple tiến hành giải và hiển thị từng bước cách giải các bài toán minh họa phương pháp trong giảng dạy Toán học.

2.3. Về phương trình vi phân tuyến tính cấp 1

Phương trình vi phân tuyến tính cấp 1 có dạng:

$$y' + p(x)y = q(x)$$

Khi $q(x) \equiv 0$ thì phương trình gọi là phương trình tuyến tính thuần nhất.

Khi $q(x) \neq 0$ thì phương trình gọi là phương trình tuyến tính không thuần nhất.

2.4. Phương pháp giải (Phương pháp biến thiên hằng số)

Giải phương trình thuần nhất: $y' + p(x)y = 0$. Đây là phương trình biến số phân ly ta được nghiệm tổng quát: $y = Ce^{-\int p(x)dx}$.

Xem $C = C(x)$ là hàm số theo x , Tính y' : $y' = C'(x)e^{-\int p(x)dx} - C(x)p(x)e^{-\int p(x)dx}$.

Thay vào phương trình đã cho ta được:

$$C'(x) = q(x)e^{\int p(x)dx} \Rightarrow C(x) = \int q(x)e^{\int p(x)dx} dx + K$$

Từ đó ta được nghiệm tổng quát của phương trình:

$$y = e^{-\int p(x)dx} \left[K + \int q(x)e^{\int p(x)dx} dx \right]$$

Ví dụ 1: Giải phương trình vi phân: $y' + xy = x^3$

Giải. Phương trình thuần nhất: $y' + xy = 0$

Nghiệm tổng quát của phương trình thuần nhất: $y(x) = Ce^{-\frac{1}{2}x^2}$

Xem $C = C(x)$ là hàm theo x , ta có: $y'(x) = C'(x)e^{-\frac{1}{2}x^2} - xC(x)e^{-\frac{1}{2}x^2}$

Thay vào phương trình đã cho, ta được:

$$C'(x) = x^3 e^{\frac{1}{2}x^2} \Rightarrow C(x) = \frac{1}{2}(x^2 - 2)e^{\frac{1}{2}x^2} + C_1$$

Vậy nghiệm của phương trình vi phân tuyến tính là: $y(x) = x^2 - 2 + C_1 e^{\frac{1}{2}x^2}$

Nhận xét 1. Đây là lời giải chi tiết theo từng bước của một phương trình vi phân tuyến tính cấp 1, dù là một ví dụ rất đơn giản nhưng việc tính toán cũng rất mất thời gian và có thể nhầm lẫn. Maple có thể giúp ta khắc phục những vấn đề này.

2.5. Giải phương trình vi phân bằng phần mềm Maple

Cấu trúc lệnh:

>dsolve({các phương trình, điều kiện}, các hàm số).

Ví dụ 2: Ta kiểm tra lại Ví dụ 1: Giải phương trình vi phân: $y' + xy = x^3$

Ta nhập như sau:

>pt:=diff(y(x),x)+x*y(x)=x^3;

Kết quả: $pt := \frac{d}{dx} y(x) + xy(x) = x^3$

>dsolve(pt,y(x));

Kết quả: $y(x) = x^2 - 2 + e^{\frac{1}{2}x^2} - C_1$

Ví dụ 3:

Giải phương trình vi phân: $y' + 2xy = xe^{-x^2}$

Ta nhập như sau:

>pt:=diff(y(x),x)+2*x*y(x)=x*exp(-x^2);

Kết quả: $pt := \frac{d}{dx} y(x) + 2xy(x) = xe^{-x^2}$

>dsolve(pt,y(x));

Kết quả: $y(x) = \left(\frac{1}{2}x^2 + C_1\right)e^{-x^2}$

Nhận xét 2. Khi tiến hành giải phương trình vi phân bằng Maple, kết quả chúng ta thu được rất nhanh và chính xác. Tuy nhiên, trong giảng dạy và học tập ta cần lời giải chi tiết theo từng bước để minh họa cho phương pháp. Để khắc phục những điều này ta có thể sử dụng ngôn ngữ lập trình của Maple để tạo ra một công cụ mới giúp ta giải phương trình vi phân theo từng bước như lời giải được trình bày trong Ví dụ 1.

2.6. Chương trình toán học giải phương trình vi phân tuyến tính cấp 1

2.6.1. Lệnh xuất nhập dữ liệu

Hàm readstat("<prompt>"): hiện dấu nhắc <prompt> trả về dữ liệu nhập từ bàn phím.

Hàm print(data1,data2,...): hiển thị dữ liệu ra màn hình.

Lưu ý: xâu ký tự đặt trong dấu ``.

2.6.2. Xây dựng thủ tục trong Maple

Maple là một ngôn ngữ lập trình hướng thủ tục (procedure). Chế độ thủ tục được thực hiện bằng cách đóng gói một dãy các lệnh xử lý cùng một công việc vào một thủ tục duy nhất, sau đó chỉ cần gọi thủ tục này và Maple tự động thực hiện các lệnh có trong chu trình đó một cách tuần tự sau đó trả lại kết quả cuối cùng.

Khai báo thủ tục như sau:

```
Procedure_name:=proc(parameter_sequence)
[local local_sequence]
[global global_sequence]
[options options_sequence]
statements_sequence
end;
```

Chương trình giải phương trình vi phân tuyến tính

```
> restart;
> myproc:=proc()#Thu tục giai Phuong trình tuyen tinh
local p,q,pttt,pttn,phanmu,tngh,nghiemtn,daoham,pths,hs,kq;
global global_pttt;
p:=readstat("p(x)=");
q:=readstat("q(x)=");
global_pttt:=pttt;
pttt:=diff(y(x),x)+p*y(x)=q(x);pttt;
print(`-----Bai giai-----`);
print(`Phuong trình vi phan tuyen tinh co dang la:`);
print(pttt);
pttn:=diff(y(x),x)+p*y(x)=0;pttn;
print(`Phuong trình thuan nhat la:`);
print(pttn);
phanmu:=int(p,x);phanmu;
tngh=exp(-phanmu);tngh;
nghiemtn:=y(x)=C.tngh;nghiemtn;
print(`Nghiem tong quat cua Phuong trình thuan nhat la:`);
print(nghiemth);
daoham:=y'(x)=diff(C(x)*tngh,x);daoham;
print(`Xem "C=C(x)" la ham so theo x. Ta co:`);
print(daoham);
pths:=diff(C(x),x)=q*exp(phanmu);pths;
print(`Thay vao Phuong trình tuyen tinh da cho ta duoc:`);
print(pths);
```

```

hs:=dsolve(pths);hs;
print(Giai ra ta duoc:);
print(hs);
kq:=dsolve(pttt,y(x));kq;
print(`Vay, nghiem tong quat cua Phuong trinh tuyen tinh la:`);
print(kq);
end proc;
#Ket thuc chuong trinh

```

2.6.3. Lưu và nạp chương trình

Maple cho phép lưu chương trình để sử dụng một cách thuận tiện như sau:

```
> save myproc(); "\\thu_tuc.m";
```

Trong file có sử dụng chương trình thực hiện lệnh read file proc, trong đó file proc là tên file (có cả đường dẫn) chứa chương trình biên dịch, được tạo bởi lệnh save:

```
> restart;
```

```
> read "\\thu_tuc.m";
```

2.6.4. Sử dụng chương trình

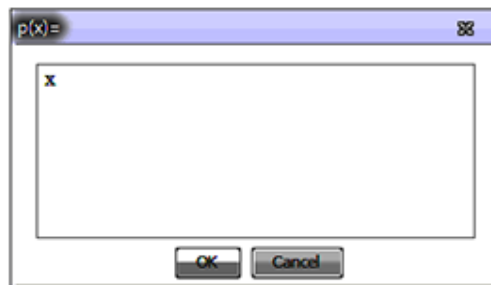
Trước hết ta kiểm tra lại Ví dụ đã xét ở mục 2.1 để kiểm tra và so sánh kết quả thu được.

Ví dụ 4: Giải phương trình vi phân: $y' + xy = x^3$

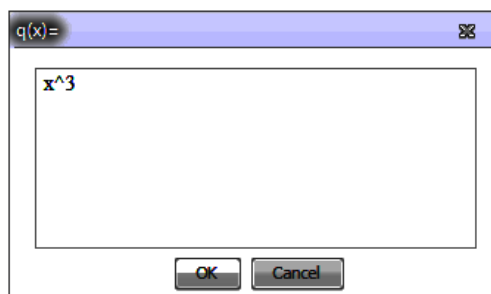
Nhập các tham số cho chương trình như sau:

```
> myproc(); #goi chuong trinh giai phuong trinh vi phan tuyen tinh
```

Khai báo hàm $p(x)$:



Khai báo hàm $q(x)$:



Bài giải chi tiết như sau:

-----Bài giải-----

Phương trình vi phân tuyến tính có dạng là:

$$\frac{d}{dx} y(x) + y(x)x = x^3$$

Phương trình thuần nhất là:

$$\frac{d}{dx} y(x) + y(x)x = 0$$

Nghiệm của Phương trình thuần nhất là:

$$y(x) = Ce^{-\frac{1}{2}x^2}$$

Xem “ $C = C(x)$ ” là hàm theo x . Ta có:

$$\frac{d}{dx} y(x) = \left(\frac{d}{dx} C(x) \right) e^{-\frac{1}{2}x^2} - C(x) e^{-\frac{1}{2}x^2} x$$

Thay vào Phương trình tuyến tính đã cho ta được:

$$\frac{d}{dx} C(x) = x^3 e^{\frac{1}{2}x^2}$$

Giải ra ta được:

$$C(x) = \frac{1}{2}(x^2 - 2)e^{\frac{1}{2}x^2} + C_1$$

Vậy nghiệm tổng quát của Phương trình tuyến tính là:

$$y(x) = x^2 - 2 + e^{-\frac{1}{2}x^2} C_1$$

Như vậy ta thu được kết quả hoàn toàn phù hợp với lời giải của Ví dụ 1. Và chương trình có thể xem như đảm bảo được yêu cầu đặt ra. Ta xét một vài ví dụ khác:

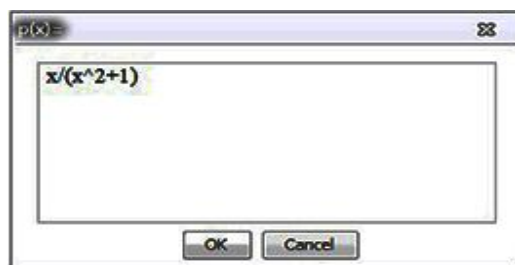
Ví dụ 5: Giải phương trình vi phân: $(x^2 + 1)y' + xy = 1$

Chuyển về phương trình vi phân tuyến tính: $y' + \frac{x}{x^2 + 1}y = \frac{1}{x^2 + 1}$

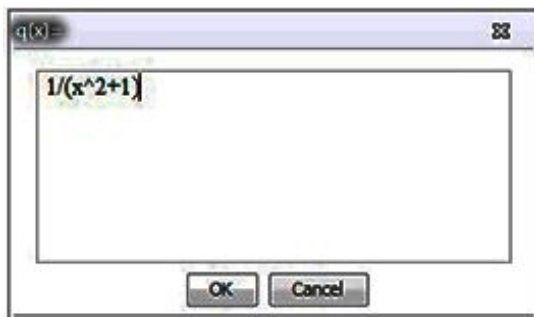
Nhập các tham số cho chương trình như sau:

> myproc(); #gọi chương trình giải phương trình vi phân tuyến tính

Khai báo hàm p(x):



Khai báo hàm $q(x)$:



Bài giải chi tiết như sau:

-----Bài giải-----

Phương trình vi phân tuyến tính có dạng là:

$$\frac{d}{dx} y(x) + \frac{xy(x)}{x^2 + 1} = \frac{1}{x^2 + 1}$$

Phương trình thuần nhất là:

$$\frac{d}{dx} y(x) + \frac{xy(x)}{x^2 + 1} = 0$$

Nghiệm của Phương trình thuần nhất là:

$$y(x) = \frac{C}{\sqrt{x^2 + 1}}$$

Xem “ $C = C(x)$ ” là hàm theo x . Ta có:

$$\frac{d}{dx} y(x) = \frac{\frac{d}{dx} C(x)}{\sqrt{x^2 + 1}} - \frac{C(x)x}{(x^2 + 1)^{3/2}}$$

Thay vào Phương trình tuyến tính đã cho ta được:

$$\frac{d}{dx} C(x) = \frac{1}{\sqrt{x^2 + 1}}$$

Giai ra ta được:

$$C(x) = \operatorname{arcsinh}(x) + C_1$$

Vậy nghiệm tổng quát của Phương trình tuyến tính là:

$$y(x) = \frac{\operatorname{arcsinh}(x) + C_1}{\sqrt{x^2 + 1}}$$

Chú thích: Maple biểu diễn nghiệm theo hàm hyperbolic ngược:

$$\operatorname{arcsinh}(x) = \ln\left(x + \sqrt{x^2 + 1}\right)$$

Ví dụ 6: Giải phương trình vi phân: $y' + \frac{y}{x} = \sin x$

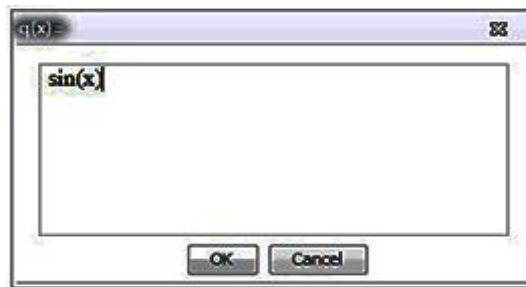
Nhập các tham số cho chương trình như sau:

> myproc(); #gọi chương trình giải phương trình vi phân tuyến tính

Khai báo hàm p(x):



Khai báo hàm q(x):



Bài giải chi tiết như sau:

-----Bai giai-----

Phương trình vi phân tuyến tính có dạng là:

$$\frac{d}{dx} y(x) + \frac{y(x)}{x} = \sin(x)$$

Phương trình thuần nhất là:

$$\frac{d}{dx} y(x) + \frac{y(x)}{x} = 0$$

Nghiệm của Phương trình thuần nhất là:

$$y(x) = \frac{C}{x}$$

Xem “ $C = C(x)$ ” là hàm theo x. Ta có:

$$\frac{d}{dx} y(x) = \frac{d}{dx} \frac{C(x)}{x} = \frac{C'(x)}{x} - \frac{C(x)}{x^2}$$

Thay vào Phương trình tuyến tính đã cho ta được:

$$\frac{d}{dx} C(x) = \sin(x)x$$

Giai ra ta được:

$$C(x) = \sin(x) - \cos(x)x + C_1$$

Vậy nghiệm tổng quát của Phương trình tuyến tính là:

$$y(x) = \frac{\sin(x) - \cos(x)x + C_1}{x}$$

3. KẾT LUẬN

Bài báo đã trình bày các bước cơ bản giải phương trình vi phân tuyến tính cấp 1 bằng chương trình toán học. Kinh nghiệm cho thấy là nếu viết một chương trình phức tạp thì trước hết ta viết và chạy từng lệnh một để xem kết quả thế nào, khi thấy kết quả tốt ta nhóm các lệnh trên thành một chương trình hoàn chỉnh. Chương trình có thể mở rộng để giải quyết bài toán Cauchy hoặc giải các phương trình vi phân khác như phương trình Bernoulli, phương trình vi phân tuyến tính cấp hai hệ số hằng số, hệ phương trình vi phân tuyến tính.

Trên cơ sở chương trình như trên ta có thể xây dựng các chương trình minh họa phương pháp giải các bài toán khác, nhất là những bài liên quan đến tính toán phức tạp. Bản thân tôi từng sử dụng những chương trình tương tự minh họa phương pháp và hướng dẫn sinh viên giải quyết các bài toán Giải tích số mang lại hiệu quả ban đầu khá tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Quốc Chiến (2008), *Giáo trình phần mềm toán học*, Trường Đại học Đà Nẵng.
- [2] Phạm Huy Điền, Đinh Thế Lục, Tại Duy Phương (1998), *Hướng dẫn thực hành tính toán trên chương trình Maple V*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Đình Trí (2006), *Toán cao cấp tập 3*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

TEACHING AND LEARNING DIFFERENTIAL EQUATIONS WITH THE HELP OF MAPLE SOFTWARE

Nguyen Huu Hoc

ABSTRACT

This paper presents a new approach to solve linear differential equations first order with the help of program written with the Maple software. This program is then applied in teaching and learning to some linear equations. Initially oriented to students using Maple software programmers to solve problems, can be expanded, developed to create programs to solve other problems.

Keywords: *Differential Equations, Maple.*

GIÁO DỤC LỐI SỐNG VĂN HÓA CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC HIỆN NAY THEO QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Vũ Thị Lan¹

TÓM TẮT

Xu thế toàn cầu hóa và sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay đang có những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến lối sống của sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên Trường Đại học Hồng Đức nói riêng. Một mặt sinh viên trở nên cởi mở, năng động, tự lập, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm hơn, mặt khác, họ lại sống lãng quên và xa dần các giá trị, đạo lý và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Trên cơ sở khảo sát thực trạng lối sống và việc giáo dục lối sống cho sinh viên Trường Đại học Hồng Đức, bài viết chỉ ra thực trạng về lối sống của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức hiện nay và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục lối sống cho sinh viên trong trường theo quan điểm Hồ Chí Minh.

Từ khóa: *Quan điểm Hồ Chí Minh, lối sống, giáo dục lối sống.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Con người luôn luôn tồn tại trong một cộng đồng người, một nước, một khu vực nhất định. Ở mỗi người, phẩm chất văn hóa được biểu hiện cụ thể và rõ rệt nhất thông qua lối sống cũng như mọi nếp sinh hoạt và quan hệ ứng xử.

Có thể hiểu “*Lối sống của con người là các điều kiện chủ quan của văn hóa, là quá trình hiện thực hóa các giá trị văn hóa thông qua hoạt động sống của con người. Lối sống bao gồm tất cả những hoạt động sống và phương thức tiến hành các hoạt động sống được một bộ phận lớn hoặc toàn thể nhóm hay cộng đồng người chấp nhận và thực hành trong một khoảng thời gian tương đối ổn định, đặt trong mối tương tác biện chứng của các điều kiện sống hiện hữu và trong các mối liên hệ lịch sử của chúng*” [3; tr.271 - 278]. Lối sống được hình thành trên cơ sở những điều kiện kinh tế - xã hội nhất định, đồng thời lối sống phản ánh hoạt động của con người trong những điều kiện ấy.

Ở nước ta, sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề xuất và kêu gọi toàn dân xây dựng “*Đời sống mới*”. Từ sau năm 1954, những nghị quyết của Đảng đề cập đến xây dựng nền văn hóa mới, đạo đức mới, lối sống mới. Tuy nhiên, phải tính từ sau năm 1986, với sự chuyển biến sâu sắc về kinh tế, văn hóa, xã hội đã tác động mạnh mẽ đến nếp nghĩ, cách làm, lối sống của tầng lớp dân cư, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Trong những năm gần đây, sự lan rộng của toàn cầu hóa và sự phát triển của nền kinh tế thị trường ở Việt Nam đã có những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến lối sống của sinh

¹ Giảng viên khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

viên Việt Nam nói chung và sinh viên Trường Đại học Hồng Đức nói riêng. Một mặt, sinh viên trở nên cởi mở, năng động, tự lập, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm hơn. Mặt khác, họ lại sống lãng quên và xa dần các giá trị, đạo lý và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Đúng trước tình hình đó, một bộ phận không nhỏ học sinh, sinh viên có suy nghĩ, tư tưởng lệch lạc, dẫn đến những hành động và việc làm sai trái như: thực dụng, không có lý tưởng, ăn mặc phản cảm, ứng xử không hợp với đạo lý truyền thống, ít tham gia vào các hoạt động cộng đồng, có lối sống sa đọa, dựa dẫm, thậm chí mắc vào những tệ nạn xã hội. Do đó, việc giáo dục để hình thành lối sống văn hóa lành mạnh, lối sống phù hợp cho sinh viên hiện nay không chỉ là một nhiệm vụ quan trọng của nhà trường, của xã hội mà còn góp phần giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho sinh viên.

2. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về lối sống văn hóa và xây dựng lối sống văn hóa

Con người muốn tồn tại phải có ăn, mặc, ở, đi lại và làm việc; phải làm sao cho mỗi hoạt động đều mang tính văn hóa. Sinh thời, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến giáo dục cán bộ, nhân dân ta nói chung và thế hệ trẻ, thanh niên, sinh viên nói riêng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng lựa chọn lối sống đẹp nhất, xứng đáng với phẩm cách của con người. Lối sống Hồ Chí Minh (lối sống mà Hồ Chí Minh xây dựng cho mọi người và thể hiện ngay ở bản thân mình) là lối sống có lý tưởng, đạo đức; là lối sống “mình vì mọi người, mọi người vì mình”, lối sống của những người cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lối sống thể hiện qua thái độ với Tổ quốc và nhân loại cũng như trong cuộc sống giản dị và lành mạnh. Vì vậy, để xây dựng lối sống văn hóa, Hồ Chí Minh yêu cầu phải sửa đổi “cách ăn, cách mặc, cách ở, cách đi lại”. Người chỉ rõ: Đối với cá nhân mỗi người việc xây dựng lối sống mới được khái quát ở những điểm sau:

Về tinh thần, cần phải xây dựng tinh thần “sốt sắng” yêu nước. Việc gì lợi cho nước, phải ra sức làm. Việc gì hại đến nước, phải hết sức tránh; phải sẵn lòng công ích (bất kỳ việc to việc nhỏ, có ích chung thì phải hăng hái làm); phải thực hành cần kiệm liêm chính (mình hơn người thì chớ kiêu căng, người hơn mình thì chớ nịnh hót, thấy của người thì chớ tham lam, của mình thì chớ bủn xỉn).

Về cách ăn mặc thì phải sạch sẽ, giản đơn, chất phác, chớ lượt thướt, xa xỉ, lòe loẹt.

Về cách làm việc, phải siêng năng, có ngăn nắp, có tinh thần phụ trách, đã làm việc gì, thì làm cho kỳ được, làm đến nơi đến chốn. Chớ làm dối.

Về cách cư xử, phải thân ái, sẵn lòng giúp đỡ, cầu thị, ham học (trước hết là học chữ, học làm tính. Biết rồi, ta học thêm. Việc thế giới rất nhiều, học không bao giờ hết. Người có học mới tiến bộ. Càng học càng tiến bộ) [3; tr.117].

Trong giai đoạn hiện nay, vận dụng và phát triển sáng tạo, phù hợp quan điểm Hồ Chí Minh về xây dựng lối sống mới cho con người Việt Nam, từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (2014), Đảng đã khẳng định: “Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, có lối sống đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước,

nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo” [1; tr.17]. Nhấn mạnh sự cần thiết của việc giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, tại Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư đã chỉ rõ: “Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ luôn được Đảng, Nhà nước, gia đình, nhà trường và toàn xã hội quan tâm. Giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ không ngừng được tăng cường và đổi mới”, trong đó đầu tư cho giáo dục, nhất là giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ là đầu tư cho tương lai của đất nước. Đây là nhiệm vụ của toàn Đảng, của các cấp, các ngành, đoàn thể, gia đình và toàn xã hội; tạo điều kiện tối đa cho thế hệ trẻ học tập, lao động, cống hiến, là lực lượng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; phải xây dựng và phát huy lối sống “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người” [5]. Đại hội XII của Đảng với phương châm xây dựng con người phát triển toàn diện trong đó nhấn mạnh hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế: khảng định và tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, cao thượng; có ý thức tự trọng, tự chủ, trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, phù hợp thuần phong mỹ tục, truyền thống của người Việt Nam đồng thời phải đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi sự xuống cấp về đạo đức xã hội, khắc phục những hạn chế của con người Việt Nam [5].

Như vậy, có thể thấy trên cơ sở quan điểm của Hồ Chí Minh và của Đảng về xây dựng lối sống văn hóa hiện nay cần nhận thức đúng, đầy đủ tính cấp bách và tầm quan trọng của công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thế hệ trẻ đó là một nhiệm vụ quan trọng và cũng là một sự nghiệp lâu dài, gian khổ, đòi hỏi phải có quyết tâm cao của toàn xã hội và của cá nhân từng con người.

2.2. Thực trạng lối sống và việc giáo dục lối sống cho sinh viên Trường Đại học Hồng Đức hiện nay theo quan điểm Hồ Chí Minh

Dưới tác động của nền kinh tế thị trường, của xu hướng toàn cầu hóa, lối sống của sinh viên có những biến đổi nhất định. Thực trạng lối sống và việc giáo dục lối sống nhằm xây dựng lối sống mới cho sinh viên trong nhà trường vừa mang tính chủ quan, vừa mang tính khách quan, vừa có những ưu điểm cần phát huy vừa có những hạn chế cần khắc phục. Để có những giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục lối sống cho sinh viên trong nhà trường hiện nay, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 500 sinh viên Trường Đại học Hồng Đức bằng phiếu điều tra nhằm tìm hiểu thực trạng lối sống của sinh viên. Đối tượng điều tra cụ thể như sau: khoa Khoa học xã hội: 100 sinh viên; khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh: 230 sinh viên; khoa Ngoại ngữ: 30 sinh viên; khoa Kỹ thuật công nghệ: 40 sinh viên, khoa Công nghệ thông tin và truyền thông: 50 sinh viên; khoa Nông Lâm Ngư nghiệp: 50 sinh viên. Qua khảo sát chúng tôi thu được những kết quả như sau:

2.2.1. Mặt tích cực

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Đây được xem là yếu tố quan trọng góp phần xây dựng đạo đức mới, lối sống mới cho sinh viên. Vì vậy, để nâng cao nhận thức và trách

nhiệm của tuổi trẻ Nhà trường đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, xây dựng Trường Đại học Hồng Đức ngày càng lớn mạnh, xây dựng được lớp thanh niên giàu lòng yêu nước, có lối sống đẹp, có lý tưởng cách mạng,... Nhà trường đã đẩy mạnh việc giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, triển khai 6 bài học lý luận chính trị cho sinh viên đầu khóa thông qua tuần học công dân đầu khóa, giữa khóa và cuối khóa; tổ chức quán triệt Nghị quyết số 02NQ/TWĐTN của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh về “Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho thanh, thiếu niên giai đoạn 2013 - 2017”; triển khai thực hiện cuộc vận động “học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, ...

Công tác giáo dục văn hóa đạo đức truyền thống được triển khai thường xuyên với nhiều hoạt động chính khóa và ngoại khóa. Với các hoạt động ngoại khóa như thành lập các câu lạc bộ, tham quan, dã ngoại, tình nguyện... đã trang bị cho sinh viên kỹ năng sống, nâng cao bản lĩnh chính trị, tri thức về hội nhập quốc tế... Còn chính khóa là việc cung cấp cho sinh viên các giá trị văn hóa, trong đó giúp sinh viên hiểu được các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc qua các giờ giảng của một số môn học: văn hóa học, cơ sở văn hóa Việt Nam, đạo đức học,... Bên cạnh đó, nhiều cuộc thi dành cho sinh viên nhằm giúp họ có điều kiện tìm hiểu sâu hơn về truyền thống tốt đẹp và lịch sử hào hùng của dân tộc, của tỉnh nhà như cuộc thi “*Bác Hồ với Thanh Hóa, Thanh Hóa làm theo lời Bác*”, tìm hiểu “*Thanh Hóa với chiến thắng Điện Biên Phủ, phát huy truyền thống Điện Biên Phủ xây dựng Thanh Hóa thành tỉnh kiêu dũng*”; cuộc thi “*Tuổi trẻ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”... các hoạt động trên đã nâng cao nhận thức của sinh viên về các giá trị văn hóa truyền thống, lòng tự hào dân tộc, sự tri ân đối với các thế hệ cha anh đi trước.

Nhà trường còn chủ động tổ chức các cuộc thi, các diễn đàn, tọa đàm về lối sống, nếp sống văn minh như “*Ngày chủ nhật xanh*”, “*Hội thi tiểu phẩm phòng chống tệ nạn xã hội*”, “*Uống nước nhớ nguồn*”, “*Đền ơn đáp nghĩa*”; “*Về nguồn*”, “*Thấp nền tri ân*”...

Thông qua các hoạt động chính trị, xã hội, thực tiễn phong phú, các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc được thanh niên, sinh viên tiếp thu, thực hiện, từng bước trưởng thành trong nhu cầu và tình cảm đạo đức, tạo cơ sở nền tảng tốt đẹp cho việc hình thành phẩm chất, những giá trị nhân cách, lối sống tốt đẹp trong họ.

Đa số sinh viên đã có nhận thức về lối sống và lựa chọn lối sống phù hợp cho bản thân. Điều đáng mừng là phần lớn số học sinh, sinh viên được hỏi đã và đang ngày càng ý thức được vai trò của mình đối với xã hội. Chẳng hạn: Khi được hỏi Bạn quan niệm lối sống nào phù hợp với mình? đã có 52,63% sinh viên lựa chọn lối sống được mọi người tôn trọng. Khi được hỏi về những điều kiện cần có để có thể học tập tốt thì 36,85% sinh viên trả lời là có tình yêu.

Phần lớn sinh viên sống có mục đích, lý tưởng tốt đẹp, có động cơ học tập đúng đắn, tích cực, chủ động trong học tập, nghiên cứu khoa học. Chẳng hạn: Khi được hỏi về mục đích học tập mà bạn đang hướng tới là gì, có 36,84% sinh viên xác định là để có vị trí chính trị và địa vị xã hội, 21,06% xác định là để có trình độ học vấn, và có 5,26% lựa chọn mục đích học tập là có nhiều tiền. Khi hỏi Bạn có thường xuyên quay cóp trong thi cử không, có

63,2% sinh viên trả lời là chưa bao giờ. Những con số trên cho thấy, đối với nhiều sinh viên, tiền bạc, sự giàu có không phải là mục đích sống quan trọng nhất. Đối với họ, học tập là để có kiến thức, hiểu biết và kỹ năng, để có thể đóng góp sức lực của mình vào sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đưa Việt Nam thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, sánh vai với các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời làm giàu cho bản thân mình và gia đình. Điều này chứng tỏ đa số sinh viên Trường Đại học Hồng Đức đã có nhận thức rõ và đúng đắn về mục đích, lý tưởng, lối sống tốt đẹp, phù hợp với xu thế chung của toàn xã hội [5; tr.25].

2.2.2. Mặt hạn chế

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nêu trên, lối sống và việc giáo dục lối sống cho sinh viên trong thời gian vừa qua vẫn còn những mặt hạn chế.

Việc tổ chức các phong trào chính trị, xã hội - thực tiễn để sinh viên tham gia vẫn còn nhiều bất cập, chưa thường xuyên, hiệu ứng của các hoạt động chưa cao. Sức hút, sức lan tỏa của phong trào sinh viên chưa mạnh, tính hấp dẫn của một số phong trào còn yếu, chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo của sinh viên. Các chương trình tình nguyện tại địa phương, chung sức cộng đồng... chưa thật sự đồng đều, toàn diện. Các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình... trong Nhà trường còn thiếu.

Từ khi chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự định hướng và quản lý của Nhà nước, bên cạnh những mặt tích cực, đã xuất hiện những cách sống và lối sống xa lạ, trái với các chuẩn mực của xã hội và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Thực tiễn chứng tỏ rằng, một bộ phận trong sinh viên của Trường hiện nay có lối sống sa đọa, dựa dẫm, thờ ơ, vô cảm, ít quan tâm đến những người xung quanh, ít quan tâm đến cộng đồng xã hội; quan hệ giữa người với người, tình làng nghĩa xóm, lòng bao dung độ lượng trong giao tiếp, ứng xử hằng ngày của học sinh, sinh viên dường như phai nhạt đi rất nhiều và có biểu hiện của sự phân biệt giàu nghèo. Chẳng hạn khi được hỏi: Khi thấy người gặp hoạn nạn, bạn sẽ hành động như thế nào thì có tới 42% có suy nghĩ cảnh giác kẻo “làm ơn mắc oán”, 42% phải xem là ai mới giúp đỡ, thậm chí còn có 10,6% không quan tâm, trong khi đó chỉ có 5,27% sinh viên chọn giúp đỡ chân thành. Khi được hỏi: Nếu thấy bạn bè có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật thì có tới 42,11% sinh viên không dám tố thái độ, 26,31% không quan tâm; 25,2% bao che cho bạn; chỉ có 6,37% chọn lên án, trong khi đây là hành động và việc làm rất cần thiết trong việc xây dựng lối sống lành mạnh cho sinh viên [5; tr.26].

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển về kinh tế, đời sống vật chất của đa số học sinh, sinh viên đã khá hơn trước rất nhiều. Tuy nhiên, cùng với sự đầy đủ về vật chất, trong lối sống của học sinh, sinh viên Trường Đại học Hồng Đức đã và đang xuất hiện tâm lý sùng hàng ngoại, lối sống tự do kiểu phương Tây với những quan niệm về cuộc sống, về tình yêu, tình bạn không lành mạnh, trái với quan niệm đạo đức truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam. Chẳng hạn, khi được hỏi quan niệm về tình yêu trong sinh viên có tới 68,42% sinh viên quan niệm đó là tình yêu không mục đích, 21,05% cho rằng yêu cho vui và 10,53% cho rằng đó là tình yêu vụ lợi. Khi được hỏi Bạn có thái độ thế nào với xu hướng sống thử trong sinh viên hiện nay, chỉ có 21% sinh viên không đồng tình, có 73,69% sinh

viên không quan tâm đến vấn đề này, thậm chí vẫn còn 5,26% sinh viên đồng tình và cho rằng nên thử cho biết. Đánh giá về tình bạn trong sinh viên hiện nay, có tới 42,1% sinh viên cho rằng đó là sự lợi dụng nhau [5; tr.26].

Có thể thấy, bên cạnh những học sinh, sinh viên có lối sống lành mạnh, học tập nghiêm túc, vẫn có không ít học sinh, sinh viên đua đòi, buông thả, học hành sa sút, có em còn sa vào các tệ nạn xã hội. Việc phân phối thời gian rời bất hợp lý: bỏ phí quá nhiều thời gian vào việc giao lưu bạn bè, xem phim, lên mạng, đi shopping... trong khi dành cho tự học, đọc sách là quá ít (chỉ có 21% sinh viên thường xuyên tự học). Với sự phát triển của công nghệ thông tin, mạng lưới internet, game online và các trang mạng xã hội, trong lối sống của sinh viên hiện nay còn nảy sinh vấn đề sống ảo, xu hướng ngại tham gia các công tác đoàn thể, xã hội chỉ muốn tham gia các hoạt động chuyên môn đơn thuần ngày càng phổ biến. Trong 500 sinh viên được hỏi thì có tới 47,37% câu trả lời là không thích tham gia các hoạt động do Đoàn trường tổ chức, 31,58% thi thoảng tham gia, 15,79% không quan tâm, chỉ có 5,26% là thường xuyên tham gia. Khi được hỏi đó thực sự là vấn đề đáng lo ngại trong lối sống của sinh viên hiện nay [5; tr.27].

Thực trạng trên cho thấy, trong thời gian tới, công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thế hệ trẻ trong nhà trường cần phải được tiếp tục tăng cường và nâng cao về chất lượng, nhằm góp phần vào mục tiêu xây dựng thế hệ trẻ Việt Nam giàu lòng yêu nước, tự cường dân tộc, kiên định lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có đạo đức trong sáng, ý thức tuân thủ pháp luật; có năng lực, bản lĩnh trong hội nhập quốc tế; có sức khỏe, tri thức, kỹ năng lao động, trở thành những công dân tốt, tích cực tham gia vào sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhận định về sự cần thiết của việc giáo dục đạo đức, lối sống ngay bản thân các sinh viên cũng có 50,2% sinh viên cho rằng rất cần thiết, 49,8% sinh viên trả lời là cần thiết. Điều đó chứng tỏ, việc giáo dục lối sống văn hóa cho sinh viên ngày nay là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng và cấp bách.

2.3 Những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục lối sống văn hóa cho sinh viên Trường Đại học Hồng Đức hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3.1. Kết hợp chặt chẽ giữa Nhà trường và gia đình trong giáo dục lối sống văn hóa cho sinh viên

Gia đình là nơi nuôi dưỡng hình thành nhân cách đầu tiên cho mỗi con người, là môi trường đầu tiên hình thành đạo đức cho sinh viên. Gia đình là nơi hội tụ của truyền thống dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước, yêu thương con người được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Do đó, trong gia đình, thế hệ ông bà, cha mẹ phải làm gương về đạo đức, giữ gìn nề nếp gia phong, có lối sống mẫu mực cho con cháu noi theo.

Nhà trường được xem như là gia đình thứ hai của mỗi con người, là cầu nối giữa gia đình và xã hội trong quá trình rèn luyện cá nhân. Nhà trường không chỉ dạy kiến thức, dạy nghề mà còn là nơi dạy làm người. Bên cạnh việc trang bị kiến thức chuyên môn, tay nghề Nhà trường cần quan tâm giáo dục đạo đức, lối sống khơi gợi cho sinh viên những lý tưởng

cao đẹp, khát khao cuộc sống. Mỗi thầy cô là một tấm gương về đạo đức, lối sống. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập các môn lý luận chính trị, đạo đức, bảo đảm thực chất, giúp học sinh, sinh viên nhận thức sâu sắc, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sống có văn hoá, nghĩa tình, phấn đấu thực hiện mục tiêu “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần tự cường dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và con đường phát triển đất nước.

Bên cạnh gia đình, Nhà trường, sinh viên cũng ảnh hưởng cả mặt tích cực và mặt tiêu cực từ môi trường xã hội bên ngoài. Vì vậy các tổ chức, đoàn thể, các ban ngành và xã hội cần quan tâm định hướng tạo môi trường thuận lợi để sinh viên phấn đấu, rèn luyện, trưởng thành.

2.3.2. Nâng cao hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên trong Nhà trường

Cuộc vận động “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” thực sự đã lan toả sâu rộng trong toàn xã hội, có tác động rất tích cực đến sinh viên Trường Đại học Hồng Đức. Tuy nhiên, chúng ta cần phải tiếp tục tuyên truyền sâu rộng hơn nữa về hoạt động này. Cần đẩy mạnh tuyên truyền thông qua website, thông qua phát thanh, qua bản tin nội bộ... Tăng cường giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh trong các hoạt động ngoại khoá. Kết hợp giáo dục tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với giáo dục truyền thống, bản sắc văn hoá Việt Nam tới sinh viên. Có thể thông qua Hội sinh viên, Liên chi đoàn các khoa để xây dựng các câu lạc bộ, đội, nhóm, diễn đàn để trao đổi, giải đáp thắc mắc các vấn đề về tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh. Cần kết hợp giữa giáo dục những phẩm chất truyền thống như yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, trung hiếu, cần, kiệm... với các giá trị đạo đức mới như chủ động, sáng tạo, tự lập, tự chủ, vượt khó.

2.3.3. Phát huy vai trò của Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên và các tổ chức trong Nhà trường

Nâng cao chất lượng tổ chức các phong trào của thanh niên, Hội sinh viên do tổ chức Đoàn, Hội các cấp phát động, nhất là các dịp kỷ niệm ngày lễ lớn, sự kiện chính trị trọng đại của dân tộc, đất nước và của tỉnh.

Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền có hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến thanh niên, sinh viên gắn với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chiến lược phát triển Gia đình Việt Nam, chiến lược phát triển Thanh niên Việt Nam. Chú trọng giáo dục lịch sử, truyền thống, văn hóa; khẳng định những thành tựu kinh tế - xã hội của tỉnh, của đất nước, nhất là trong thời kỳ đổi mới và hội nhập. Tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị trong đoàn viên, thanh niên gắn với dịp kỷ niệm các ngày lễ, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước bằng nhiều hình thức phong phú như: diễn đàn, tọa đàm, ngày hội thanh niên, liên hoan tuyên truyền ca khúc cách mạng, xem phim lịch sử... để bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, khát vọng vươn lên trong học sinh, sinh viên.

Đề cao vai trò nêu gương của cán bộ Đoàn; nhân rộng điển hình tiên tiến gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phát huy tinh thần tự học tập, rèn luyện, phấn đấu trong cán bộ, đoàn viên, thanh thiếu nhi. Tiếp tục đẩy mạnh, phát huy hiệu quả chương trình *Thấp sáng ước mơ tuổi trẻ Việt Nam* trong các đối tượng đoàn viên, thanh niên; phong trào *Sinh viên 5 tốt* và phong trào cụ thể hóa nội dung học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong các hoạt động như: Tháng Thanh niên, Chiến dịch hè tình nguyện, chương trình *Thanh niên chung tay xây dựng nông thôn mới*, cuộc vận động *Nghĩa tình biên giới hải đảo*, *Trái tim hồng cho em...* Tổ chức thực hiện các công trình, phần việc thanh niên, bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của địa phương. Nâng cao chất lượng đoàn viên và công tác bồi dưỡng, giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng.

2.3.4. Phát huy tính tích cực, tự giác của sinh viên trong quá trình xây dựng lối sống văn hóa

Phương châm của đổi mới giáo dục là chuyển từ truyền thụ tri thức sang phát triển phẩm chất và năng lực. Giáo dục phát huy vai trò tự học tập, tự tu dưỡng đạo đức, lối sống là biện pháp quan trọng giúp học sinh, sinh viên tiến bộ, trưởng thành; hình thành cho các em nhu cầu, động cơ phấn đấu, rèn luyện đúng đắn, làm cho mỗi người có ý thức làm chủ, ham học hỏi, cầu tiến bộ, vươn lên tự khẳng định mình. Đó là điều kiện quyết định kết quả rèn luyện của mỗi học sinh, sinh viên.

Tạo môi trường xã hội lành mạnh để mỗi học sinh, sinh viên tự rèn luyện, tu dưỡng và học tập, hướng đến việc hình thành và phát triển những phẩm chất sống yêu thương, có trách nhiệm và sống tự chủ, từ đó xác định rõ trách nhiệm trước Tổ quốc và nhân dân, sống có lý tưởng, có hoài bão, khát khao vươn tới cái mới, cái tiến bộ.

2.3.5. Thực hiện tốt phương châm: Học đi đôi với hành, nêu gương người tốt, việc tốt trong giáo dục lối sống văn hóa cho sinh viên

Cùng với việc giáo dục lối sống cho sinh viên thông qua các môn học chính khóa, việc tăng cường các hoạt động giáo dục ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp cũng được triển khai ở Trường Đại học Hồng Đức. Thông qua các hoạt động sinh hoạt câu lạc bộ dưới nhiều hình thức sẽ giúp sinh viên hình thành kỹ năng sống và mạnh dạn hơn trong giao tiếp. Nên tập hợp, thu hút sinh viên vào các hoạt động bổ ích, thiết thực như câu lạc bộ nghiên cứu khoa học, hội thi nữ sinh thanh lịch, các hội thi khoa học như *Hành trình vì khát vọng Việt, Khởi nghiệp...*, các cuộc thi tìm hiểu về truyền thống dân tộc và các mạng, hoạt động văn hóa thể thao, như cuộc thi *Rung chuông vàng, Theo dòng lịch sử*; các hoạt động thiện nguyện... Qua các hoạt động đó có thể xã hội hóa giáo dục, cá thể hóa nhân cách lối sống của sinh viên. Kêu gọi sinh viên tham gia các phong trào tình nguyện như: *Thanh niên lập nghiệp và tuổi trẻ giữ nước, Thanh niên tình nguyện, Chiến dịch mùa hè xanh...* Kết thúc các hoạt động cần nêu gương, biểu dương các tấm gương xuất sắc, điển hình để khuyến khích sinh viên có lối sống tích cực.

3. KẾT LUẬN

Xây dựng lối sống mới luôn được Hồ Chí Minh quan tâm. Người đã nhấn mạnh quá trình xây dựng lối sống mới cũng là quá trình làm cho lối sống mới dần dần trở thành thói quen ở mỗi người, thành phong tục tập quán của cả một cộng đồng, trong phạm vi một địa phương hay mở rộng ra cả nước. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, lối sống mới mà Đảng và nhân dân ta hướng đến xây dựng là lối sống phải kế thừa được các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc đồng thời tiếp thu, tiếp biến những tinh hoa văn hóa nhân loại. Sinh viên là những người năng động, trẻ trung, sáng tạo luôn hướng đến cái mới. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay, lối sống của sinh viên có nhiều biến đổi theo hướng tích cực (tiếp thu giá trị mới, hiện đại), vừa theo hướng tiêu cực (có những biểu hiện không phù hợp với các chuẩn mực luật pháp và đạo đức, với các giá trị truyền thống của dân tộc). Việc giáo dục để hình thành lối sống lành mạnh, phù hợp cho sinh viên hiện nay không chỉ là một nhiệm vụ của gia đình, nhà trường, của xã hội mà còn góp phần giáo dục thị hiếu thẩm mỹ cho sinh viên. Bởi lẽ, trong lối sống con người thể hiện nhận thức, thái độ và hành vi về cái “chân, thiện, mỹ”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Tuyên giáo trung ương (2014), *Tài liệu học tập Nghị quyết và một số chủ trương của Hội nghị lần thứ IX Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Hồ Chí Minh toàn tập (2011), *tập 5*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Phạm Hồng Tung (2007), *Nghiên cứu về lối sống, Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận*, Tạp chí khoa học Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Xã hội và nhân văn, số 23.
- [4] Vũ Thị Lan (2017), *Giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục lối sống cho sinh viên trường Đại học Hồng Đức hiện nay, theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Báo cáo tổng kết Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, Trường Đại học Hồng Đức.
- [5] <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/chi-thi/doc>

EDUCATING HEALTHY LIFESTYLE FOR HONG DUC STUDENTS BASED ON HO CHI MINH'S VIEWPOINT: THE CURRENT SITUATION AND PROPOSED SOLUTIONS

Vu Thi Lan

ABSTRACT

University students play an important role in national sustainable development. This is because unlike other education level, they are trained both basically and technically towards their chosen careers. The widespread globalization and the emergence of market

economy in Vietnam have had both positive and negative impacts on lifestyle of Vietnamese university students in general and Hong Duc university students in particular. On the one hand, university students become open, energetic, proactive, and more responsible and self-reliant. On the other hand, they gradually care less about traditional values, custom and practices. By surveying lifestyle of and lifestyle education for Hong Duc university students, the paper indicates the current lifestyle of the students and draws upon Ho Chi Minh's viewpoint to propose some solutions to improve the quality of lifestyle education for Hong Duc university students.

Keywords: *Ho Chi Minh's viewpoint, lifestyle, lifestyle education.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP BIẾN PHÂN RITZ TRONG CÁC BÀI TẬP CƠ HỌC LƯỢNG TỬ CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH VẬT LÝ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Nguyễn Thị Ngọc¹

TÓM TẮT

Trong các bài toán cơ học lượng tử, phương trình Schrodinger áp dụng cho các hệ phức tạp không thể giải chính xác mà phải dùng các phương pháp gần đúng. Phương pháp biến phân là phương pháp gần đúng tìm ra các trị riêng và hàm riêng của Hamiltonian. Phương pháp biến phân dựa trên nhận định năng lượng trung bình của hệ lớn hơn hoặc bằng năng lượng của hệ ở trạng thái cân bằng. Việc tính năng lượng ở mức cơ bản đưa đến chọn một hàm thử chứa thông số chưa biết. Cực tiểu hóa năng lượng trung bình để tìm các thông số chưa biết trong hàm thử. Từ đó ta tính được năng lượng ở trạng thái cơ bản.

Từ khóa: *Hệ lượng tử, hàm Hamiltonian, hàm thử, phương pháp biến phân.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình giải bài tập cơ học lượng tử về phương trình Schrodinger cho các hệ lượng tử phức tạp, việc vận dụng lý thuyết vào giải bài tập là một vấn đề rất khó khăn đối với các sinh viên. Tài liệu tham khảo cho học tập bộ môn là hạn chế, giáo trình của một số tác giả về phần bài tập hầu như không có lời giải hoặc hướng dẫn phương pháp giải. Do đó, các sinh viên gặp rất nhiều khó khăn trong việc giải bài tập. Bài báo này sử dụng phương pháp biến phân Ritz trong giải bài tập cơ học lượng tử sẽ giúp cho các em nắm vững bản chất hiện tượng của các hệ lượng tử đó.

2. NỘI DUNG

2.1. Lý thuyết về phương pháp biến phân Ritz

Phương pháp biến phân là một trong các phương pháp gần đúng tìm ra các trị riêng và hàm riêng của Hamiltonian.

Phương pháp biến phân dựa trên nhận định năng lượng trung bình của hệ lớn hơn hoặc bằng năng lượng của hệ ở trạng thái cân bằng.

Việc tính năng lượng ở mức cơ bản đưa đến chọn một hàm thử chứa thông số chưa biết.

Cực tiểu hóa năng lượng trung bình để tìm các thông số chưa biết. Từ đó ta tính được năng lượng ở trạng thái cơ bản.

¹ Giảng viên khoa Khoa học Tự nhiên, Trường Đại học Hồng Đức

Cơ sở lý thuyết

Ta có giá trị trung bình của năng lượng: $\bar{E} = \frac{\int \psi^* \hat{H} \psi dx}{\int |\psi|^2 dx} = \int \psi^* \hat{H} \psi dx$ (1) (hàm sóng

đã được chuẩn hóa)

Khai triển hàm sóng ψ theo $\psi_n^{(0)}$ của toán tử không nhiễu loạn \hat{H}_0 . Ta có

$$\psi(x) = \sum_n C_n \psi_n^{(0)} \quad \text{với} \quad \sum_n |C_n|^2 = 1 \quad (2)$$

Thay (2) vào (1) ta được:

$$\begin{aligned} \bar{E} &= \int \sum_n C_n \psi_n^{*(0)} \hat{H} \sum_n C_n \psi_n^{(0)} dx = \int \sum_n |C_n|^2 \psi_n^{*(0)} \hat{H} \psi_n^{(0)} dx = \sum_n |C_n|^2 \int \psi_n^{*(0)} \hat{H} \psi_n^{(0)} dx \\ &= \sum_n |C_n|^2 \bar{E}_n \geq \sum_n |C_n|^2 E_0 \geq E_0 \end{aligned}$$

$$\text{Vậy } \bar{E} = \min \int \psi^* \hat{H} \psi dx$$

Nhận xét: Việc tính năng lượng ở trạng thái cơ bản ở biểu thức trên dẫn đến việc chọn “hàm thử” chứa một số thừa số chưa biết nào đó: α, β, \dots và $\psi(x, \alpha, \beta, \dots)$

$$\text{Tính} \quad J(\alpha, \beta, \dots) = \int \psi^*(x, \alpha, \beta, \dots) \hat{H} \psi(x, \alpha, \beta, \dots) dx$$

Tìm cực trị của $J(\alpha, \beta, \dots)$ đồng nghĩa với việc giải phương trình:

$$\frac{\partial J}{\partial \alpha} = \frac{\partial J}{\partial \beta} = \dots = 0 \Rightarrow \alpha_0, \beta_0, \dots$$

Nếu chọn tốt hàm thử ta có giá trị năng lượng $E = J(\alpha_0, \beta_0, \dots)$ gần với giá trị thật E_0 và lúc đó hệ số trạng thái cơ bản của hệ sẽ gần đúng với hàm $\psi_0(x, \alpha, \beta, \dots)$.

Phương pháp tính năng lượng cơ bản nói trên gọi là phương pháp biến phân Ritz.

Ngoài ra, người ta còn có thể tính năng lượng ở trạng thái kích thích thứ nhất E_1 hoặc trạng thái E_2 .

$$E_1 = \min \int \psi_1^* \hat{H} \psi_1 dx \quad \text{với} \quad \int \psi_1^* \psi_1 dx = 1; \int \psi_1^* \psi_0 dx = 0$$

$$E_2 = \min \int \psi_2^* \hat{H} \psi_2 dx \quad \text{với} \quad \int \psi_2^* \psi_2 dx = 1; \int \psi_2^* \psi_1 dx = 0; \int \psi_2^* \psi_0 dx = 0. \text{ Tiếp tục thực}$$

hiện các phép tính ta có thể tính năng lượng ở mức kích thích cao hơn.

2.2. Các bài tập sử dụng phương pháp biến phân Ritz

2.2.1. Phương pháp giải

Bước 1: Chọn một hàm thử chứa một thông số chưa biết nào đó $\psi(x, \alpha, \beta, \dots)$

Bước 2: Lập hàm $J(\alpha, \beta, \dots) = \int \psi^*(x, \alpha, \beta, \dots) \hat{H} \psi(x, \alpha, \beta, \dots) dx$

Tìm cực trị của $J(\alpha, \beta, \dots)$ đồng nghĩa với việc giải phương trình:

$$\frac{\partial J}{\partial \alpha} = \frac{\partial J}{\partial \beta} = \dots = 0 \Rightarrow \alpha_0, \beta_0, \dots$$

Viết lại $\psi(x, \alpha_0, \beta_0, \dots)$

Bước 3: Suy ra $E = J(\alpha_0, \beta_0, \dots)$

2.2.2. Các dạng bài tập áp dụng

Bài tập 1: Dùng phương pháp biến phân tìm năng lượng ở trạng thái cơ bản của hạt chuyển động trong trường thế $U(x) = U_0 x^4, U_0 = \text{const}$ với hàm thử được chọn

$$\psi(x) = A e^{-\frac{x^2}{\beta^2}} \text{ với } \int_{-\infty}^{+\infty} e^{-\alpha x^2} dx = \sqrt{\frac{\pi}{\alpha}}$$

Bài giải: Chuẩn hóa hàm sóng: $1 = \int_{-\infty}^{+\infty} A^2 e^{-\frac{2}{\beta^2} x^2} dx$

$$\text{Áp dụng tích phân } \int_{-\infty}^{+\infty} e^{-\alpha x^2} dx = \sqrt{\frac{\pi}{\alpha}} \quad \text{ta có: } 1 = A^2 \beta \sqrt{\frac{\pi}{2}} \Rightarrow A = \sqrt{\frac{1}{\beta \sqrt{\frac{\pi}{2}}}}$$

Lập hàm

$$\begin{aligned} J(\beta) &= \int \psi^* \hat{H} \psi dx = A^2 \int_{-\infty}^{+\infty} e^{-\frac{x^2}{\beta^2}} \left(-\frac{\hbar^2}{2m} \frac{d^2}{dx^2} + U_0 \cdot x^4 \right) e^{-\frac{x^2}{\beta^2}} dx \\ &= A^2 \left[\int_{-\infty}^{+\infty} e^{-\frac{x^2}{\beta^2}} \left(-\frac{\hbar^2}{2m} \frac{d^2 \left(e^{-\frac{x^2}{\beta^2}} \right)}{dx^2} \right) dx + \int_{-\infty}^{+\infty} e^{-\frac{2x^2}{\beta^2}} U_0 \cdot x^4 dx \right] = A^2 \left[\int_{-\infty}^{+\infty} e^{-\frac{2x^2}{\beta^2}} \frac{\hbar^2}{m\beta^2} \left(1 - \frac{2x^2}{\beta^2} \right) dx + \int_{-\infty}^{+\infty} e^{-\frac{2x^2}{\beta^2}} U_0 \cdot x^4 dx \right] \\ &= \frac{\hbar^2}{2m\beta^2} - \frac{\hbar^2}{2m\beta^5} \sqrt{\frac{\pi}{2}} \int_{-\infty}^{+\infty} e^{-\frac{2x^2}{\beta^2}} x^2 dx + A^2 \int_{-\infty}^{+\infty} e^{-\frac{2x^2}{\beta^2}} U_0 \cdot x^4 dx = \frac{\hbar^2}{2m\beta^2} - \frac{\hbar^2}{2m\beta^5} \sqrt{\frac{\pi}{2}} I_1 + A^2 I_2 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Đặt } I(\alpha) &= \int_{-\infty}^{+\infty} e^{-\alpha x^2} dx = \sqrt{\frac{\pi}{\alpha}} \text{ suy ra } \frac{\partial I(\alpha)}{\partial \alpha} = \int_{-\infty}^{+\infty} -x^2 e^{-\alpha x^2} dx = -\frac{1}{2} \sqrt{\pi} \alpha^{-3/2} \\ & \frac{\partial^2 I(\alpha)}{\partial \alpha^2} = \int_{-\infty}^{+\infty} x^4 e^{-\alpha x^2} dx = \frac{3}{4} \sqrt{\pi} \alpha^{-5/2} \end{aligned}$$

$$\text{Do đó: } +I_1 = \int_{-\infty}^{+\infty} x^2 \cdot e^{-\frac{2x^2}{\beta^2}} dx = \frac{\beta^3}{2} \sqrt{\frac{\pi}{2}} \quad \text{và} \quad I_2 = \int_{-\infty}^{+\infty} U_0 x^4 \cdot e^{-\frac{2x^2}{\beta^2}} dx = \frac{3U_0}{4} \sqrt{\frac{\pi}{\left(\frac{2}{\beta^2}\right)^5}}$$

$$\text{Vậy } J(\beta) = \frac{\hbar^2}{2m\beta^2} - \frac{\hbar^2}{2m\beta^5} \sqrt{\frac{\pi}{2}} I_1 + A^2 I_2 = \frac{\hbar^2}{2m\beta^2} + \frac{3}{16} U_0 \beta^4$$

$$\frac{\partial J(\beta)}{\partial \beta} = 0 \Leftrightarrow \frac{\hbar^2}{2m} (-2)\beta^{-3} + \frac{3}{4} U_0 \beta^3 = 0$$

Ta có:

$$\Rightarrow \beta_0^2 = \sqrt[3]{\frac{4\hbar^2}{3.mU_0}}$$

$$\text{Vậy } E_0 = \frac{\hbar^2}{2m\sqrt[3]{\frac{4\hbar^2}{3.mU_0}}} + \frac{3}{16} U_0 \sqrt[3]{\frac{4\hbar^2}{3.mU_0}}$$

Bài tập 2: Sử dụng phương pháp biến phân tìm năng lượng ở trạng thái cơ bản của nguyên tử Hydro với hàm thử $\psi(r) = A.e^{-\beta.r}$

$$\text{Với } \hat{H} = \frac{-\hbar^2}{2.m} \left[\frac{1}{r^2} \frac{\partial}{\partial r} \left(r^2 \frac{\partial}{\partial r} \right) + \frac{1}{r^2} \Delta_{(\theta,\varphi)} \right] - \frac{e^2}{r}$$

Bài giải: Chuẩn hóa hàm sóng:

$$1 = \int |\psi(r)|^2 dV = \int_0^{+\infty} A^2 \cdot e^{-2\beta.r} r^2 dr \int_0^\pi \sin \theta d\theta \int_0^{2\pi} d\varphi = 4\pi A^2 \int_0^{+\infty} e^{-2\beta.r} r^2 dr$$

Ta có:

$$I(\alpha) = \int_0^{+\infty} e^{-\alpha r} dr = \frac{-1}{\alpha} e^{-\alpha r} \Big|_0^{+\infty} = \frac{1}{\alpha} \Rightarrow \frac{\partial I(\alpha)}{\partial \alpha} = \int_0^{+\infty} r \cdot e^{-\alpha r} dr = -\frac{1}{\alpha^2}; \quad \frac{\partial^2 I(\alpha)}{\partial \alpha^2} = \int_0^{+\infty} r^2 \cdot e^{-\alpha r} dr = \frac{2}{\alpha^3}$$

$$\text{Suy ra } I = \int_0^{+\infty} e^{-2\beta.r} r^2 dr = \frac{1}{4\beta^3} \Rightarrow A^2 = \frac{\beta^3}{\pi}$$

$$\text{Lập hàm } J(\beta) = \int \psi^*(r) \hat{H} \psi(r) dV$$

Ta có:

$$\begin{aligned} \hat{H}\psi(r) &= \left\{ \frac{-\hbar^2}{2.m} \left[\frac{1}{r^2} \left(2r \frac{\partial}{\partial r} + r^2 \frac{\partial^2}{\partial r^2} \right) + \frac{1}{r^2} \Delta_{(\theta,\varphi)} \right] - \frac{e^2}{r} \right\} A.e^{-\beta.r} \\ &= \frac{-\hbar^2}{2.m} \left[\frac{2}{r} \frac{\partial}{\partial r} + \frac{\partial^2}{\partial r^2} \right] A.e^{-\beta.r} + 0 - \frac{e^2}{r} A.e^{-\beta.r} = A.e^{-\beta.r} \left[\frac{\hbar^2}{r.m} - \frac{\hbar^2}{2.m} \beta^2 - \frac{e^2}{r} \right] \end{aligned}$$

$$\Rightarrow J(\beta) = \int_0^{+\infty} A^2 e^{-2\beta r} \left[\frac{\hbar^2}{r.m} - \frac{\hbar^2}{2.m} \beta^2 - \frac{e^2}{r} \right] 4\pi r^2 dr = A^2 \left[\frac{\hbar^2}{m} \beta - e^2 \right] 4\pi \int_0^{+\infty} e^{-2\beta r} r dr - \frac{\hbar^2}{2.m} \beta^2$$

$$= \frac{\hbar^2}{m} \beta^2 - e^2 \beta - \frac{\hbar^2}{2.m} \beta^2 = \frac{\hbar^2}{m} \beta^2 - e^2 \beta$$

$$\frac{\partial J}{\partial \beta} = 0 \Leftrightarrow \frac{\hbar^2}{m} \beta - e^2 = 0 \Rightarrow \beta_0 = \frac{m}{\hbar^2} e^2$$

$$\text{Vậy: } E_0 = \frac{\hbar^2}{2.m} \frac{e^4 . m^2}{\hbar^4} - e^2 \frac{e^2 . m}{\hbar^2} = -\frac{e^4 . m}{\hbar^2}$$

Bài tập 3: Dùng phương pháp biến phân hãy tính gần đúng năng lượng trạng thái cơ bản của hạt trong hố thế sâu vô cùng, bề rộng a ($0 \leq x \leq a$).

Chọn hàm thử: $\psi(x) = A.x(x-a)$

Bài giải: Đối với giếng thế sâu vô hạn bề rộng là a ta có:

$$E_n^{(0)} = \frac{\pi^2 n^2 \hbar^2}{2ma^2} \text{ và } \psi_n^{(0)}(x) = \sqrt{\frac{2}{a}} \sin \frac{n\pi x}{a}.$$

Năng lượng trung bình được tính theo công thức:

$$\begin{aligned} \bar{E} &= \int \psi^* \hat{H} \psi dx = \int \psi^* \left(-\frac{\hbar^2}{2m} \frac{d^2}{dx^2} + U(x) \right) \psi dx \\ &= \int \psi^* \left(-\frac{\hbar^2}{2m} \frac{d^2 \psi}{dx^2} \right) dx + \int \psi^* U(x) \psi dx \\ &= -\frac{\hbar^2}{2m} \int \psi^* \frac{d^2 \psi}{dx^2} dx \end{aligned}$$

(Vì $\int \psi^* U(x) \psi dx = 0$ do tính chất của giếng thế sâu vô hạn)

Chuẩn hóa hàm sóng:

$$\psi(x) = A.x(x-a)$$

$$\int_0^a \psi^* \psi dx = 1 \Leftrightarrow \int_0^a A^2 x^2 (x-a)^2 dx = 1 \Leftrightarrow A^2 \int_0^a (x^4 - 2ax^3 + a^2x^2) dx = 1$$

$$\Rightarrow A^2 = \frac{30}{a^5}$$

Vậy năng lượng trung bình là:

$$\begin{aligned} \bar{E} &= -\frac{\hbar^2}{2m} \int_0^a \psi^* \frac{d^2 \psi}{dx^2} dx = -\frac{\hbar^2 A^2}{2m} \int_0^a (x^2 - a.x)^2 dx \\ &= \frac{\hbar^2}{m} \frac{30}{a^5} \frac{a^3}{6} = 5 \frac{\hbar^2}{ma^2} = 1,01 E_0 \end{aligned}$$

Bài tập 4: Áp dụng phương pháp biến phân tính năng lượng ở trạng thái cơ bản của một dao động tử điều hòa với $\hat{H} = \frac{-\hbar^2}{2m} \frac{d^2}{dx^2} + \frac{1}{2} m \omega^2 x^2$ với hàm thử được chọn

$$\psi(\alpha, x) = \begin{cases} 0 & \text{khi } x > -\alpha \\ \frac{x}{\alpha} + 1 & \text{khi } -\alpha < x < 0 \\ \alpha & \\ -\frac{x}{\alpha} + 1 & \text{khi } 0 < x < \alpha \\ 0 & \text{khi } x > \alpha \end{cases}$$

Bài giải: Đặt

$$J(\alpha) = \frac{\int \psi^* \hat{H} \psi dx}{\int \psi^* \psi dx} = \frac{\frac{-\hbar^2}{2m} \int_{-\alpha}^{+\alpha} \psi \psi'' dx + \frac{1}{2} m \omega^2 \int_{-\alpha}^{+\alpha} x^2 \psi^2 dx}{\int_{-\alpha}^{+\alpha} \psi^2 dx} \quad \text{Trong đó } \psi'' = \frac{d^2 \psi}{dx^2}. \text{ Tích}$$

phân dưới mẫu xuất hiện do hàm sóng chưa chuẩn hóa. Chuẩn hóa hàm sóng:

$$MS = \int_{-\alpha}^0 \left(\frac{x}{\alpha} + 1\right)^2 dx + \int_0^{\alpha} \left(-\frac{x}{\alpha} + 1\right)^2 dx = \int_{-\alpha}^0 \left(\frac{x^2}{\alpha^2} + 2\frac{x}{\alpha} + 1\right) dx + \int_0^{\alpha} \left(\frac{x^2}{\alpha^2} - 2\frac{x}{\alpha} + 1\right) dx = \frac{2\alpha}{3}$$

Xét tử số:

$$+ \int_{-\alpha}^{+\alpha} x^2 \psi^2 dx = \int_{-\alpha}^0 \left(\frac{x^4}{\alpha^2} + 2\frac{x^3}{\alpha} + x^2\right) dx + \int_0^{\alpha} \left(\frac{x^4}{\alpha^2} - 2\frac{x^3}{\alpha} + x^2\right) dx = \frac{1}{15} \alpha^3$$

+ Tính $\int \psi \psi'' dx$ và cần lưu ý:

$$\psi'(x, \alpha) = \begin{cases} \frac{1}{\alpha} \text{ khi } x < 0 \\ \alpha \\ -\frac{1}{\alpha} \text{ khi } x > 0 \end{cases}$$

$$\text{Do đó } \psi'(x, \alpha) = \frac{1}{\alpha} [-\eta(x) + \eta(-x)] \quad \text{với } \eta'(x) = \begin{cases} 0 & \text{khi } x < 0 \\ 1 & \text{khi } x > 0 \end{cases}$$

Ta biết $\eta'(x) = \delta(x)$ $\delta(x)$ là hàm DeltaDirac

$$\psi''(x, \alpha) = \frac{1}{\alpha} [-\delta(x) + \delta(-x)] = -\frac{2}{\alpha} \delta(x)$$

Do đó:

$$\int_{-\alpha}^{+\alpha} \psi \psi'' dx = \frac{-2}{\alpha} \int_{-\alpha}^{+\alpha} \psi(\alpha, x) \delta(x) dx = \frac{-2}{\alpha} \psi(\alpha, 0) = \frac{-2}{\alpha}$$

Vậy:

$$J(\alpha) = \frac{\frac{2}{\alpha} \frac{\hbar^2}{2m} + \frac{m\omega^2}{2} \frac{1}{15} \alpha^3}{\frac{2\alpha}{3}} = \frac{3}{2} \frac{\hbar^2}{m\alpha^2} + \frac{1}{20} m\omega^2 \alpha^2$$

Từ điều kiện cực tiểu của hàm $J(\alpha)$

$$\frac{\partial J(\alpha)}{\partial \alpha} = 0 \Leftrightarrow -3 \frac{\hbar^2}{m\alpha^3} + \frac{1}{10} m\omega^2 \alpha = 0 \Rightarrow \alpha_0^2 = \sqrt{30} \frac{\hbar}{m\omega}$$

Vậy năng lượng ở trạng thái cơ bản là:

$$J(\alpha_0) = \frac{\sqrt{30}}{20} \hbar\omega + \frac{\sqrt{30}}{20} \hbar\omega = \frac{\sqrt{30}}{10} \hbar\omega$$

3. KẾT LUẬN

Phương pháp biến phân là một trong các phương pháp quan trọng của cơ lượng tử. Áp dụng phương pháp biến phân, chúng ta tìm ra được các trị riêng và hàm riêng của Hamiltonian cho các hệ lượng tử phức tạp mà các phương pháp chính xác không giải được. Hệ thống các dạng bài tập trong bài báo này đã được áp dụng cho sinh viên của Trường Đại học Hồng Đức, sinh viên đã nâng cao năng lực giải các bài toán vật lý và vận dụng phương pháp biến phân vào giải bài tập cơ học lượng tử. Đây cũng là một trong các tài liệu bổ ích cho các sinh viên và giảng viên vật lý trong quá trình giảng dạy môn cơ học lượng tử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hoàng Dũng (2002), *Bài tập Cơ học Lượng tử*. Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Vũ Văn Hùng (2004), *Giáo trình Cơ học Lượng tử*. Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [3] Vũ Văn Hùng (2005), *Bài tập Cơ học Lượng tử*. Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Hữu Minh, Tạ Duy Lợi, Đỗ Đình Thanh, Lê Trọng Tường (1996), *Bài tập vật lý lý thuyết*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Amit Goswami (1997), *Quantum Mechanics*, Wm.C. Brown Publishers.

USE THE VARIABLE OF THE RITZ IN THE QUANTUM MECHANIC EXERCISES FOR PHYSICS STUDENTS AT HONG DUC UNIVERSITY

Nguyen Thi Ngoc

ABSTRACT

In the mathematics of quantum mechanics, Schrodinger equation applied to complex systems could not solve correctly but it is necessary to use the approximate methods. Methods of variations are the approximate method of finding the eigenvalues and function

of Hamiltonian. Variational methods based on the identification of the average energy of the system which is greater than or equal to the energy of the system at equilibrium. The calculation of basic energy level taken to a choice of a test function contains unknown parameters. Minimizing the average energy to find the unknown parameters in the function test. From which we calculate the energy in basic status.

Keywords: *Quantum mechanic, function Hamiltonian, test, methods of variation.*

XÁC ĐỊNH HỆ GIÁ TRỊ CẦN ĐỊNH HƯỚNG CHO SINH VIÊN TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

Mai Thị Quý¹

TÓM TẮT

Trong bối cảnh tình hình trong nước và thế giới có rất nhiều biến động, hệ giá trị xã hội ở nước ta hiện nay đang có sự xung đột, đảo lộn ở những mức độ khác nhau làm cho không ít sinh viên đang rơi vào tình trạng lúng túng, dao động, thậm chí mất phương hướng, mất định hướng trong việc xác định hệ giá trị, lựa chọn giá trị phù hợp và chuẩn mực làm động lực trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện. Trong bài viết này, trên cơ sở nghiên cứu dựa trên nhiều căn cứ khác nhau, tác giả đã đề xuất một hệ giá trị cần định hướng cho sinh viên trong điều kiện hiện nay.

Từ khóa: *Giá trị, hệ giá trị, định hướng giá trị cho sinh viên.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, tình hình kinh tế - xã hội của nước ta đã và đang có nhiều biến đổi theo hướng phát triển. Cơ chế kinh tế thị trường và cùng với nó là toàn cầu hoá hội nhập quốc tế đã và đang mang lại nhiều cơ hội thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển đất nước. Bên cạnh những biến đổi kinh tế, xã hội, hệ giá trị xã hội cũng đang bị xáo trộn, thang giá trị xã hội bị đảo lộn, sự xung đột giá trị đang diễn ra hết sức phức tạp. Một số giá trị trước đây được xã hội chấp nhận giờ đây đang trở thành lạc hậu; ngược lại, một số hiện tượng trước đây được coi là phản giá trị thì giờ đây lại được lựa chọn; một số giá trị truyền thống đang bị xung đột bởi những giá trị ngoại nhập... Trong bối cảnh đó, thế hệ trẻ nói chung và sinh viên nói riêng đang rơi vào tình trạng lúng túng, dao động, thậm chí mất phương hướng, mất định hướng trong việc xác định hệ giá trị, lựa chọn giá trị phù hợp và chuẩn mực làm động lực trong học tập, tu dưỡng, rèn luyện. Có thể nói, việc chệch hướng trong lựa chọn chuẩn giá trị đang được đặt ra như một nguy cơ, thách thức. Mất định hướng trong việc xác định chuẩn giá trị xã hội sẽ dẫn đến sai lầm trong việc lựa chọn hành vi, nó không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của họ mà còn gây trở ngại cho sự phát triển của cả cộng đồng. Do đó, việc định hướng giá trị, xác định những chuẩn giá trị xã hội đúng đắn và định hướng cho sinh viên trong giai đoạn hiện nay đang được đặt ra như một yêu cầu cấp bách cả về mặt lý luận và thực tiễn.

2. NỘI DUNG

Theo chúng tôi, hệ giá trị cần định hướng cho sinh viên được chia thành hai loại đó là: những giá trị chung của cuộc sống và giá trị nhân cách.

¹Giảng viên khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

2.1. Những giá trị chung của cuộc sống

Nhóm các giá trị chính trị - đạo đức - thẩm mỹ

Một là, hoà bình, ổn định, độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc. Mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt là thế hệ trẻ, phải luôn thấy được giá trị lớn lao này và cần có ý thức bảo vệ cuộc sống hoà bình, giữ gìn sự ổn định chính trị - xã hội, an ninh trật tự an toàn cho cộng đồng, cho đất nước. Có an cư mới lạc nghiệp, có ổn định hoà bình mới có hợp tác, phồn vinh, phát triển, ấm no, tự do, hạnh phúc cho mỗi người và cho cộng đồng. Nhân dân ta đã phải chiến đấu, hy sinh biết bao thế hệ mới có được nền hoà bình. Những thương đau, mất mát của chiến tranh để lại, những cuộc chiến tranh, xung đột bạo lực đã và đang diễn ra trên thế giới cùng với những hậu quả của nó khiến chúng ta càng thấy rõ hơn giá trị lớn lao của cuộc sống thanh bình và quyết tâm bảo vệ nó. Trong giai đoạn hiện nay, mặc dù đất nước không còn chiến tranh nhưng không vì thế mà chúng ta được phép chủ quan với những âm mưu phá hoại, chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch. Với âm mưu “Diễn biến hoà bình”, các lực lượng phản động trong và ngoài nước vẫn hàng ngày hàng giờ dùng những chiêu bài như: tôn giáo, nhân quyền, dân chủ, dân tộc... để gây rối trật tự trị an của nước ta, làm mất lòng tin và gây tâm lý hoang mang ở một bộ phận dân chúng. Vì vậy, hơn lúc nào hết, thanh niên, sinh viên, bằng sức mạnh của trí thức, của tuổi trẻ cần thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn nền hoà bình, ổn định và an ninh quốc gia như một giá trị cơ bản, hàng đầu.

Hoà bình, ổn định gắn liền với việc bảo vệ nền độc lập và sự thống nhất, vẹn toàn của đất nước. Câu nói bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”! không chỉ thể hiện khát vọng và ý chí giành độc lập, tự do cho Tổ quốc mà đã trở thành khát vọng, là giá trị cao cả nhất, thiêng liêng nhất, tạo nên sức mạnh to lớn cho mỗi người dân Việt Nam trong những thập kỷ đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Với quyết tâm đó, các thế hệ người Việt Nam đã giành, giữ và trao lại cho nhau giá trị thiêng liêng, cao quý đó. Thế hệ trẻ ngày nay càng cần phải trân trọng giá trị này và cần có ý thức, ý chí và hành vi sẵn sàng bảo vệ nền độc lập, thống nhất của Tổ quốc, cảnh giác với mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phá hoại, chia rẽ làm tổn hại đến độc lập và thống nhất đất nước. *Hoà bình, ổn định, độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc* đã, đang và mãi mãi là những giá trị cốt lõi trong hệ giá trị của dân tộc Việt Nam mà mọi con dân Việt Nam cần phải trân trọng, giữ gìn và hướng tới.

Hai là, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là những giá trị cốt lõi định hình cho một mô hình xã hội tương lai mà chúng ta đang hướng tới - xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Những giá trị này đã được Đảng ta đưa ra trong các Văn kiện của nhiều kỳ Đại hội gần đây và là kim chỉ nam cho toàn bộ đường lối, chủ trương của Đảng cũng như chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định về giá trị của độc lập, tự do rằng “dù có phải đốt cả dãy Trường Sơn cũng phải quyết giành cho được độc lập” nhưng Người cũng khẳng định rằng, nếu độc lập mà người dân không có đủ cơm ăn, áo mặc, không được

học hành thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì và “ham muốn tốt bậc” của Người là: “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Điều này cho thấy, mục tiêu cuối cùng của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là vì cuộc sống của đại đa số nhân dân lao động. Sau hơn 30 năm đổi mới, đời sống của đa số người dân Việt Nam đã được nâng lên rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người tăng nhiều lần so với trước đây. Tuy nhiên, so với các nước trong khu vực và thế giới, thu nhập bình quân đầu người ở nước ta vẫn còn rất thấp, đời sống của một bộ phận người dân còn rất khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn cao. Thực tế này buộc chúng ta phải tiếp tục phấn đấu nhiều hơn nữa để nâng cao thu nhập của người dân, tạo điều kiện để mỗi người dân có thể làm giàu hợp pháp cho bản thân, gia đình và cho cả xã hội. Vì vậy, cần phải xem việc làm giàu hợp pháp là một giá trị.

Dân chủ cũng là thành quả của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trải qua hơn một nghìn năm Bắc thuộc và hơn 10 thế kỷ của các triều đại phong kiến, người dân Việt Nam không hề biết đến quyền dân chủ. Cách mạng Tháng Tám lần đầu tiên đã đem quyền dân chủ đến cho người dân. Lần đầu tiên trong lịch sử, năm 1946 người dân Việt Nam đã được cầm trên tay lá phiếu để bầu nên nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Cũng từ đó đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn chú trọng mở rộng và phát huy quyền dân chủ của nhân dân. Người dân ngày càng được tham gia nhiều hơn vào các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Người dân có được những quyền dân chủ thực sự trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội. Như quyền ứng cử, bầu cử; quyền khiếu nại, tố cáo; quyền được tham gia góp ý cho các công việc trọng đại của đất nước; quyền tự do làm ăn, kinh doanh theo pháp luật; quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng; quyền được đi học, được chăm sóc sức khỏe... Như vậy, *dân chủ* cũng là một trong những giá trị cốt lõi mà chúng ta cần chiếm lĩnh để xây dựng xã hội Việt Nam thực sự là một xã hội dân chủ.

Công bằng xã hội là một trong những động lực cơ bản của sự phát triển kinh tế - xã hội, bởi nó là yếu tố có tác động trực tiếp đến lợi ích của người lao động và thông qua đó mà kích thích tính tích cực của họ, từ đó huy động được mọi nguồn lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Công bằng xã hội cũng là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá tính nhân văn, trình độ văn minh, tính minh bạch của một xã hội. Chính vì vậy, hướng tới một xã hội công bằng được Đảng ta coi là một trong những mục tiêu cơ bản và vì vậy, công bằng cũng cần được coi là một trong những giá trị cốt lõi định hướng cho sự phát triển của đất nước và mọi người dân trong đó có sinh viên đều phải có trách nhiệm tạo dựng, bảo vệ giá trị này.

Văn minh cũng là một giá trị mà tất cả các dân tộc trên thế giới đều muốn hướng tới. Một xã hội văn minh được hiểu là một xã hội có sự phát triển hài hòa trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, đạt đến một trình độ nhất định của xã hội loài người với những đặc trưng riêng. Đó là một xã hội có trình độ phát triển kinh tế cao, kết cấu hạ tầng vật chất - kỹ thuật của xã hội hiện đại, đời sống vật chất của người dân được đảm bảo, có môi trường chính trị ổn định và đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh, tiến bộ vừa có bản sắc riêng vừa phù hợp với xu thế của thời đại. Xây dựng một xã hội văn minh ở Việt Nam là sự kết hợp giữa truyền thống với hiện đại, giữa kinh tế với chính trị, văn hóa - xã hội, giữa

quá khứ với hiện tại và tương lai. Vì vậy, văn minh cần được coi là một giá trị bao quát của xã hội và để đạt được giá trị này, cần có sự góp sức của mọi người dân trong đó có sinh viên.

Ba là, nhân văn, nhân đạo. Hiểu theo nghĩa chung nhất, nhân văn, nhân đạo là lòng yêu thương con người, sự khoan dung, độ lượng, chống lại cái ác, hướng tới cái thiện vì quyền tự do và hạnh phúc cao cả của con người. Trong bảng giá trị tinh thần của người Việt, tư tưởng nhân văn truyền thống Việt Nam là một trong những giá trị đáng quý và đáng tự hào nhất. Trải qua trường kỳ lịch sử, giá trị nhân văn truyền thống đã phát huy sức mạnh của mình và đóng góp một phần rất lớn vào những thắng lợi oanh liệt của dân tộc. Đồng thời, chính nó cũng đã khẳng định trước thế giới một giá trị tinh thần truyền thống vô cùng đáng quý của người dân Việt Nam. Tuy nhiên, do sự tác động của toàn cầu hoá, của cơ chế kinh tế thị trường và của một số nhân tố khác, giá trị nhân văn của dân tộc ta nói riêng, cũng như của toàn nhân loại nói chung, đang có nguy cơ bị đe dọa. Nạn ô nhiễm môi trường, những cuộc chạy đua vũ trang, chiến tranh sinh học, số tội phạm ngày càng tăng nhanh, trong đó mức độ phi nhân tính là rất cao, tình yêu thương đùm bọc giữa con người với con người dường như đang bị lấn át bởi những quan hệ vật chất, tiền bạc.

Những hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội đang lan tràn, sự gia tăng tội ác và tội phạm, xu hướng cái giả, cái ác phi nhân tính đang đe dọa cái thật, cái tốt thuộc về nhân tính trong đời sống hiện thực của con người và mỗi quan hệ của con người đang làm cho mỗi chúng ta phải trăn trở, nhức nhối - một nỗi đau không của riêng ai. Những cái xấu, cái ác từ tinh vi đến trắng trợn đang lộng hành, chà đạp và xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người. Từ những thái độ dửng dưng vô tình, vô cảm của những kẻ coi nặng đồng tiền và sự giàu sang về vật chất được nảy sinh từ kinh tế thị trường đến những hành vi độc ác, đê tiện và tàn bạo với sự trỗi dậy của bản năng và thú tính của những kẻ bất lương, của những phần tử thoái hóa biến chất lợi dụng chức quyền để mưu lợi cá nhân đang xâm hại đến lợi ích của xã hội, lợi ích của nhân dân. Những bức xúc trong đời sống xã hội đang là nỗi lo và là sự thách thức lớn đối với sự phát triển của dân tộc. Trước tình hình đó, hơn lúc nào hết, giá trị nhân văn truyền thống cần phải được kế thừa và phát huy mạnh mẽ để vừa tạo nên sức mạnh cho dân tộc vừa khẳng định giá trị con người Việt Nam.

Bốn là, giá trị thẩm mỹ. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu và năng lực thẩm mỹ cũng theo đó mà ngày càng cao. Nói cách khác, trình độ và năng lực thẩm mỹ chính là thước đo trình độ tiến bộ của một xã hội. Khi đất nước còn nhiều khó khăn, người ta chỉ lo sao có thể “ăn no, mặc ấm”, nhưng khi đời sống được nâng cao thì người ta bắt đầu có nhu cầu “ăn ngon, mặc đẹp”, đó cũng là lẽ đương nhiên. Trong xã hội hiện đại, bất cứ ai trong chúng ta cũng mong muốn hướng tới cái đẹp, trở thành một người “đẹp” cả về hình thể lẫn trí tuệ, tâm hồn và có thể được hưởng thụ, sáng tạo cái đẹp. Điều đó có nghĩa là giá trị thẩm mỹ đang trở thành một giá trị tinh thần thiết yếu đối với mỗi con người. Tuy nhiên, do trình độ và năng lực thẩm mỹ còn hạn chế nên có không ít người trong quá trình tìm đến cái đẹp lại bị lệch chuẩn, chưa đủ khả năng để phân định đâu là đẹp, đâu là xấu nên bị mất phương hướng, sai mục đích, gây nên những hiện tượng phản thẩm mỹ. Hiện tượng này cũng xảy ra ở không ít thanh thiếu niên, sinh viên biểu hiện ở lối sống, tác phong,

hành vi ứng xử, ăn mặc, đi đứng, nói năng, cười đùa... không chuẩn mực gây sự phản cảm, phản giá trị, đi ngược lại với những tiêu chí về cái đẹp. Chính vì vậy, cần phải làm cho sinh viên nhận thức đúng về vai trò của giá trị thẩm mỹ, giúp họ vươn tới cái đẹp trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Nhóm các giá trị kinh tế - xã hội

Thứ nhất, những giá trị nghề nghiệp, việc làm. Nghề nghiệp và việc làm luôn là mối quan tâm hàng đầu của mọi người nói chung và sinh viên nói riêng. Nhưng chọn nghề gì và để làm tốt nghề đó thì cần phải trang bị những kỹ năng gì thì không ít thanh niên, sinh viên tỏ ra lúng túng. Vì vậy, họ cần phải hiểu biết về nghề nghiệp và những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản để có thể có được một việc làm ổn định, thu nhập cao. Xu thế hiện nay sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông, các em đều mong muốn được vào đại học mặc dù hiện tượng “thừa thầy, thiếu thợ” đang xảy ra khá phổ biến. Hiện tượng sinh viên ra trường không xin được việc làm hoặc phải làm việc trái với chuyên môn đào tạo khá phổ biến. Cần phải có quan niệm đúng đắn về việc làm và nghề nghiệp. Trong điều kiện hiện nay, làm nghề gì cũng đáng quý, đáng trân trọng nếu như nghề đó không vi phạm pháp luật và đạo đức, đem lại thu nhập chính đáng cho bản thân và gia đình. Trong cơ chế thị trường, sức lao động cũng là hàng hoá, cũng tham gia vào cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, cũng chịu tác động của quy luật cung - cầu... Vì vậy, việc không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao năng lực và phẩm chất nghề nghiệp của bản thân trở thành một giá trị đặc biệt quan trọng trong cuộc sống cá nhân, gia đình và cộng đồng. Ngày nay, cùng với việc nâng cao tri thức, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, sinh viên phải cần cố gắng để nắm bắt được các phương tiện hiện đại như ngoại ngữ, tin học... Mặt khác, học cần phải được giáo dục và tự giáo dục những phẩm chất như: tinh thần trách nhiệm, lòng trung thực trong lao động, thái độ sẵn sàng hợp tác, ứng xử văn minh trong quan hệ với đồng nghiệp, khách hàng.

Hai là, tình yêu và cuộc sống gia đình. Tình yêu là giá trị nổi bật của tuổi trẻ. Nó có thể đem lại sức mạnh và hạnh phúc nhưng cũng có thể gây nên những nỗi bất hạnh to lớn cho mỗi người. Đối với sinh viên, tình bạn, tình yêu, tình dục, đời sống gia đình là những giá trị có liên quan mật thiết với nhau và có ý nghĩa rất lớn. Tuy nhiên, những kiến thức, thái độ, kỹ năng, hành vi ứng xử trong những mối quan hệ tế nhị và phức tạp đó còn chưa được định hướng, giáo dục một cách đầy đủ ở gia đình và nhà trường. Ngày nay, do tác động của văn hoá, lối sống phương Tây, cùng với những mặt tích cực, cũng đã nảy sinh mặt tiêu cực trong quan hệ tình bạn, tình yêu, tình dục và đời sống gia đình. Sự phóng túng trong quan hệ nam nữ dẫn đến hiện tượng sống thử trước hôn nhân hay quan hệ tình dục trước hôn nhân gây hậu quả xấu diễn ra khá phổ biến. Có không ít sinh viên nam nữ đã thuê nhà trọ sống chung với nhau suốt mấy năm đại học nhưng sẵn sàng chia tay ngay sau khi ra trường. Có những sinh viên quan hệ nam nữ không xuất phát từ tình yêu chân chính mà từ sự vụ lợi tầm thường, nay quan hệ với người này, mai quan hệ với người khác làm mất đi nét đẹp, nét văn hoá của sinh viên trên giảng đường đại học. Những mối liên hệ trách nhiệm trong gia đình ngày càng lỏng lẻo, tỷ lệ ly hôn ngày càng gia tăng đã và đang đe dọa cuộc sống gia đình.

Do đó, giáo dục tình bạn, tình yêu, tình dục và đời sống gia đình là một trong những nội dung không thể thiếu đối với sự hình thành, hoàn thiện nhân cách cho sinh viên.

2.2. Những giá trị nhân cách

Thứ nhất, có sức khoẻ tốt, có trình độ học vấn cao, trình độ chuyên môn, tay nghề giỏi, hiểu biết rộng, thành thạo ngoại ngữ, tin học

Con người là một thực thể sinh học - xã hội, trong đó mặt sinh học đóng vai trò là tiền đề, là cơ sở cho mặt xã hội. Vì vậy, nếu không có sức khoẻ thì đừng nói gì đến lý tưởng, ước mơ, hoài bão... Tuy nhiên, người Việt Nam chúng ta trải qua chiến tranh, nghèo đói... nên sức khoẻ giảm sút, vóc người nhỏ bé, bệnh tật nhiều, tuổi thọ trung bình thấp... Vì thế, việc giáo dục cho sinh viên có ý thức về sức khoẻ của cá nhân và cộng đồng là điều vô cùng cần thiết. Đồng thời, phải giáo dục tri thức, thái độ, hành vi của sinh viên về nâng cao sức khoẻ. Điều đó không chỉ dừng lại ở việc thường xuyên rèn luyện thể dục thể thao mà còn cần quan tâm đến chế độ ăn uống, dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, sống lành mạnh về thể chất và tinh thần.

Trong thời đại nền kinh tế tri thức hiện nay cùng với những yêu cầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, không có sức mạnh nào lớn hơn sức mạnh của tri thức. Để có được một việc làm tốt, để đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động, sinh viên cần nhận thức rõ giá trị lớn lao của học vấn, tri thức, ngoại ngữ, tin học... Từ đó mà cố gắng học tập, rèn luyện, tiếp thu những kiến thức cần thiết và những kỹ năng cơ bản phục vụ công việc sau này. Ở Việt Nam hiện nay, tình trạng cung vượt quá cầu trên thị trường sức lao động là điều thấy rõ, vì vậy, tính chất cạnh tranh ở thị trường này không kém phần gay gắt. Để giành được ưu thế trong cuộc cạnh tranh này, sinh viên phải có trình độ học vấn, trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề tốt, đáp ứng những đòi hỏi của thị trường lao động trong nước, và cao hơn sinh viên có thể tham gia vào thị trường lao động khu vực và thế giới.

Thứ hai, có tư duy kinh tế, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm

Trong thời kỳ bao cấp, người lao động có thể trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, vào tập thể, nhưng trong cơ chế kinh tế thị trường hiện nay thì thói quen đó đã không còn phù hợp. Cơ chế kinh tế thị trường với những quy luật và những đòi hỏi khắt khe của nó buộc mỗi chủ thể kinh tế phải năng động, sáng tạo, có tư duy kinh tế, tính toán hiệu quả để có thể tồn tại được trong cạnh tranh. Vì vậy, đây là một giá trị rất quan trọng cần phải được giáo dục và rèn luyện ở sinh viên hiện nay.

Thứ ba, trung thực, làm việc tận tâm, có trách nhiệm, có tinh thần kỷ luật cao

Trung thực là một trong những giá trị đạo đức hàng đầu của mỗi người. Có nó, giá trị của mỗi con người sẽ được nâng lên rất nhiều. Có nó, con người sẽ trở nên đáng tin cậy, đáng tôn trọng hơn. Ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường, sinh viên cũng đã cần sự trung thực: trung thực trong học hành thi cử; trung thực trong quan hệ với thầy cô, bạn bè... Còn khi đã đi làm thì cần phải trung thực trong công việc, với cấp trên, với đồng nghiệp... Mặt khác, bất cứ một người sử dụng lao động nào cũng mong muốn ở người lao động của mình

có thái độ làm việc tận tâm, có trách nhiệm cao trong công việc và nhất là phải có tinh thần kỷ luật tốt. Vì vậy, sinh viên cần phải đánh giá đúng vai trò của giá trị này và cố gắng rèn luyện để vươn tới. Nếu trong nhân cách của bạn có được những giá trị đó thì bạn sẽ có thể cống hiến được nhiều hơn trong công việc, sẽ được đánh giá cao và sẽ có nhiều cơ hội tốt đến với bạn.

Thứ tư, có phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh, văn minh, có niềm tin vào cuộc sống, lạc quan, yêu đời

Dưới sự tác động của toàn cầu hoá và mặt trái của cơ chế kinh tế thị trường, không ít người vì mải mê chạy theo những lợi ích vật chất mà xem nhẹ những giá trị đạo đức. Tuy nhiên, sinh viên cần nhận thức rõ rằng, cho dù ở thời đại nào thì đạo đức vẫn là một yếu tố cơ bản làm nên giá trị con người. Một người có đạo đức bao giờ cũng được cộng đồng tôn trọng, đánh giá cao; ngược lại, một người có thể giàu có nhưng lại coi thường, vi phạm những chuẩn mực đạo đức thì sẽ không được xã hội chấp nhận. Vì vậy, cho dù trong hoàn cảnh nào, sinh viên cũng vẫn cần giữ được những phẩm chất đạo đức, những giá trị cốt lõi của bản thân như: hiếu thuận với cha mẹ, sống tình nghĩa với mọi người, có lương tâm, có trách nhiệm, có lòng tự trọng, trung thực, thẳng thắn, vị tha, giàu lòng nhân ái.

Lối sống lành mạnh, văn minh cũng cần được coi là một giá trị quan trọng đối với sinh viên, nhất là trong điều kiện hiện nay, khi mà không ít sinh viên đã và đang bị ảnh hưởng của những lối sống không lành mạnh từ bên ngoài xâm lược vào. Sinh viên cần nhận thức được rằng, lối sống lành mạnh, văn minh sẽ là tiền đề quan trọng để các em có thể học tập, phấn đấu, tu dưỡng và rèn luyện trở thành người có ích sau này. Mặt khác, lối sống lành mạnh, văn minh cũng làm tăng thêm giá trị cho bản thân, được cộng đồng tôn trọng, đánh giá cao. Ngược lại, một lối sống không lành mạnh, lạc hậu, đi ngược lại với thuần phong mỹ tục của dân tộc, bất chước theo kiểu tự do phương Tây, bất chấp dư luận là không thể chấp nhận trong xã hội của chúng ta. Hiện tượng sống gấp, sống buông thả, rượu chè, cờ bạc, lô đề, nghiện hút, mại dâm... cần được lên án mạnh mẽ trong sinh viên.

Lối sống có văn hoá, lành mạnh, văn minh sẽ làm nâng cao giá trị của con người, lối sống đó trong sinh viên được thể hiện ở một số hành vi cụ thể như:

Chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp và các quy định về giao thông, bảo vệ môi trường, vệ sinh chung, quy chế, nội quy trường học;

Hành vi văn minh trong giao tiếp, ứng xử xã hội nhất là nơi công cộng, công sở, đặc biệt là khi giao tiếp với người nước ngoài;

Lối sống giản dị, tiết kiệm mà khoa học, hợp lý, tránh lối sống sùng bái tiền, sùng bái tiêu dùng xa hoa, lãng phí, thực dụng;

Phong cách, tác phong chừng mực, đứng đắn, nghiêm túc, trang phục, nói năng chuẩn mực, phù hợp;

Tuổi sinh viên là lứa tuổi đẹp nhất, bởi sinh viên đang sở hữu cho mình những “tài sản” quý nhất, đó là: tuổi trẻ, trí tuệ, ước mơ, hoài bão, tình yêu, tình bạn... Nhưng không phải sinh viên nào cũng nhận ra điều đó. Một hiện tượng khá phổ biến trong sinh viên hiện

nay thường hay có tâm trạng chán nản, bi quan, mất niềm tin trong cuộc sống dẫn đến chán học, bỏ học, sống buông trôi không mục đích, thậm chí có sinh viên còn có ý định tìm đến với cái chết. Đó là một sai lầm đáng tiếc. Sinh viên cần nhận thức được giá trị đích thực của những gì họ đang có, từ đó sống vui vẻ, lạc quan, yêu đời, có niềm tin vào tương lai phía trước để học tập và rèn luyện ngày càng tốt hơn.

Thứ năm, có lòng yêu nước, yêu CNXH, có lập trường chính trị vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp xây dựng CNXH của đất nước, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần

Yêu nước là giá trị cơ bản trong hệ giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam ta. Yêu nước đã thực sự trở thành một thứ vũ khí tinh thần mà theo Giáo sư Trần Văn Giàu: “Vận nước suy hay thịnh, mất hay còn, nhục hay vinh, phần rất quan trọng là tùy thuộc ở chỗ ta ứng dụng và phát huy hay ta quên lãng và chôn vùi món vũ khí tinh thần ấy” [3; tr.10-11]. Trong điều kiện hiện nay, yêu nước *vẫn thực sự là một giá trị*, đáp ứng những yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới - giai đoạn hội nhập toàn cầu và hơn lúc nào hết, cần phải giáo dục cho sinh viên biết phát huy cao độ tinh thần yêu nước truyền thống của dân tộc, tinh thần dám xả thân vì nước mà ông cha ta để lại nhằm đưa đất nước phát triển lên một tầm cao mới.

Nội dung cơ bản nhất của yêu nước trong giai đoạn hiện nay là tất cả mọi người dân phải đem hết tài năng, sức lực, trí tuệ và lòng nhiệt huyết của mình để góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế, làm cho đất nước “vươn mình đứng dậy”, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân đồng thời khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Nói cách khác, trung thành với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh chính là sự thể hiện tinh thần yêu nước cao cả nhất trong điều kiện hiện nay.

Hiện nay, không ít sinh viên thờ ơ với các nhiệm vụ chính trị, thậm chí có những sinh viên do lập trường tư tưởng, chính trị không vững vàng nên đã bị lợi dụng ủng hộ chế độ đa nguyên, đa đảng, hoặc bị kích động, lôi kéo gây nên những hành vi vi phạm lợi ích của quốc gia, dân tộc. Hơn ai hết, sinh viên cần phải nhận thức rõ nhiệm vụ chính trị của mình, đi đầu trong cuộc đấu tranh chống lại những âm mưu diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sẵn sàng cống hiến sức lực, trí tuệ của mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ sáu, có tinh thần tập thể, ý thức cộng đồng và trách nhiệm xã hội

Đây cũng là một trong những truyền thống tốt đẹp của người dân Việt Nam. Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay đã xuất hiện xu hướng xem nhẹ tập thể và cộng đồng mà chỉ chú trọng đến lợi ích cá nhân theo kiểu “đèn nhà ai nhà nấy rạng” hay “sống chết mặc bay”... Đây là một biểu hiện đáng lo ngại. Sinh viên cần nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với tập thể, với cộng đồng và xã hội. Không nên chỉ vì lợi ích của mình mà vi phạm lợi ích của người khác, của tập thể. Cần phải biết chia sẻ với những người xung quanh, sẵn sàng giúp đỡ người khác khi có điều kiện, xem đó như là nhu cầu tự thân của chính mình. Làm được điều đó, sinh viên sẽ khẳng định được giá trị của mình trước cộng đồng xã hội, được cộng đồng tôn trọng, đánh giá cao.

3. KẾT LUẬN

Trong điều kiện thế giới và trong nước có nhiều biến động như hiện nay, việc định hướng giá trị cho người dân nói chung và sinh viên nói riêng là vô cùng cần thiết. Dựa vào khảo sát thực tế trên 3000 sinh viên; dựa vào những quan điểm chỉ đạo của Đảng về giáo dục, văn hóa, con người; dựa vào những yêu cầu của toàn cầu hóa, của nền kinh tế thị trường, của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại; dựa vào kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia ở khu vực châu Á có nhiều yếu tố tương đồng với Việt Nam; dựa vào kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã được công bố, chúng tôi đã xác định được một hệ giá trị cần định hướng cho sinh viên trong điều kiện hiện nay bao gồm cả những giá trị xã hội và giá trị nhân cách. Tuy nhiên, việc xác định được hệ giá trị chỉ là bước khởi đầu trong việc định hướng giá trị cho sinh viên. Để những giá trị này thực sự trở thành mục tiêu, động lực phấn đấu của sinh viên đòi hỏi sự vào cuộc của cả nhà trường, gia đình, các tổ chức chính trị - xã hội và cũng không chỉ dừng lại ở biện pháp tuyên truyền, giáo dục mà quan trọng hơn là sự thay đổi trong mọi mặt của đời sống xã hội theo hướng phát triển, tiến bộ, nhân văn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lương Gia Ban, Nguyễn Thế Kiệt (Đồng chủ biên) (2014), *Giá trị văn hóa truyền thống dân tộc với việc xây dựng nhân cách sinh viên Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Trọng Chuẩn, Nguyễn Văn Huyền (Đồng chủ biên) (2002), *Giá trị truyền thống trước những thách thức của toàn cầu hoá*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Phạm Minh Hạc (2012), *Giá trị học - Cơ sở lý luận góp phần đúc kết, xây dựng giá trị chung của người Việt nam thời nay*, Nxb. Dân trí, Hà Nội.
- [5] Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tiên (Đồng chủ biên) (2015), *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [6] Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Hà Nội.
- [7] Thái Duy Tuyên (1995), *Sự biến đổi định hướng giá trị của con người Việt Nam*, Tạp chí Triết học, số 1, tháng 1.
- [8] Nguyễn Quang Uẩn, Nguyễn Thạc, Mạc Văn Trang (1995), *Giá trị - Định hướng giá trị nhân cách và giáo dục giá trị*, Chương trình Nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước KX- 07- 04, Hà Nội.
- [9] Trần Xuân Vinh (1995), *Sự biến đổi một số giá trị cơ bản của thanh niên hiện nay*, Tạp chí Triết học, số 1, tháng 1.

DETERMINING NECESSARY VALUES FOR STUDENTS IN CURRENT CONDITIONS

Mai Thi Quy

ABSTRACT

In the current situation of the country and the world, there are so many fluctuations, social values in our country are now conflicting, varying degrees of disparity that many students are falling in love. Confusion, oscillation, even disorientation, loss of orientation in the determination of value system, selection of appropriate values and standards as motivation in learning and training. In this article, on the basis of research based on various grounds, the author has proposed a value system that needs to orient students in the current condition.

Keywords: *Value, value system, value orientation for students.*

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN TẠI VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XII VÀO GIẢNG DẠY HỌC PHẦN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHÀ NƯỚC

Nguyễn Thị Tâm¹

TÓM TẮT

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng diễn ra thành công đã cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vượt qua khó khăn thách thức, tranh thủ thời cơ, vận hội mới trong xây dựng và phát triển đất nước. Việc phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân về các chủ trương, nghị quyết của Đại hội, góp phần “đưa nghị quyết vào cuộc sống” là trách nhiệm của tất cả các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội. Bài viết tập trung làm rõ vấn đề: vận dụng quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa (XHCN) tại văn kiện Đại hội XII vào giảng dạy học phần tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng.

Từ khóa: Văn kiện Đại hội XII, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân thuộc nội dung chương VI, học phần tư tưởng Hồ Chí Minh dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Trong đó, nội dung này được cấu trúc gồm hai phần lớn. Phần I: Quan điểm của Hồ Chí Minh về dân chủ; phần II: Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Tuy nhiên, giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh chưa có điều kiện đề cập tới nội dung những *quan điểm mới* của Đảng trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Vấn đề sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay đã được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu tiêu biểu như: GS.TS Trần Đại Quang, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có bài “*Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Pháp quyền Xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*”; TS. Trần Ngọc Uẩn - Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh có bài “*Tư tưởng Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân*”. Các bài viết của các nhà khoa học đã tập trung làm rõ quá trình nhận thức của Đảng ta về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, đồng thời đề xuất những biện pháp nhằm hoàn thiện hơn nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, chưa có nhiều công trình khoa học

¹ Giảng viên khoa Lý luận chính trị - Luật, Trường Đại học Hồng Đức

quan tâm nghiên cứu vấn đề vận dụng quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền vào giảng dạy nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng. Vì vậy, việc nghiên cứu những quan điểm của Đảng, nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức mới trong từng nội dung của bài giảng luôn là vấn đề cần thiết trong quá trình giảng dạy đối với mỗi giảng viên.

2. NỘI DUNG

2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân

Quan điểm của Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân là sự kế thừa truyền thống văn hóa và những kinh nghiệm xây dựng, quản lý Nhà nước của ông cha ta. Đó là kết quả của sự trải nghiệm, nghiên cứu, khảo sát nhiều cuộc cách mạng, nhiều nhà nước điển hình trên thế giới và sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về nhà nước kiểu mới vào điều kiện cụ thể của nước ta. Trong quan điểm về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm về xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, nhà nước có hiệu lực pháp lý mạnh mẽ. Mặc dù, trong những bài viết của mình, Hồ Chí Minh không dùng khái niệm nhà nước pháp quyền, nhưng tư tưởng về xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN đã được đề cao từ rất sớm, thể hiện rõ nét trong tư tưởng của Người về dân chủ, nhà nước, pháp luật và quyền con người. Tư tưởng đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh được thể hiện ở những nội dung chính sau:

Một là, nhà nước pháp quyền phải là nhà nước dân chủ, nhà nước của dân, do dân, vì dân. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới, nhà nước pháp quyền, nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước. Toàn bộ quyền lực nhà nước đều bắt nguồn từ nhân dân. Điều 1 Hiến pháp 1946 do Người làm Trưởng ban soạn thảo đã khẳng định: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa, tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam. Không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo”.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một nhà nước của dân, do dân không chỉ ở chỗ nhà nước đó do dân lập ra thông qua bầu cử dân chủ, phải xin ý kiến nhân dân những công việc hệ trọng, mà còn phải chịu sự kiểm tra, giám sát, định đoạt của nhân dân. Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to, việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của nhân dân. Vì vậy, Nhà nước phải biết tôn trọng, lắng nghe và học hỏi dân, gần dân, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng, ý chí của dân, tìm cách khơi nguồn, bồi dưỡng và nâng cao sức dân.

Hai là, nhà nước pháp quyền là nhà nước phải thể hiện được việc điều hành và quản lý xã hội bằng pháp luật. Các yêu sách trong “*Việt Nam yêu cầu ca*” đã phản ánh rõ ràng tư tưởng của Hồ Chí Minh về sự cần thiết, tất yếu phải có hiến pháp và pháp quyền, cũng như mối quan hệ giữa hiến pháp và pháp quyền, trong đó, hiến pháp là tiền đề của pháp quyền. Tư tưởng của Hồ Chí Minh cũng đã thể hiện một quan điểm hoàn chỉnh về yêu cầu quản lý xã hội theo pháp luật trong một xã hội dân chủ, một Nhà nước hợp hiến theo tinh thần pháp

quyền và thượng tôn pháp luật. Người nhấn mạnh: “*Bây xin Hiến pháp ban hành. Trăm điều phải có thần linh pháp quyền*”. [5; tr.473]. Pháp luật là cơ sở bảo đảm thực hiện các quyền tự do, dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân. Theo Người, luật pháp của ta phải dựa hẳn vào lực lượng nhân dân, lực lượng lao động làm nền tảng để xây dựng Nhà nước, xây dựng xã hội. Nổi bật trong ý tưởng trị nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa “pháp trị” và “đức trị”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đòi hỏi pháp luật của ta phải thẳng tay trừng trị kẻ bất liêm, bất kể kẻ ấy có địa vị nào, làm nghề nghiệp gì. Đồng thời, pháp luật làm căn cứ để tổ chức và hoạt động Nhà nước, là cơ sở pháp lý cho đời sống xã hội, là phương tiện để nhân dân giám sát, kiểm tra hoạt động của Nhà nước. Vì vậy, bên cạnh việc giáo dục ý thức pháp luật, cần đẩy mạnh giáo dục đạo đức, dùng đạo đức để cảm hóa con người, nâng cao giác ngộ lý tưởng cách mạng cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân, kết hợp chặt chẽ cả đạo đức và pháp luật để “trị nước”.

Ba là, nhà nước pháp quyền kiểu mới, của dân, do dân, vì dân phải là nhà nước trong sạch, vững mạnh, hiệu quả. Nhà nước đó phải khắc phục được những căn bệnh cố hữu của các nhà nước kiểu cũ. Trong quá trình xây dựng Nhà nước, Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm vấn đề: Tăng cường pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức và đề phòng, khắc phục những tiêu cực trong hoạt động của Nhà nước. Kiên quyết chống ba thứ giặc nội xâm là: tham ô, lãng phí, quan liêu. Theo Hồ Chí Minh, sức mạnh, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước phụ thuộc vào tính nghiêm minh của việc thi hành pháp luật và sự trong sạch, gương mẫu về đạo đức của những người cầm quyền. Vì vậy, phải luôn nêu cao cảnh giác với những biểu hiện tha hóa, biến chất của đội ngũ cán bộ, công chức, giữ cho Nhà nước luôn trong sạch, vững mạnh.

Bốn là, Nhà nước ta do Đảng Cộng sản lãnh đạo, có sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc rộng rãi. Trong *Di chúc* để lại cho đồng bào, đồng chí, Người căn dặn: “*Đảng ta là một đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thực sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thực sự cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đày tớ thật trung thành của nhân dân*”. Người thường nhắc nhở các tổ chức Đảng và Đảng viên: Đảng ta là đảng cầm quyền mọi cán bộ, Đảng viên phải biết tôn trọng Nhà nước, gương mẫu chấp hành Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã thể hiện rất rõ và đề cao yêu cầu dân chủ triệt để trong xây dựng nhà nước pháp quyền. Đây là tư tưởng rất quan trọng, khẳng định bản chất nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, là đỉnh cao của nền dân chủ, vì nó thừa nhận quyền tự do bình đẳng của công dân, thừa nhận nhân dân là chủ thể quyền lực.

Kế thừa và phát huy những tư tưởng tiến bộ về Nhà nước pháp quyền của nhân loại, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; Đảng, Nhà nước ta đã vận dụng và phát triển tư tưởng đó trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của dân, do dân, vì dân. Vì vậy, bài giảng của giảng viên ở chương VI, học phần tư tưởng Hồ Chí Minh cần giúp sinh viên nắm vững được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền và quá trình nhận thức của Đảng về xây dựng nhà nước pháp quyền trên nền tảng quan điểm của Hồ Chí Minh, giúp sinh viên thêm tin tưởng vào

đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Từ đó, ra sức rèn luyện học tập góp phần xây dựng đất nước giàu đẹp.

2.2. Quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam tại Văn kiện Đại hội XII

Giảng viên cần yêu cầu sinh viên thảo luận nhóm để thấy được quá trình nhận thức của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam từ bản Hiến pháp đầu tiên năm 1946 đến Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII. Đó là một quá trình dài Đảng ta tiếp thu vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước vào điều kiện cụ thể của nước ta. Thực tiễn cho thấy, đến trước những năm đổi mới, Đảng ta chưa dùng khái niệm nhà nước pháp quyền, mặc dù trong Hiến pháp 1946, 1959, 1980 đã thể hiện tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong xây dựng pháp luật và tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước. Đến Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 01-1994), Đảng ta đã dùng khái niệm nhà nước pháp quyền XHCN. Trong văn kiện của Hội nghị có đề ra nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân: Tiếp tục xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Đó là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật, đưa đất nước phát triển theo định hướng XHCN. Nhà nước pháp quyền Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tăng cường, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng ta lãnh đạo. Có thể nói, quan điểm về nhà nước pháp quyền thể hiện trong văn kiện này đã đánh dấu bước phát triển quan trọng, rõ nét và toàn diện hơn trong nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa IX (tháng 1- 2004) của Đảng đã khẳng định *“Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, tăng cường kỷ cương, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc”* [2; tr.79]. Như vậy, đến Đại hội IX, nhận thức về Nhà nước pháp quyền của Đảng ta được phát triển lên một tầm cao mới có tính đột phá về tư duy lý luận, phù hợp với thực tiễn nước ta. Đến lúc này, *“Nhà nước pháp quyền, xét về cơ sở nhận thức và cơ sở thực tiễn, đã có chỗ đứng ở Việt Nam”* [1].

Báo cáo chính trị Đại hội XII của Đảng dành riêng mục XIV với nội dung: *“Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN”* [4; tr.171]; *“Xây dựng”* và *“hoàn thiện”* Nhà nước pháp quyền đều là những nhiệm vụ quan trọng, được tiến hành đồng thời, bổ khuyết cho nhau, xây dựng cũng chính là hoàn thiện, vừa xây dựng vừa hoàn thiện; ngược lại, trong hoàn thiện có xây dựng. Tuy nhiên, khi đặt vấn đề *“Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN”*, Đảng ta đã xác định đi vào chiều sâu của nhiệm vụ này. Đây là quá trình *nhận thức mới* của Đảng so với Đại hội XI. Quá trình hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN sẽ là quá trình không ngừng nâng cao nhận thức lý luận, tiếp thu có chọn lọc các giá trị phổ biến của nhà nước pháp quyền nói chung và đúc kết kinh nghiệm thực tiễn lãnh đạo quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam nói riêng. Đây không phải là sự chuyển hướng

trong cách tiếp cận, mà là sự nhấn mạnh của Đảng về những nhiệm vụ cần làm đối với vấn đề xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền trong thời gian tiếp theo.

Văn kiện Đại hội XII của Đảng đã nhìn nhận thẳng thắn, đánh giá đúng những ưu điểm và nghiêm khắc chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta trong thời gian qua, đồng thời, xác định những nguyên nhân cốt lõi nhất của hạn chế, khuyết điểm. Theo đó, những tồn tại, hạn chế trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở nước ta trong thời gian qua được Đảng chỉ ra bao gồm cả những vấn đề thuộc về thể chế, cơ chế, chính sách; về tổ chức và hoạt động; về yếu tố con người.

Vị trí, tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN được Đại hội XII của Đảng khẳng định sâu sắc hơn. So với Báo cáo chính trị Đại hội XI, Báo cáo chính trị Đại hội XII đã dành riêng một ý trong phần phương hướng, nhiệm vụ để khẳng định: “Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”. Tuy đây là sự tiếp tục quan điểm nhất quán của Đảng ta, song văn kiện Đại hội nhấn mạnh nội dung này đã cho thấy rõ quyết tâm chính trị của toàn Đảng trong việc xây dựng một nhà nước pháp quyền XHCN. Trong đó, tập trung mấy vấn đề sau:

Thứ nhất: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Đảng chủ trương phải thực hiện dân chủ, tuân thủ các nguyên tắc pháp quyền và phải tạo sự chuyển biến tích cực trong giải quyết các nhiệm vụ chính trị. Thực hiện dân chủ trong xã hội mà trọng tâm là dân chủ trong Đảng là sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ. Trước Đại hội X của Đảng, hai chữ “dân chủ” chưa được đưa vào hệ thống của mệnh đề mục tiêu chung “*Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*”. Bởi, Đảng ta coi *dân chủ* là giá trị mặc nhiên của chế độ chính trị, mục tiêu mặc định của XHCN. Đến Đại hội lần thứ XI của Đảng, dân chủ được thể hiện trong mục tiêu và được đặt trước “*công bằng*” và “*văn minh*”: “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*”. Đây chính là điểm nhấn quan trọng của Đại hội XI, giảng viên cần phân tích để sinh viên nhận thức được quá trình Đảng ta vận dụng và phát huy vấn đề dân chủ trong xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước qua các kỳ Đại hội.

Thứ hai: Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền XHCN. Đây là giải pháp giữ vai trò quyết định đến chất lượng, hiệu quả của nhiệm vụ hoàn thiện Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay. Báo cáo chính trị Đại hội XII chỉ rõ: “*Đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền XHCN. Bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội*”.

Giảng viên hướng dẫn sinh viên phân tích, so sánh để thấy được những *những điểm mới nổi bật* về xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN trong văn kiện Đại hội

XII so với các văn kiện trước đây của Đảng. Đặc biệt, thấy được sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng về vị trí và vai trò của pháp luật với cơ chế, chính sách trong thực thi hiến pháp và pháp luật của Nhà nước ta hiện nay. Văn kiện Đại hội XII của Đảng nhấn mạnh tầm quan trọng của pháp luật đối với việc xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền là sự vận dụng một cách linh hoạt tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền. Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống pháp luật theo các nguyên tắc được quy định trong Hiến pháp năm 2013 là nhiệm vụ cấp bách, cần nhanh chóng triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, nhiệm vụ, giải pháp mới của Đảng chỉ ra cũng xác định cần phải quản lý đất nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội, tính nhân văn trong xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta. Điều này cũng để bảo đảm tính bền vững của pháp luật, kỷ cương xã hội, đồng thời vẫn bảo đảm tính nhân văn, nhân đạo, thì con người không chỉ cần được điều chỉnh, kiểm soát hành vi bằng luật, mà còn bằng cả lương tâm và trách nhiệm. Đây cũng chính là giải pháp nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp đạo đức đang trở thành một vấn nạn nhức nhối ở nước ta hiện nay. Quan điểm này được thể hiện rõ trong tư tưởng “pháp trị” và “đức trị” của Hồ Chí Minh. Mà nổi bật hơn cả là tư tưởng tôn trọng con người, quyền sống của con người trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Thứ ba, Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách đối với cán bộ, công chức. Đồng thời, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Khi giảng nội dung này, giảng viên cần làm rõ quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của cán bộ và công tác cán bộ, quá trình Đảng ta vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ. Qua đó, sinh viên biết phân tích, đánh giá những kết quả đạt được và hạn chế trong vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ công chức; công tác đấu tranh phòng chống quan liêu, tham nhũng ở nước ta hiện nay. Đồng thời, giảng viên cũng cần lồng ghép vào bài giảng nội dung chỉ thị số 05 - CT/TW của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; nhằm giúp sinh viên nhận biết và chủ động đấu tranh với những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân. Từ đó, sinh viên có ý thức trong tu dưỡng đạo đức, lối sống trở thành con người sống có ích cho xã hội.

3. KẾT LUẬN

Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân có nhiều nội dung phong phú và vẫn còn nguyên giá trị trong quá trình Đảng ta vận dụng để xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN hiện nay. Vấn đề nghiên cứu sâu rộng nội hàm tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền và sự vận dụng linh hoạt của Đảng ta trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN luôn là vấn đề có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc. Trên cơ sở nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, mỗi tổ chức, cá nhân cần xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc đóng góp công sức, trí tuệ để xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN, góp phần vào thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Đăng Dung, Bùi Ngọc Sơn, Nguyễn Mạnh Tường (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 4*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Xuân Tùng (2011), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong tiến trình dân chủ hóa tại Việt Nam*, <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1415>.
- [7] *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, xem tại http://caicachhanhchinh.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/71/0/101/0/137/Van_kien_Hoi_nghi_dai_bieu_toan_quoc_giua_nhiem_ky_khoa_VII_20_25_1_1994

**APPLYING THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM'S
VIEWPOINT IN BUILDING AND PERFECTING A RULE-BASED
SOCIETY FROM THE XII CONGRESS'S DOCUMENTS IN
TEACHING HO CHI MINH'S IDEOLOGY OF STATE**

Nguyen Thi Tam

ABSTRACT

The 12th National congress party took place successfully which fostered strongly the entire party, people and army to overcome difficulties and challenges, taking advantage of opportunities in the construction and development of the country. The dissemination and propagation to the entire party, people and army on the guidelines and resolutions of the congress contributes to “putting the resolutions to life”, this is the responsibility of all individuals and the whole society. The article focal issue: the application of the party's viewpoint about building and perfecting the rule at the 12th congress documents on teaching the content of Ho Chi Minh's ideology of a rule-based society for the people, by the people, for the students of universities and colleges.

Keywords: *The 12th Congress Document, Ho Chi Minh's ideology, government.*

BIỆN PHÁP TỔ CHỨC TRÒ CHƠI DÂN GIAN NHẪM PHÁT TRIỂN TÍNH TÍCH CỰC VẬN ĐỘNG CHO TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH

Trần Thị Cẩm Vân¹

TÓM TẮT

Trò chơi dân gian của trẻ em là hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh, mang nét hồn nhiên của trẻ thơ. Qua trò chơi dân gian giúp trẻ rèn luyện thân thể, trí não, tính khéo léo, tính tổ chức kỷ luật, đời sống tinh thần phong phú. Việc sử dụng và lồng ghép các trò chơi dân gian vào chương trình giáo dục mầm non sẽ là cầu nối đưa trẻ em tiếp xúc với môi trường, trải nghiệm cảm xúc, hành vi, kỹ năng. Giúp trẻ sớm nhận thức về thế giới, nâng cao hiểu biết, phát triển tính tích cực vận động cho trẻ.

Từ khóa: Trò chơi dân gian, môi trường xung quanh, giáo dục mầm non.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực tế hiện nay cho thấy, trò chơi dân gian (TCDG) đang dần bị mai một, quên lãng, mất dần vai trò và vị thế bởi sự xuất hiện của những trò chơi điện tử. Điều đó đã khiến một bộ phận không nhỏ trẻ em bị thụ động, xa rời cuộc sống trẻ thơ cũng như khả năng vận động bị hạn chế ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách.

Việc sử dụng lồng ghép TCDG vào chương trình giáo dục mầm non sẽ là cầu nối đưa trẻ em tiếp xúc với môi trường, trải nghiệm cảm xúc, hành vi, kỹ năng. Giúp trẻ sớm nhận thức về thế giới, nâng cao hiểu biết, phát triển tính tích cực vận động cho trẻ.

Nhận thấy được vai trò quan trọng của vấn đề, bài viết đề xuất một số giải pháp trong tổ chức TCDG cho trẻ nhằm phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi thông qua hoạt động khám phá môi trường xung quanh (MTXQ). Bài viết đã góp phần khắc phục một số bất cập trong giáo dục Mầm non hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Một số khái niệm có liên quan

2.1.1 Trò chơi dân gian

TCDG là những hoạt động văn hóa có tính phổ cập sâu rộng và hầu như ai trong chúng ta cũng đều đã từng chơi và gắn bó, say mê với những trò chơi dân dã này. Có nhiều cách nhìn nhận về trò chơi dân gian (TCDG), “TCDG là một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian được nhân dân sáng tạo bằng tất cả sự say mê của tâm hồn và trí tuệ” [6]. TCDG rất

¹ Giáo viên Trường Mầm non Thực hành, Trường Đại học Hồng Đức

gắn bó với con người, nó được tạo nên từ đời sống thực tiễn, từ những tình cảm chân thực của người dân. Được người dân lưu truyền tự nhiên qua nhiều thế hệ “*Trò chơi dân gian là những trò chơi được nhân dân sáng tạo lưu truyền tự nhiên, rộng rãi trong dân gian, là một trong những hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian*” [5]. TCDG phản ánh nét văn hoá cộng đồng của dân tộc, khu vực hoặc vùng miền, vì thế ở mỗi thời điểm luôn được sáng tạo bổ sung cho phù hợp với từng nơi, từng lúc nhằm thỏa mãn nhu cầu về vui chơi giải trí, giao lưu văn hóa và phát triển về mặt thể chất, tinh thần của con người.

Như vậy, TCDG luôn gắn liền với đời sống tinh thần của con người. Nó thể hiện được tính dân tộc sâu sắc. Việc tổ chức cho trẻ chơi các TCDG là một trong những cách thức giáo dục, hình thành nét nhân cách mang bản sắc văn hoá dân tộc cho thế hệ trẻ hiện nay.

2.1.2 Tổ chức trò chơi dân gian

Tổ chức TCDG là tổng hợp cách thức tổ chức cụ thể trong hoạt động cùng nhau của cô và trẻ nhằm thực hiện mục đích giáo dục đã đặt ra trong trò chơi.

Cấu trúc tổ chức của TCDG thông thường bao gồm những bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị: Giáo viên sẽ chuẩn bị đầy đủ các vật liệu, các đồ dùng, đồ chơi phù hợp với trò chơi. Giáo viên chuẩn bị địa điểm, ước tính thời gian, chuẩn bị trước các bài đồng dao cho trẻ (nếu trò chơi có lời).

Bước 2: Tổ chức cho trẻ chơi: Cô nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi và những yêu cầu đối với trẻ khi chơi cho đúng luật. Cô quan sát, hướng dẫn trẻ chơi, cô nhắc nhở nếu trẻ quên luật chơi.

Bước 3: Kết thúc: Cô nhận xét, tuyên dương những trẻ chơi ngoan, chơi đúng luật. Bên cạnh đó cô khuyến khích động viên những trẻ còn vướng lỗi để lần sau chơi cố gắng hơn.

2.1.3. Môi trường xung quanh

Theo tác giả Hoàng Thị Phương thì MTXQ là tất cả những gì bao quanh chúng ta như tự nhiên, con người, các đồ vật, con vật... Với những đặc thù riêng, hoạt động khám phá về MTXQ giúp trẻ được tiếp xúc với môi trường, trải nghiệm cảm xúc, tình cảm, kỹ năng. Qua đó trẻ tự lĩnh hội kiến thức về thế giới xung quanh, tham gia vào quá trình giữ gìn và bảo vệ MTXQ.

MTXQ là khái niệm gắn liền với sự sống. MTXQ trẻ bao gồm các yếu tố tự nhiên (không khí, động vật, thực vật, tài nguyên, nước) và các yếu tố xã hội (gia đình, nhà trường, bản thân...). Các yếu tố này có quan hệ mật thiết với nhau, có ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống, sự tồn tại và phát triển của xã hội.

2.1.4. Hoạt động khám phá môi trường xung quanh

Hoạt động khám phá MTXQ là một hoạt động đặc thù ở trường Mầm non. Thông qua hoạt động này, trẻ được tiếp xúc và trải nghiệm về thế giới phong phú, đa dạng bao quanh mình. Trẻ được khám phá về môi trường tự nhiên như: thế giới động thực vật (cây, cỏ, hoa, lá...), khám phá về đặc điểm các con vật nuôi trong gia đình, côn trùng, động vật sống dưới

nước, động vật sống trong rừng... Trẻ được khám phá các hiện tượng tự nhiên qua các giờ học, hoạt động ngoài trời có chủ đích (nắng, mưa, gió, mây...). Ngoài ra, trẻ còn được tiếp xúc với môi trường xã hội (với đồ vật, một số phương tiện giao thông, hay những công việc của người gần gũi với mình, biết về những danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử...) nhất là trẻ được trải nghiệm ở các hoạt động tổ chức ngoại khóa. Từ đó, trẻ tự lĩnh hội kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo và thái độ sống cần thiết cũng như có ý thức góp phần giữ gìn và bảo vệ MTXQ.

2.1.5. Tính tích cực vận động

Theo Từ điển Tiếng Việt, tính tích cực vận động là “*Tích cực là hăng hái, năng nổ làm hết sức*”.

Theo một nghĩa khác, tích cực là đem hết khả năng và tâm trí vào việc làm. Nhờ tính tích cực tự giác, có ý thức, con người có thể đạt được nhiều tiến bộ trong đời sống và phát triển nhanh hơn so với tính tích cực tự phát. Vì vậy, hình thành và phát triển tính tích cực xã hội là một trong các nhiệm vụ chủ yếu của giáo dục, nhằm đào tạo những con người năng động, nhạy bén và sáng tạo.

Tính tích cực vận động thể hiện ở lượng vận động và cường độ của chế độ vận động, ngoài ra còn có các yếu tố chủ động và sáng tạo của trẻ.

2.2. Biểu hiện tính tích cực vận động của trẻ mẫu giáo (5-6 tuổi) trong hoạt động làm quen với môi trường xung quanh

Nếu trong hoạt động giáo dục thể chất, tính tích cực vận động của trẻ được biểu hiện khi trẻ thực hiện các bài tập vận động do cô giáo đặt ra, thì trong hoạt động làm quen với MTXQ, tính tích cực vận động được thể hiện trong việc trẻ hăng hái tham gia tri giác các sự vật, hiện tượng trong thế giới xung quanh, thể hiện ở việc trẻ thực hiện một cách tích cực, chủ động, nhiệt tình với các yêu cầu của giáo viên, cụ thể:

Trẻ sử dụng nhịp nhàng và linh hoạt các vận động tay phối hợp các giác quan trên cơ thể thông qua việc nhìn, ngửi, sờ, nắm các sự vật. Chẳng hạn việc trẻ nhìn, sờ nắm quả cà chua, quả khế... trong tiết học “*Làm quen với một số loại quả*”, trẻ nhìn các loại quả một cách có chủ định, trẻ tập trung chú ý vào đối tượng mà trẻ tri giác. Trẻ có hứng thú với việc dùng đôi bàn tay để thao tác với các loại quả mà trẻ tiếp xúc. Từ việc nhận biết những dấu hiệu bên ngoài trẻ dần dần chú ý đến những dấu hiệu bên trong của các sự vật, hiện tượng xung quanh. Trẻ thích tự mình khám phá xem những sự vật mình đang tiếp xúc sẽ có vị gì, mùi gì hay có âm thanh như thế nào bằng nhiều cách khác nhau. Trẻ có thể tự mình dùng tay hoặc chân phối hợp với những vận động khác để tạo ra âm thanh của các sự vật, hiện tượng khi giáo viên đặt ra yêu cầu tri giác âm thanh.

Tính tích cực vận động của trẻ không chỉ dừng lại ở những vận động tay, chân mà còn thể hiện ở việc trẻ biết phối hợp những vận động tay chân với trí óc. Trong quá trình thực hiện những vận động, trẻ đã vận dụng sự tư duy, tập trung, ghi nhớ có chủ định... để mang lại hiệu quả hoạt động. Trẻ còn biết chủ động, sáng tạo trong trò chơi. Trẻ biết thực hiện các yêu cầu, nhiệm vụ của trò chơi, trẻ nhanh chóng nắm vững cách chơi, luật chơi, hình thức

thường phạt của trò chơi. Đồng thời, trẻ biết sáng tạo trong thay đổi hình thức chơi. Chẳng hạn trong trò chơi “Mèo đuổi chuột”, có rất nhiều trẻ thể hiện sự sáng tạo của mình trong việc thay đổi cách chơi. Lần 1 trẻ chơi theo cách chơi do cô giáo bày đó là trẻ đứng thành vòng tròn để cho mèo và chuột chạy. Nhưng sang lần 2 nhiều trẻ cho rằng nên chia lớp thành 5 đội tương ứng với 5 ô vuông, mèo và chuột phải lần lượt chạy qua 5 ô vuông đó mới đảm bảo đúng cách chơi. Đồng thời, nhiều trẻ còn sáng tạo trong thay đổi hình thức thưởng phạt. Có thể lần 1 là những vòng nhảy lò cò quanh lớp, nhưng sang lần 2, 3 trẻ sẽ yêu cầu người thua cuộc hát một bài hát hoặc nhảy một điệu... Những tiết học làm quen với MTXQ có sự lồng ghép TCDG khiến trẻ hoạt động rất tích cực. Điều này được thể hiện sau khi được giáo viên phổ biến cách chơi, luật chơi, hình thức thưởng phạt thì trẻ đã hăng hái tham gia chơi, trẻ rất năng động khi tham gia vào trò chơi. Đặc biệt, trẻ biết cách phối hợp với các bạn chơi một cách nhịp nhàng thể hiện được tinh thần đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ chơi.

Như vậy, hoạt động cho trẻ làm quen với MTXQ là một trong những hoạt động mà tính tích cực vận động được thể hiện khá rõ nét mà chúng ta không thể phủ nhận vai trò của TCDG. Vì vậy, việc đưa các TCDG vào hoạt động cho trẻ làm quen với MTXQ là cần thiết và rất phù hợp.

2.3. Một số biện pháp tổ chức trò chơi dân gian nhằm phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mẫu giáo 5 - 6 tuổi thông qua hoạt động khám phá môi trường xung quanh

2.3.1. Tạo môi trường thuận lợi cho trẻ hoạt động

Mục tiêu: Thiết lập mối quan hệ với trẻ và tạo ra một môi trường giáo dục an toàn và thân thiện để trẻ có cơ hội khám phá, trải nghiệm theo nhu cầu, theo hứng thú, phát triển năng lực vận động phối hợp các giác quan trên cơ thể cho trẻ.

Yêu cầu: Đồ dùng, đồ chơi phù hợp với trò chơi; đảm bảo tính an toàn, vệ sinh, thẩm mỹ, phải có tác dụng giáo dục; phong phú, đầy đủ về số lượng và chủng loại; xây dựng môi trường tâm lý thân thiện, tích cực, chia sẻ.

Cách tiến hành

Chuẩn bị đủ đồ dùng, đồ chơi theo từng hoạt động;

Cho trẻ vừa sử dụng đồ chơi, vừa tham gia chơi;

Sự chuẩn bị không gian chơi cũng nên đảm bảo những yêu cầu như: không gian tổ chức TCDG phải phù hợp với số lượng trẻ trong lớp, trẻ được thoải mái khi tham gia chơi; trẻ phải được an toàn; sự sắp xếp, bố trí các yếu tố trong không gian phải mang tính thẩm mỹ.

Bên cạnh đó, việc giáo viên luôn luôn tạo ra một môi trường tâm lý tốt sẽ tạo điều kiện cho trẻ thực hiện.

2.3.2. Suu tầm, lựa chọn trò chơi dân gian

Mục tiêu: Giúp trẻ dễ dàng thích nghi với trò chơi; Trẻ được phát triển hoặc củng cố tri thức, sáng tạo về những nội dung có liên quan đến chủ đề.

Yêu cầu: Trò chơi có tính giáo dục; phù hợp với từng chủ đề; có thể nằm trong hoặc ngoài chương trình giáo dục mầm non; phải chứa đựng yếu tố chơi, có khả năng thu hút được trẻ; phát triển được tính tích cực vận động cao ở trẻ; độ khó của trò chơi tăng dần; trẻ có hứng thú.

Cách tiến hành

Đọc, sưu tầm các TCDG có trong chương trình giáo dục mầm non, trong các TCDG hằng ngày mà trẻ ở địa phương hay chơi và ở những địa phương khác.

Đọc kỹ, phân tích và lựa chọn ra những TCDG có nội dung và lượng vận động phù hợp với trẻ.

Giáo viên hệ thống lại các trò chơi, phân loại chúng thành từng nhóm và xếp vào mỗi chủ đề.

Lựa chọn trò chơi phù hợp với từng chủ đề và phân bổ theo từng hoạt động phù hợp.

Ví dụ: Chủ đề “Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân” có thể cho trẻ chơi các trò chơi: “*Trồng nụ trồng hoa*”, “*Mít mật mít gai*”, “*Chặt dừa*”... Tết và mùa xuân là thời điểm thích hợp để giới thiệu cho trẻ các trò chơi truyền thống của dân tộc trong dịp lễ Tết như: “*Ném còn*”, “*Cướp cờ*”, “*Bịt mắt đập niêu*”, “*Đẩy gậy*”, “*Chơi đu*”, “*Múa lân*”... Chủ đề “Luật lệ và phương tiện giao thông”: “*Đua xe bò*”, “*Nhảy ngựa*”, Chủ đề “Các hiện tượng tự nhiên”: “*Đếm sao*”...

Giáo viên nên lựa chọn và chuẩn bị sẵn các trò chơi phù hợp với chủ đề của tuần, của tháng để khi có các tiết dạy, giáo viên sẽ dễ dàng vận dụng đưa trò chơi vào giờ học một cách linh hoạt và hiệu quả. Chọn trò chơi cũng cần quan tâm đến việc sẽ tổ chức ở đâu, rộng hay hẹp...

Sắp xếp các TCDG vừa lựa chọn thành một hệ thống lưu trữ với thứ tự sắp xếp theo trình tự có cường độ tăng dần.

2.3.3. Tạo nhiều tình huống chơi hấp dẫn, lôi cuốn trẻ tham gia vào trò chơi một cách tích cực

Mục đích: Tạo nhiều tình huống chơi hấp dẫn, lôi cuốn nhằm làm cho không khí chơi được tự nhiên và thoải mái hơn, đưa trẻ vào TCDG một cách tự nhiên, nhẹ nhàng đầy hứng thú, tích cực. Các TCDG được tổ chức dưới nhiều tình huống chơi khác nhau luôn là nguồn cổ vũ động viên giúp trẻ tham gia chơi một cách hăng say, kiên trì và tích cực vận động hơn. Việc chơi TCDG lúc này không chỉ đơn thuần là vui chơi nữa mà trẻ sẽ được trải nghiệm tình huống thật, thú vị và hấp dẫn hơn.

Giáo viên sẽ chủ động, có nhiều ý tưởng mới trong vấn đề tự nâng cao khả năng sử dụng các biện pháp kích thích tính tích cực của trẻ trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục của mình.

Yêu cầu: Chọn TCDG có nội dung vận động phù hợp với trẻ; Căn cứ vào TCDG, giáo viên chủ động đưa ra ý tưởng cụ thể về các tình huống chơi phù hợp, có sức hấp dẫn với trẻ; Khởi gợi tình huống trước khi chơi và trong quá trình chơi.

Cách tiến hành:

Căn cứ vào trò chơi đưa ra ý tưởng về các tình huống chơi phù hợp nhằm vận dụng tổ chức kích thích tính tích cực vận động cho trẻ 5 - 6 tuổi thông qua TCDG.

Hiện thực hóa các ý tưởng vào việc soạn kế hoạch tổ chức TCDG nhằm kích thích trẻ tích cực vận động. Chuẩn bị sẵn sàng các tình huống nảy sinh trong quá trình tổ chức TCDG cho trẻ.

Đặt câu hỏi hoặc đưa trẻ vào hoạt động tìm kiếm đơn giản, đưa thêm các dấu hiệu bổ sung hướng sự chú ý của trẻ vào tình huống đặt ra buộc trẻ phải huy động các chức năng tâm lý để giải quyết tình huống từ đó kích thích trẻ tích cực vận động

Sử dụng các tình huống chơi đã được lựa chọn và sắp xếp trong kế hoạch để tổ chức TCDG nhằm kích thích trẻ tích cực vận động.

2.3.4. Luân phiên vai chơi, nhóm chơi trong quá trình chơi

Mục đích: Trong quá trình tổ chức TCDG nhằm kích thích tính tích cực vận động cho trẻ 5 - 6 tuổi, giáo viên cần tạo điều kiện cho trẻ được luân phiên vai chơi và nhóm chơi nhằm giúp tất cả trẻ đều được trải nghiệm ở các vị trí chơi khác nhau. Điều này không chỉ có ý nghĩa trong việc tạo hứng thú chơi cho trẻ trong các vai chơi mới mà còn giúp trẻ có sự vận động hợp lý.

Yêu cầu: Trong quá trình tổ chức cho trẻ chơi TCDG giáo viên cần chú ý theo dõi và ghi nhớ các vai chơi của trẻ để kịp thời điều chỉnh, luân chuyển vai chơi, nhóm chơi; Luân chuyển vai chơi sau mỗi lần chơi; Luân chuyển vai chơi khi trẻ có dấu hiệu mệt mỏi hoặc nhàm chán.

Cách tiến hành

Trong quá trình theo dõi trẻ ở các buổi chơi, giáo viên đưa ra đánh giá khả năng chơi của từng trẻ, trẻ thích chơi ở những vị trí nào, trẻ có tích cực vận động không và ở mức độ nào từ đó giáo viên sẽ có những tác động để cho trẻ luân phiên vai chơi nhóm chơi khác nhau.

Trong TCDG thường có nhiều vai chơi. Trước khi bắt đầu chơi, giáo viên cho trẻ tự do lựa chọn vai chơi, nhóm chơi mà trẻ thích nhưng vẫn đảm bảo số lượng vai chơi và số lượng trẻ trong một nhóm. Nếu trẻ không thể tự lựa chọn thì giáo viên có gợi ý giúp đỡ trẻ, trong quá trình chơi, tùy vào sự thể hiện của mỗi trẻ, giáo viên luân phiên vai chơi, nhóm chơi cho trẻ để đảm bảo cho mọi trẻ tham gia đều có cơ hội chơi và luyện tập.

Việc luân chuyển vai chơi, nhóm chơi là rất cần thiết, tạo cơ hội cho tất cả trẻ được tham gia vào vận động và kích thích hứng thú của trẻ, giúp trẻ tích cực vận động hơn.

3. KẾT LUẬN

Trong giáo dục mầm non hiện nay đòi hỏi sự phối hợp các hoạt động trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển toàn diện năng lực của trẻ. Bài viết sẽ là cơ sở cho giáo viên mầm non trong việc lập kế hoạch, thực hiện và lồng ghép các TCDG trong bài giảng nhằm phát huy tính tích cực vận động theo nhu cầu thực tế của trẻ. Giáo viên cần xây dựng một hệ thống môi trường giáo dục đa dạng và phong phú, mở ra nhiều cơ hội cho trẻ vui chơi và

học tập. Thực tiễn cho thấy, nếu giáo viên biết tận dụng và khai thác tối đa TCDG vào hoạt động khám phá MTXQ sẽ không chỉ làm giàu kiến thức cho trẻ mà còn phát triển toàn bộ các chức năng cơ thể, đảm bảo cho trẻ sẵn sàng học tập ở các cấp học tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Thanh Lưu (2013), *Trò chơi dân gian Xứ Nghệ*, Nxb. Thời Đại, Hà Nội.
- [2] Đặng Hồng Phương (2007), *Phát triển tính tích cực vận động cho trẻ mầm non*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [3] Hoàng Thị Phương (2006), *Giáo trình lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4] *Từ điển Tiếng Việt (2000)*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [5] Trương Kim Oanh- Phan Quỳnh Hoa (1993), *Trò chơi dân gian cho trẻ dưới 6 tuổi*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội.
- [6] Tiểu Kiều (2010), *Trò chơi dân gian của thiếu nhi*, Nxb. Trẻ, Hà Nội.

MEASURES TO ORGANIZE 5-6 YEARS OLD CHILDREN'S FOLK GAMES TO DEVELOP PHYSICAL MOVEMENTS THROUGH ENVIRONMENTAL EXPLORATION

Tran Thi Cam Van

ABSTRACT

Children's folk games are a healthy entertainment activity, showing child's innocence. Folk games can help children exercise the body, brain, ingenuity, disciplinary organization, rich spiritual life. The use and integration of folk games into the preschool program will be a bridge for children to interact with the environment, experience emotions, behaviors, skills. Helping children to become aware of the world, raise awareness and develop positive motivation for children.

Keywords: *Folk games, surrounding environment, preschool education.*

GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CHO THẾ HỆ TRẺ QUA DI TÍCH LỊCH SỬ - CÁCH MẠNG Ở THANH HÓA

Nguyễn Thị Vân¹

TÓM TẮT

Với lịch sử đấu tranh cách mạng oanh liệt của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc, Thanh Hóa là một địa phương còn lưu giữ khá nhiều di tích lịch sử cách mạng. Đến nay, trong tổng số 822 di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, Thanh Hóa có 70 di tích lịch sử - cách mạng. Đây vừa là nguồn sử liệu quý hiếm, phản ánh những sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng, kháng chiến, vừa là phương tiện cực kỳ hiệu quả để giáo dục truyền thống dân tộc, quê hương, nhất là truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, lợi thế này chưa được phát huy. Trong công cuộc đổi mới phương pháp dạy học nhất là môn Lịch sử, để sử dụng hiệu quả phương tiện này, cần có những giải pháp khoa học, có sự phối hợp giữa ngành Giáo dục với các cơ quan quản lý khác.

Từ khóa: Di tích lịch sử - cách mạng, giáo dục truyền thống yêu nước.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Truyền thống yêu nước là vốn quý của mọi dân tộc. Mỗi dân tộc có những nét đặc sắc riêng của lòng yêu nước. Lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam được hình thành trong lao động sản xuất và chiến đấu bảo vệ đất nước, giải phóng dân tộc, phát triển trong công cuộc xây dựng CNXH. Với đặc điểm lịch sử, quá trình dựng nước, xây dựng đất nước của dân tộc ta luôn gắn liền với quá trình giữ nước. Vì thế, thước đo lòng yêu nước cao nhất là ý chí chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta - Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn; nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [4; tr.36]. Trong bối cảnh hiện nay, việc giáo dục lòng yêu nước cho thế hệ trẻ Thanh Hóa nói riêng, cả nước nói chung càng trở nên cấp thiết. Sử dụng các Di tích lịch sử văn hóa (DTLS-VH) nói chung, Di tích lịch sử - cách mạng (DTLS-CM) nói riêng, nhất là trong dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông hiện nay sẽ là biện pháp hiệu quả để nâng cao chất lượng giáo dục lòng yêu nước cho thế hệ trẻ.

2. NỘI DUNG

2.1. Di tích lịch sử - cách mạng là nguồn sử liệu sống động để thế hệ trẻ ngày nay tìm hiểu, nghiên cứu về truyền thống yêu nước của dân tộc, quê hương

Theo Luật Di sản Văn hóa, được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001, thì “DTLS-VH là những công trình xây dựng, địa điểm và

¹ Giảng viên khoa Khoa học Xã Hội, Trường Đại học Hồng Đức

các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc công trình, địa điểm đó có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học”. DTLS-CM “là những công trình xây dựng, địa điểm gắn với sự kiện lịch sử tiêu biểu của các thời kỳ cách mạng, kháng chiến”. Ví dụ, khu di tích Chiến khu Ngọc Trạo (Thạch Thành) từng là căn cứ địa cách mạng của Đảng bộ Thanh Hóa trong thời kỳ trước cách mạng tháng Tám năm 1945, là một trong những DTLS-CM tiêu biểu của Thanh Hóa. Như vậy, DTLS-CM cũng là một loại DTLS-VH, phản ánh cuộc đấu tranh cách mạng giành lại độc lập dân tộc và các cuộc kháng chiến chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, nhất là từ ngày có Đảng lãnh đạo. Theo thống kê của ngành Văn hóa, đến tháng 7/2017, Thanh Hóa có 822 DTLS-VH đã được xếp hạng, gồm 01 Di sản văn hóa thế giới, 03 di tích cấp Quốc gia đặc biệt, 141 di tích Quốc gia và 659 di tích cấp Tỉnh. Trong tổng số 822 di tích được xếp hạng có 70 DTLS-CM (32 di tích quốc gia và 38 di tích cấp tỉnh). Đây là những di sản văn hóa quý báu, có ý nghĩa nhiều mặt, vừa là nguồn sử liệu sống động để thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên tìm hiểu, nghiên cứu về những trang sử đấu tranh cách mạng hào hùng của ông cha, vừa là một trường học, một loại phương tiện đặc biệt giáo dục thế hệ trẻ truyền thống tốt đẹp của dân tộc, quê hương, nhất là truyền thống yêu nước.

Từ 1858 đến 1883, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Triều đình nhà Nguyễn đầu hàng. Với truyền thống yêu nước, bất khuất, nhân dân ta đã đứng lên chống thực dân Pháp, đặc biệt phong trào Cần Vương những năm cuối thế kỷ XIX. Một lần nữa, Thanh Hóa lại là một trong những địa phương phong trào Cần Vương nổ ra mạnh mẽ, rộng khắp và kéo dài nhất. 130 năm đã trôi qua, kể từ ngày cuộc khởi nghĩa Ba Đình bị thực dân Pháp dập trong biển máu, nhưng hai tiếng Ba Đình đã trở thành niềm tự hào, biểu tượng của truyền thống anh dũng, bất khuất, được lưu giữ mãi trong ký ức, tình cảm của nhân dân Thanh Hóa và cả nước. Ngày nay, giáo dục cho học sinh, sinh viên về khởi nghĩa Ba Đình không chỉ ôn lại một cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX, phát huy truyền thống anh dũng, bất khuất, mà còn giáo dục về một giá trị văn hóa đặc biệt của xứ Thanh. Hiếm có một cuộc khởi nghĩa nào lại được đặt tên cho nhiều địa danh lịch sử, địa danh hành chính, trường học... như khởi nghĩa Ba Đình. Chúng ta rất đỗi vinh dự và tự hào khi kể đến những địa danh, như: Quảng trường Ba Đình, nơi Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, hội trường Ba Đình - hơn nửa thế kỷ diễn ra các kỳ họp quốc hội, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV đến X, quận Ba Đình, một quận trung tâm của Thủ đô, nơi làm việc của Trung ương Đảng, Chính phủ. Phường Ba Đình, phường trung tâm của Thành phố Thanh Hóa, và các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở, Tiểu học Ba Đình ở Nga Sơn và Thành phố Thanh Hóa.

Chiến khu Ba Đình đã được công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia vào năm 1992. Hàng năm, nhất là những năm chẵn, tỉnh, huyện đều tổ chức các lễ hội, mít tinh, kỷ niệm. Trong hành trình tham quan, du lịch xứ Thanh, khi nhắc đến Nga Sơn không thể thiếu địa danh chiến khu Ba Đình... Tổ chức cho học sinh, sinh viên tham quan, học tập tại di tích lịch sử có ý nghĩa, hiệu quả nhiều mặt, làm cho họ yêu thích môn lịch sử hơn, đặc biệt góp phần giáo dục niềm tự hào về truyền thống quê hương, giáo dục học sinh ý thức tôn trọng, gìn giữ các giá trị lịch sử - văn hóa của dân tộc.

Trong phong trào Cần Vương, các huyện miền núi Thanh Hóa đã hưởng ứng mạnh mẽ, như các căn cứ Mã Cao, Hùng Lĩnh, với những thủ lĩnh như Hà Văn Mao, Cầm Bá Thước, Tống Duy Tân... Minh chứng cho các sự kiện trên, ngày nay trên mảnh đất xứ Thanh còn khá nhiều di tích, như các đền thờ Cầm Bá Thước (Thường Xuân), đền thờ Hà Văn Mao (Bá Thước)... Những DTLS-CM trên là những minh chứng hùng hồn cho tinh thần yêu nước bất khuất của nhân dân chống lại ách đô hộ của thực dân Pháp, là sự tiếp nối truyền thống yêu nước, chống xâm lược của dân tộc, quê hương hàng ngàn năm trước.

Sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, tình hình kinh tế và giai cấp xã hội ở Việt Nam có những chuyển biến. Các giai cấp cũ bị phân hóa sâu sắc. Các giai cấp mới tư sản, tiểu tư sản và công nhân ra đời và phát triển. Từ 1919 đến 1925, phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam có bước phát triển mới. Từ 1925 đến 1930, trên đất nước ta lần lượt xuất hiện các tổ chức cách mạng, tổ chức cộng sản. Đến năm 1930, lịch sử đã lựa chọn, các tổ chức cộng sản đã hợp nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3/2/1930. Ở Thanh Hóa các di tích phản ánh sự ra đời và hoạt động của Đảng bộ Thanh Hóa, xứ ủy Bắc Kỳ, như ngôi nhà ông Lê Văn Sỹ, xã Thọ Lập, Thọ Xuân, nơi ra đời Đảng bộ Đảng Cộng sản Thanh Hóa (29/7/1930), đồng thời cũng là địa điểm ra đời của tờ báo "Tiến lên" - cơ quan ngôn luận đầu tiên của Đảng bộ Thanh Hóa, cụm di tích cách mạng làng Hàm Hạ (Đông Tiến, Đông Sơn), nơi ra đời Chi bộ Đảng cộng sản đầu tiên ở Thanh Hóa... Những DTLS-CM này giáo dục cho thế hệ trẻ lòng biết ơn đối với những chiến sỹ cách mạng trung kiên, những người đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của đất nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng cả nước. Trải qua 15 năm, với các phong trào cách mạng 1930-1931, phong trào dân chủ 1936-1939 và phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945, cách mạng tháng Tám 1945 thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập. Các di tích về cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Thanh Hóa dưới sự lãnh đạo của Đảng còn lại khá nhiều. Năm 1941, chiến khu Ngọc Trạo (Thạch Thành) được xây dựng, trở thành trái tim cách mạng tỉnh nhà. Tại nơi đây, đêm 19 tháng 9 năm 1941, ở địa điểm hang Treo, trong rừng Ngọc Trạo, đội du kích Ngọc Trạo ra đời với 21 đội viên, chuẩn bị lực lượng vũ trang cách mạng. Ngày nay, khu DTLS-CM với ngôi đình Ngọc Trạo còn hẳn những vết đạn quân thù, với hang Treo, với các ngôi mộ chiến sỹ và đài tưởng niệm mới xây dựng, làm cho học sinh, sinh viên khi đến học tập khu di tích sẽ hiểu sâu sắc hơn, có những biểu tượng lịch sử cụ thể hơn về các sự kiện lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân Thanh Hóa trong thời kỳ tiền khởi nghĩa cách mạng tháng Tám.

Trong những ngày sục sôi khởi nghĩa tháng Tám 1945, nhiều xã, huyện ở Thanh Hóa như Hoằng Hóa đã giành chính quyền khi chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa. Hơn 70 năm đã qua, cuộc khởi nghĩa ngày 24/7/1945 ở huyện Hoằng Hóa mãi mãi vẫn là một mốc son chói lọi trong lịch sử đấu tranh cách mạng của huyện, tỉnh và đất nước, Hoằng Hóa vinh dự là huyện đầu tiên ở Thanh Hóa giành chính quyền về tay nhân dân, góp phần vào thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám của cả nước. Minh chứng hùng hồn cho những tháng ngày sục sôi cách mạng trên là những DTLS-CM như: cồn Mã Nhón (Hoằng Đạo) và cồn Ba cây (Hoằng Thắng), nơi đây 70 năm trước quần chúng nhân dân và tự vệ

cách mạng đã bắt sống tri phủ Phạm Trung Bảo và 12 lính, nơi diễn ra cuộc mít tinh của 5000 quần chúng cách mạng, để đến trưa 24/7/1945, chính quyền đã về tay nhân dân, cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi nhanh chóng. Tại những di tích này, học sinh, sinh viên sẽ được trở lại những ngày tháng hào hùng của ông cha, hình thành những biểu tượng lịch sử với những di vật lịch sử sống động. Các em cũng được thể hiện những cảm xúc lịch sử, thể hiện lòng biết ơn với những bậc tiền bối cách mạng, tự hào về quê hương mình- là một trong những địa phương giành chính quyền đầu tiên của cả nước. Những DTLS-CM quan trọng trên sẽ mãi là những di sản lịch sử - văn hóa vô giá, góp phần vào sự phát triển kinh tế, xã hội của quê hương, đất nước.

Ngay sau cách mạng tháng Tám, nước ta lại phải đương đầu với những thử thách “ngàn cân treo sợi tóc”. Đảng, Chính phủ, Bác Hồ đã chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua những thử thách đó, giữ vững chính quyền cách mạng, chuẩn bị mọi lực lượng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trở lại mà không tránh khỏi.

Kể từ ngày 19/12/1946, cả dân tộc Việt Nam lại bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược. Trong cuộc kháng chiến “thần thánh” ấy, Thanh Hóa là vùng đất tự do và là hậu phương lớn của cuộc kháng chiến. Với vị trí địa đầu của vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh, Thanh Hoá thực sự là nhịp cầu nối giữa chiến trường Bắc Bộ và Bình Trị Thiên, đồng thời là cửa ngõ tiếp giáp với Tây Bắc, Việt Bắc và Thượng Lào.

Thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng bộ và nhân dân Thanh Hoá đã quyết tâm “xây dựng Thanh Hoá thành hậu phương vững mạnh để kịp thời cung cấp đầy đủ sức người, sức của cho chiến trường, đồng thời tổ chức chiến đấu tốt để bảo vệ hậu phương trong mọi tình huống”.

Với âm mưu đánh vào hậu phương lớn của ta, ngay từ những ngày đầu mở rộng chiến tranh xâm lược, thực dân Pháp đã tấn công Thanh Hoá ở 2 địa bàn trọng yếu: miền biển và miền núi.

Năm 1948, thực dân Pháp tấn công vào Thanh Hoá toàn diện và ác liệt hơn.

Từ năm 1950 - 1953, bị thua đau ở Tây Bắc và đồng bằng Bắc Bộ, địch hung hãn đánh phá Thanh Hoá trên mọi phương diện: Kinh tế, chính trị, quân sự. Bên cạnh việc đổ bộ tấn công và chiếm giữ một số điểm ở Nga Sơn, Hậu Lộc, Hòn Mê, chúng còn dùng lực lượng phản động, thổ phi nổi dậy chống phá ta ở Ba Làng (Tĩnh Gia) ở vùng biên giới Việt - Lào (Quan hoá, Bá thước, Lang Chánh). Các tuyến giao thông quan trọng như quốc lộ 1A, Kim Tân - Vĩnh Lộc, Yên Định - Cẩm Thủy, các cửa lạch, bến sông Mã, sông Chu, các cầu cảng... đều bị địch dùng máy bay ném bom oanh tạc. các đập dự trữ nước tưới tiêu như: Bái Thượng, Bàn Thạch và đê Phong Lạc bị giặc Pháp dùng máy bay phá huỷ hoàn toàn.

Phát huy truyền thống bất khuất của quê hương Bà Triệu, Lê Hoàn, Lê Lợi... quân và dân Thanh Hoá dưới sự lãnh đạo của Tỉnh Đảng bộ, của Ủy ban kháng chiến đã kiên quyết giáng trả mọi âm mưu quỷ quyệt của kẻ thù. Lực lượng vũ trang chủ lực của Tỉnh, lực lượng tự vệ của các huyện, xã với vũ khí ít ỏi đã sát cánh bên nhau lập nên những chiến công oanh liệt ngay trên quê hương. Cuộc chiến đấu ác liệt của nhân dân Nga Sơn trong những năm 1951, 1952, 1953 thực sự là tinh thần “Ba đĩnh” quật khởi. Trận đánh chìm

chiến hạm Ô-đanh-vin diệt 200 viên sĩ quan và binh lính trên biển Sầm Sơn là hào khí “đạp luồng sóng dữ chém cá kình” của con cháu bà Triệu. Ngày nay, tượng đài người anh hùng xưa đang được xây dựng trên bờ biển Sầm Sơn thơ mộng, một di tích cách mạng có ý nghĩa to lớn.

Chín năm kháng chiến, quân dân Thanh Hoá luôn chắc tay súng bảo vệ vững chắc quê hương, giữ yên “kho hậu cần” cho cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống vừa giữ nước vừa dựng nước luôn luôn tự lực cánh sinh, tự lực tự cường. Quê hương Thanh Hoá trong những năm tháng chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954), đã phát huy cao độ truyền thống ấy: vừa kiên quyết giáng trả mọi cuộc tấn công của địch để bảo vệ vững chắc hậu phương vừa đồng thời nỗ lực lao động sản xuất để có nhiều lương thực, thực phẩm, quân trang, quân dụng cho bộ đội nơi chiến trường.

Trong những năm 1948-1950: Thanh Hóa đã quyên góp và thu mua lúa khao quân, ủng hộ bộ đội địa phương được 26.512 tấn.

Từ năm 1951 - 1954, Thanh Hóa đã thu góp được 261.728 tấn thóc thuế nông nghiệp góp phần cung ứng cho cuộc kháng chiến.

Năm 1953 Thanh Hóa cung cấp cho Việt Bắc 3000 thiếp giấy và hàng vạn tấn giấy in báo; nhập kho nhà nước 1495 tấn muối.

Từ năm 1951- 1953 lò cao Như Xuân đã sản xuất được 500 tấn gang phục vụ công cuộc kháng chiến.

Những hạt gạo “một nắng hai sương”, những thước vải, thiếp giấy, cân gang cùng hạt muối mặn mà đầm thấm tình hậu phương - tiền tuyến đã từ quê hương Lê Lợi mang sức mạnh Lam Sơn trào đèo lội suối, băng rừng góp lửa cho Điện Biên. Chính người dân quê Thanh Hoá đã dồn sức đẩy xe thò vượt dốc Pha Đin, băng đèo Lũng Lô để chở hạt gạo, hạt muối quê Thanh đến với người chiến sĩ nơi tuyến lửa. Và cũng chính những người con yêu dấu của xứ Thanh đã hăng hái lên đường ra trận, họ đã nêu cao tinh thần xả thân vì nước. Hạt gạo quê Thanh, hạt muối quê Thanh và con người quê Thanh tất cả đều góp công góp sức làm nên “thiên sử vàng” Điện Biên ngày 7/5/1954, như lời khen của Bác Hồ kính yêu: “Bây giờ tiếng Việt Nam đến đâu tiếng Điện Biên Phủ đến đó. Tiếng Điện Biên Phủ đến đâu, đồng bào Thanh Hoá cũng có một phần vinh dự đến đó”.

Để tìm hiểu về những sự kiện trên, chúng ta có thể đưa học sinh, sinh viên về với các di tích cách mạng như Lò Cao kháng chiến Hải Vân (Như Thanh), các địa danh lịch sử như tuyến đường 217- con đường vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí cho chiến trường Điện Biên Phủ, với những hiện vật lịch sử còn lưu giữ đến ngày nay, như những chiếc xe đạp thồ.

Hiệp định Giơnevơ được ký kết, miền Bắc hòa bình trở lại. Với âm mưu biến nước ta thành thuộc địa kiểu mới, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã chia cắt đất nước ta, tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược kiểu mới ở miền Nam với các chiến lược “chiến tranh đặc biệt” (1961-1965), “chiến tranh cục bộ” (1965-1968) và “Việt Nam hóa, Đông Dương hóa chiến tranh” (1969-1973; 1973-1975). Từ cuối năm 1964 đầu năm 1965, đế quốc Mỹ vừa đẩy mạnh chiến

tranh ở miền Nam vừa tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc. Ở vị trí chiến lược quan trọng, là cầu nối Bắc - Nam, Thanh Hóa sớm trở thành mục tiêu trọng điểm bắn phá của đế quốc Mỹ. Cầu Hàm Rồng qua dòng sông Mã, nối liền mạch máu giao thông Bắc - Nam. Tiền tuyến gọi, hậu phương trả lời, mỗi ngày đêm có hàng trăm chuyến tàu xe vận tải qua cầu Hàm Rồng để đưa vũ khí, xăng dầu, quân trang, thuốc men... vào chiến trường miền Nam. Hai lần leo thang bắn phá miền Bắc, cả hai lần đế quốc Mỹ đặt cầu Hàm Rồng trong mục tiêu oanh tạc số 1. Giặc quyết phá sập cầu Hàm Rồng, cắt đứt mạch máu giao thông Bắc - Nam. Ngày 3/4/1965 đế quốc Mỹ huy động 109 lần tốp máy bay đánh phá Hàm Rồng. Ngày 4/4/1965 Mỹ lại huy động hàng trăm lượt máy bay bắn phá cầu Hàm Rồng. Chỉ trong hai ngày 3 và 4/4/1965 giặc Mỹ đã dội 350 quả bom, 149 quả tên lửa, rốc két xuống Hàm Rồng. Nhận thức rõ: *“trọng điểm Thanh Hoá là Hàm Rồng, bảo vệ được cầu Hàm Rồng là bảo vệ được giao thông thông suốt”*; quân và dân Hàm Rồng đã phối hợp với bộ đội chủ lực kiên cường đánh trả: *“thần sấm con ma”* của giặc. Lực lượng tự vệ nhà máy điện Hàm Rồng đã đưa súng lên nóc nhà bắn trả máy bay địch. Dân quân Nam Ngạn - Hàm Rồng lao mình tải đạn, cứu thương. Các cụ *“Bạch đầu quân Hoàng Trường”* mặc dù *“tuổi già”* song *“ý chí càng cao”* đã bám trận địa hạ máy bay Mỹ. Với tinh thần chiến đấu anh dũng, phối hợp với quân dân cả tỉnh, trong 2 ngày 3 và 4 tháng 4 năm 1965, quân và dân Hàm Rồng - Nam Ngạn đó bắn rơi 34 máy bay của giặc Mỹ. Hàm Rồng đó trở thành biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam

Trong những ngày bom đạn ác liệt ấy, con người Thanh Hoá đã *“ngồi lên sắc mặt quê hương”* anh hùng. Chính tinh thần kiên trung bất khuất của quân dân Thanh Hoá đã luôn luôn giữ vững huyết mạch giao thông của Tổ quốc. Những ngày chống chiến tranh phá hoại bằng không quân Mỹ là những ngày quân và dân Thanh Hóa phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Hàm Rồng trụ vững, Đò Lèn trụ vững, cầu Vực trụ vững... vẫn nối liền *“đường ra trận”* đưa tinh thần *“quyết thắng”* vào chiến trường miền Nam.

Nằm trong vùng trọng điểm ném bom bắn phá của đế quốc Mỹ, Thanh Hoá là một trong những địa phương thiệt hại nhiều nhất ở miền Bắc. Trong hai lần leo thang bắn phá miền Bắc, Mỹ đã ném xuống Thanh Hoá 20 vạn tấn bom các loại, 34.809 quả đạn của hải quân Mỹ bắn phá trên biển. Bình quân mỗi km² phải chịu 19,7 tấn bom, mỗi người dân phải chịu 220 kg.

Phản ánh các sự kiện lịch sử trên, Thanh Hóa ngày nay còn rất nhiều DTLs, mà tiêu biểu nhất là khu di tích Hàm Rồng - Nam Ngạn. Ở khu di tích này, những điểm di tích, những hiện vật còn lại như cầu Hàm Rồng, núi Quyết Thắng, nhà máy điện Hàm Rồng, tượng đài chiến thắng Hàm Rồng... sẽ khắc sâu cho học sinh về những trận chiến đấu ác liệt trong các ngày 3 và 4 tháng 4 năm 1965. Học sinh sẽ hình dung cụ thể về những người con anh hùng đã dũng cảm đánh trả quân thù, giữ vững từng nhịp cầu, từng phân xưởng, đồng lúa... Ngày nay, khu vực Hàm Rồng - Nam Ngạn là một bức tranh hoành tráng, tượng trưng cho khí phách, chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam.

Thanh Hóa là một tỉnh được vinh dự đón Bác Hồ về thăm 4 lần. Vì vậy, hiện nay những địa điểm Bác đến thăm, nói chuyện, làm việc đều trở thành các DTLs-CM, như đài

tướng niệm tại Rừng Thông- nơi Bác nói chuyện với đồng bào, cán bộ Thanh Hóa năm 1947, Ngày 20/2/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thăm Thanh Hoá và Người đã căn dặn: “Thanh Hoá phải trở nên một tỉnh kiểu mẫu, phải làm sao cho mọi mặt chính trị, kinh tế, quân sự phải là kiểu mẫu”. Đài tưởng niệm Bác Hồ thăm Thanh Hóa lần đầu tiên (2/1947) tại Rừng Thông (Đông Sơn) là một DTLS-CM quý báu, giúp học sinh, sinh viên hiểu rõ hơn về sự kiện này và phấn đấu rèn luyện, góp phần đưa Thanh Hóa trở thành tỉnh giàu mạnh, kiểu mẫu. Khu tưởng niệm ở xã Yên Trường (Yên Định), ghi dấu hình ảnh Người về thăm Yên Trường năm 1961... Đây là những DTLS-CM giúp học sinh có những biểu tượng cụ thể sinh động về cuộc đời hoạt động cách mạng và những tình cảm của Người đối với Thanh Hóa, nhắc nhở mỗi người dân cần phấn đấu thực hiện lời dạy của Bác “Thanh Hóa trở thành tỉnh kiểu mẫu”.

2.2. Di tích lịch sử - cách mạng là phương tiện giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ hiệu quả

Để sử dụng phương tiện đặc biệt này trong giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ, nhất là học sinh, sinh viên có hiệu quả, cần quán triệt những nguyên tắc sư phạm sau:

Một là, khai thác triệt để tính trực quan sinh động của DTLS-CM. Cũng như các phương tiện trực quan khác, việc sử dụng các DTLS-CM phải làm cho học sinh, sinh viên tiếp xúc, làm việc với những di vật, hình ảnh, sơ đồ, sa bàn... của di tích. Tuy nhiên, với những đặc điểm khác với các loại đồ dùng trực quan khác, khi sử dụng DTLS-CM cần chú ý những điểm như DTLS-CM là phương tiện trực quan cố định ngoài trời, không thể mang vào lớp để học sinh quan sát trực quan. Vì vậy, ở những địa phương không có, hoặc quá xa DTLS có liên quan đến nội dung các sự kiện đang học, cần phải sử dụng các phương tiện trực quan khác về di tích, như băng hình, tranh ảnh chụp, vẽ, sa bàn, mô hình, bản đồ, hoặc các đoạn văn miêu tả, kể chuyện về di tích để minh họa, cụ thể hóa những sự kiện.

Hai là, đảm bảo tính khoa học, tính sư phạm, trước hết ở việc lựa chọn các DTLS-CM: Đó là những DTLS-CM đã được các nhà khoa học kiểm kê, lập hồ sơ, được các cơ quan quản lý xếp hạng, các di tích ghi lại, phản ánh những sự kiện, các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong chương trình lịch sử trường PT, những di tích còn tương đối nguyên vẹn, thường xuyên được tôn tạo, có khung cảnh thiên nhiên đẹp, vì ngoài các nội dung học tập, học sinh, sinh viên còn được vui chơi, ngoại khóa.

Ba là, phát huy tính chủ động, tích cực, phát triển năng lực học sinh, sinh viên. Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản để thực hiện đổi mới PP giáo dục hiện nay. Sử dụng DTLS-CM luôn nhằm phát huy tính chủ động, tích cực nhận thức, sáng tạo của người học

Bốn là, làm rõ tính biểu tượng. DTLS-CM có ưu thế trong việc tạo các biểu tượng lịch sử. Sau khi đến học tập, tham quan tại DTLS-CM, học sinh sẽ thu nhận được những hình ảnh của quá khứ, từ đó tái tạo ra những hình ảnh về các sự kiện đã xảy ra, nhận thức cụ thể về thời gian, địa điểm... diễn ra sự kiện. Mặt khác, qua DTLS-CM, người học cũng xác định được không gian diễn ra sự kiện, nhận thức đúng vai trò của hoàn cảnh địa lý, mối quan hệ giữ tự nhiên và hoàn cảnh xã hội.

Trên cơ sở những nguyên tắc đã xác định, một số hình thức, biện pháp sư phạm sử dụng DTLS-CM nhằm giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ có thể áp dụng:

Thứ nhất, sử dụng tư liệu về DTLS-CM trong bài học lịch sử nội khóa.

Việc sử dụng tư liệu về DTLS-CM của quê hương trong bài học lịch sử nội khóa rất cần thiết, nhất là các DTLS có liên quan đến các sự kiện lịch sử đang học. Việc sử dụng DTLS-CM thường để khai thác tư liệu, minh họa trong bài nội khóa. Tư liệu về DTLS-CM có nhiều, nhưng trong dạy học lịch sử ở các nhà trường, các loại như tranh ảnh, bản đồ, hiện vật, các đoạn văn miêu tả, kể chuyện về di tích thường được sử dụng nhiều hơn. Khai thác các tư liệu về DTLS-CM trong dạy học bài nội khóa nhằm minh họa, cụ thể hóa, bổ sung cho các sự kiện lịch sử. Mức độ thành công của hình thức này tùy thuộc vào sự chuẩn bị của giáo viên và học sinh, đảm bảo các phương pháp sư phạm, khoa học: Tư liệu súc tích, chính xác về nội dung khoa học, đẹp, hấp dẫn về hình thức trình bày. Thời gian, liều lượng sử dụng tư liệu về DTLS phù hợp với nội dung từng bài, từng sự kiện lịch sử và trình độ học sinh.

Thứ hai, bài học lịch sử nội khóa tại di tích lịch sử - cách mạng, nơi đã từng diễn ra các sự kiện lịch sử. Về phương pháp tiến hành bài học tại thực địa DTLS-CM cần chú ý tính đặc trưng của nó, khác bài học tên lớp. Bài học được tổ chức tại nơi đã diễn ra sự kiện, nhưng chỉ còn lại dấu vết, không đầy đủ, nên yêu cầu học sinh phải tìm hiểu trước nội dung để có thể nắm vững, hiểu sâu các sự kiện, tiến trình lịch sử. Nếu bài học do giáo viên trực tiếp giảng dạy, thì giáo viên vừa là người thầy (giảng dạy), vừa làm nhiệm vụ của một hướng dẫn viên (hướng dẫn, giới thiệu). Vì vậy, giáo viên phải tìm hiểu, nắm vững các nội dung lịch sử mà di tích phản ánh, đồng thời phải hiểu biết các lĩnh vực liên quan, như kiến trúc, nghệ thuật, văn học, địa lý, khảo cổ... PPDH liên môn được áp dụng trong loại bài học này rất thích hợp và hiệu quả. Nếu bài học do hướng dẫn viên giới thiệu, giáo viên cần trao đổi kỹ để đảm bảo việc trình bày nội dung bài học và kết hợp với giới thiệu, tham quan di tích, tránh biến buổi học thành buổi tham quan ngoại khóa. Trong giờ học tại thực địa DTLS, học sinh được huy động tối đa các năng lực tư duy, trong đó quan sát, phân tích là chủ yếu. giáo viên cần khơi dậy, duy trì sự tò mò, hứng thú khoa học của học sinh khi tiếp xúc với hiện vật, nhưng cũng tránh việc các em mệt mỏi, hoặc phân tán sự chú ý tới những nội dung ngoài bài học. Học sinh được thực hiện nhiều bài tập thực hành, từ đơn giản đến phức tạp. Học sinh khá, giỏi được làm quen với việc nghiên cứu sử liệu (viết thu hoạch, lập hồ sơ di tích, sưu tầm sử liệu...). Trong và sau buổi học tại DTLS-CM, Học sinh được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí, tham quan du lịch... để buổi học thêm sinh động, hấp dẫn đối với các em.

Thứ ba, tổ chức tham quan di tích lịch sử - cách mạng trong hoạt động ngoại khóa. Để buổi tham quan DTLS đạt hiệu quả, công việc chuẩn bị của giáo viên và học sinh có ý nghĩa quan trọng. Trước hết giáo viên cần xác định mục tiêu của bài học, tìm hiểu kỹ các DTLS, những sự kiện lịch sử liên quan. Thời gian thực hiện một buổi tham quan đối với học sinh trung học phổ thông không quá 180 phút. Phương pháp quan sát được sử dụng chủ yếu. Dưới sự hướng dẫn, giới thiệu của giáo viên, học sinh tích cực tìm hiểu các kiến thức lịch sử qua

quan sát các hiện vật của khu di tích. Giáo viên còn đóng vai trò của một hướng dẫn viên, vì vậy, cần kết hợp nhuần nhuyễn sự quan sát, thảo luận của học sinh với lời mô tả, hướng dẫn của giáo viên.

Thứ tư, một số hình thức ngoại khóa lịch sử khác tại DTLS, như tổ chức cho học sinh tham gia các lễ hội truyền thống tại DTLS-CM, tổ chức dạ hội lịch sử tại DTLS-CM, tiến hành các công tác công ích xã hội tại DTLS-CM.

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Như vậy, DTLS-CM là những trang sử sống động về tính thần yêu nước, truyền thống anh dũng bất khuất của nhân dân Thanh Hóa trong quá trình đấu tranh cách mạng và kháng chiến. Khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn sử liệu này cần có những hình thức và biện pháp khoa học, phù hợp, có sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành GD-ĐT với ngành Văn hóa, ví như:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu rộng rãi các DTLS-CM tiêu biểu của Thanh Hóa trong các nhà trường, tổ chức biên soạn những tài liệu dạy học, bài giảng về các DTLS-CM có chất lượng dùng cho các trường phổ thông và Đại học, Cao đẳng...

Có những hình thức, biện pháp thu hút ngày càng đông đảo học sinh, sinh viên đến học tập, tham quan các DTLS-CM tiêu biểu của quê hương, tổ chức trưng bày, triển lãm chuyên đề về DTLS-CM xứ Thanh trong các trường học, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về DTLS-CM... Trong các lễ hội tại DTLS-CM, học sinh, sinh viên nên được tham gia như là những chủ thể.

Tổ chức nhiều hơn các buổi nói chuyện truyền thống cách mạng, gặp gỡ giao lưu với các nhân chứng lịch sử, các vị lão thành cách mạng.

Đối với chương trình Lịch sử dân tộc, Lịch sử địa phương trong các nhà trường, cần đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức, PPDH, tăng cường tổ chức các bài học tại thực địa DTLS- CM, tại phòng truyền thống ở các địa phương, các ngành.

Chất lượng giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ chỉ thực sự có hiệu quả khi khu di tích lịch sử cách mạng được quan tâm đầu tư, bảo tồn, tôn tạo đúng với tầm vóc, giá trị lịch sử - văn hóa của nó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Quản lý di tích và Danh thắng Thanh Hóa (2006, 2007), *Thanh Hóa di tích và Danh thắng (Tập 4, 5)*, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [2] Hoàng Thanh Hải (Chủ biên) (1997), *Lịch sử Thanh Hóa- Dành cho các trường phổ thông Thanh Hóa*, Nxb. Thanh Hóa, Thanh Hóa.
- [3] Hoàng Thanh Hải (2012), *Sử dụng các di tích lịch sử-văn hóa trong dạy học lịch sử ở trường Trung học phổ thông tỉnh Thanh Hóa*, Báo cáo tổng kết đề tài khoa học cấp Bộ, Trường Đại học Hồng Đức.
- [4] Hồ Chí Minh (1986), *Toàn tập, Tập 6*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.

EDUCATING PATRIOTISM FOR THE YOUNG GENERATION THROUGH THE HISTORICAL AND REVOLUTION SITES IN THANH HOA PROVINCE

Nguyen Thi Van

ABSTRACT

With the history of the revolutionary struggle of the Party and people of different ethnic groups, Thanh Hoa is a locality that still preserves many historical relics. So far, among the total of 822 historic-cultural sites rated, Thanh Hoa has 70 historical sites. This is a rare source of history, reflecting the typical historical events of the revolutionary and resistance periods, as well as an extremely effective means to educate the nation's traditions, hometowns, patriotism for the young generation. However, for many reasons, this advantage has not been fully realized. In the process of reforming teaching methods, especially in the coming history, in order to make effective use of this medium, it is necessary to have scientific solutions, to coordinate the education sector with other management agencies.

Keywords: *The historical-revolutionary sites, education of patriotism.*

HONG DUC UNIVERSITY

JOURNAL OF SCIENCE

No 38 (4 - 2018)

CONTENT

1	<i>Nguyen Manh An Ngo Chi Thanh</i>	The role of the stakeholders in building curriculum for the field of construction engineering and information technology at Hong Duc university	5
2	<i>Nguyen Thi Lan Anh</i>	Educating the lifestyle for Vietnamese students under the impact of globalization	13
3	<i>Le Thi Anh</i>	Applicating resolution of the 12 th Congress on the building of the Communist Party of Vietnam and the State structure to teaching revolutionary guidelines of Vietnamese Communist Party	20
4	<i>Trinh To Anh</i>	Enhancing moral education for students of Hong Duc university based on Ho Chi Minh's ideology	28
5	<i>Nguyen Thi Be</i>	Integrating the practice of communicative competence for students through teaching pragmatics	39
6	<i>Dao Thi Ha Doan Dung Si</i>	Ways to make toys from recycled materials for preschool children	46
7	<i>Le Van Hao Le Thi Hong Ha Trinh Thi Anh Loan</i>	Searching for lecture slide video based on content	54
8	<i>Nguyen Huu Hau Tran Trung Tinh</i>	Mentoring assessment capability in teaching mathematics for teacher students	63

9	<i>Nguyen Huu Hoc</i>	Teaching and learning differential equations with the help of Maple software	74
10	<i>Vu Thi Lan</i>	Educating healthy lifestyle for Hong Duc students based on Ho Chi Minh's viewpoint: The current situation and proposed solutions	83
11	<i>Nguyen Thi Ngoc</i>	Use the variable of the Ritz in the quantum mechanic exercises for physics students at Hong Duc university	93
12	<i>Mai Thi Quy</i>	Determining necessary values for students in current conditions	101
13	<i>Nguyen Thi Tam</i>	Applying the Communist Party of Vietnam's viewpoint in building and perfecting a rule-based society from the XII Congress's documents in teaching Ho Chi Minh's ideology of state	111
14	<i>Tran Thi Cam Van</i>	Measures to organize 5-6 years old children's folk games to develop physical movements through environmental exploration	118
15	<i>Nguyen Thi Van</i>	Educating patriotism for the young generation through the historical and revolution sites in Thanh Hoa province	125